

Phật giáo Nguyên thủy

PHÁP TRÍCH LỤC T3

Huỳnh Văn Niệm soạn dịch

Phật Bảo Tự tái bản

Pagode Buddharatanarama

3, Rue Broca

91600 Savigny Sur Orge - France

Tel: 01 69 96 49 34

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienlienhoa.net>

Chuyển sang ebook 06-12-2017

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Lời tựa

Ba tháng trước khi Đức Phật Thích-Ca Gotama nhập Niết-Bàn

Chế-ngự nổi kinh-hoàng nơi rừng vắng

Dòng nước tử sanh

Đức Phật giải về tư-cách vô-thường của những cảnh-vật thiên-nhiên.

Kỳ-thị về giai-cấp

Thế nào là bậc sa-môn?

Kiến-thức của những người mù

Những nguyên-tố

Những phép màu

Đức-Phật chê những phép thần-thông và tha tâm thông

Đức Phật trách phạt Tỳ-khuru Pindola Bharadvaja

Lời giáo-đạo của Đức Thế Tôn cho ngài Rahula nghe

Ông hoàng Mahānāma chưa dứt trừ được phiền-não

Giây oan-trái nên mở chớ không nên buộc

Khúc gỗ trôi ra biển cả

Tư-cách dứt bỏ

Công-phu hành đạo

Thiền khái-luận về Minh sát tuệ (Vipassanā dipani)

Thiền "khái-luận"

---o0o---

Pháp Trích Lục

Ngăn-ngủi thay cái kiếp nhân-sinh! Nó thoáng qua và hầu như lần tránh.

Qui-luật của nó là cái chết, luôn-luôn ám-ảnh những niềm vui.

-- MAJJHIMA NIKAYA

---o0o---

Lời tựa

Tư-cách chẳng làm điều dữ

Tư-cách làm thêm việc lành

Tư-cách làm cho tâm trong sạch

Đó là Giáo-Pháp của Chư Phật.

Cũng như vua Mi Lan Đà muốn làm cho Đức Na Tiên bí lỗi, một trí-giả có tánh hay nguy-biến thời Trung Cổ hỏi nhà hiền-triết Hy-Lạp: "Vậy trên thế-gian này, việc gì khó làm nhất?"

Nhưng ông ta hết sức ngỡ-ngần, không hiểu gì cả khi nghe nhà hiền-triết trả lời: "Việc khó làm nhất là học để tự biết lấy mình".

Câu này đồng nghĩa với câu "Tu để thấy tánh thành Phật" mà chúng ta thường được xem qua trong các kinh sách.

Mà thật vậy, đã trải qua nhiều thế-hệ, các bậc thánh-nhân, các nhà hiền-triết, các tư-tưởng gia đều không ngớt tìm hiểu cái thực chất của con người là thế nào?

Các ngài khám-phá trong con người có nhiều đặc-tính trái-nghịch nhau: Khi thì chìm đắm xuống tận đáy sâu của tội-lỗi, khi thì vượt lên đỉnh cùng tột của giới đức thanh-cao.

Trong mỗi cá-nhân thường có hai hạng người: lúc thì tượng-trung cho loài yêu-quái hung-tàn, khi thì thánh-thiện như bậc đại-hiền cao-quý.

Những nghi-vấn về nhân-loại là bài toán rắc-rối nhất, suốt sáu ngàn năm lịch-sử thế-giới đã làm bận lòng biết bao nhà tâm-lý học, huyền-học, triết luận ... đã làm mệt mỏi biết bao ngòi bút đặc-sắc, đã làm rối-rắm những câu

ngôn-ngữ hùng-hồn, đã làm điên-đảo nhiều trí óc thông-minh trong việc tìm kiếm một lời giải-đáp thích-nghi.

Trong mỗi con người đều có một điểm linh quang cứu-cánh, nhưng nó thường bị che lấp bởi vô-minh dày đặc đượ cái tâm ái-dục củng-cố từ vô-lượng kiếp.

Điểm linh quang đó (Trí-Tuệ Giải-Thoát) chỉ phát-hiện đến những con người dũng-cảm nhiệt-thành, biết nhận-thức đúng theo chân-lý ba tướng: Vô-thường - Khổ-não - Vô-ngã, của muôn loài.

Người đời cố duy-trì liên-tục những tư-tưởng về dục lạc và cũng ráng sa-thải đối-tượng của nó là sự khổ đau, nhưng đã vô-tình kéo dài niềm thống-khổ.

Phân-tách toàn-diện hiện-tượng sinh-tính giữa cái sống và cái chết cho thấy chúng ta biết cái sống, còn cái chết thì không biết. Ta sợ cái mình không biết và cũng sợ mất cái mà ta biết. Tuy-nhiên, sống và chết đều cũng nằm trong một chuỗi dài diễn biến nối-tiếp với nhau mà thôi.

Thật ra, sự sống chỉ là tư-cách lang-thang trôi giạt triền-miên của tâm thức, một hiện sinh làm bằng tranh-đấu, bằng lo-âu, bằng ái-dục, bằng sự bất an khôn-khổ để tìm một nơi yên nghỉ mà không sao đạt được.

Với nền văn-minh khoa-học hiện-đại, trên khắp mặt quả địa-cầu, từ chót cao tốt của dãy Hi Mã Lạp Sơn đến vực sâu cùng-tận của Đại Tây Dương, từ bãi sa-mạc Trung Phi nắng cháy đến miền tuyết-băng đông đặc của Bắc Cực, và còn hơn thế nữa ... đến cung trăng, chẳng một nơi nào thoát khỏi dẫu chân của loài người.

Nhưng ai nấy đều thúc-thủ ngẩn-ngơ, vì không tài nào thám-hiểm nổi vực sâu của cái thế-giới thu hẹp bề cao không tới hai thước, là chính bản-thân.

Hạng phạm-phu thiếu-trí quan-niệm con người qua xác thân bằng xương bằng thịt với tứ-chi ngũ-tạng và chẳng thích thú gì khi thấy xác thân đó bị côn-trùng đục-khoét, tan rã sau khi chết, nhưng ráng tập quen với cảnh-tượng chán-chê này cho đỡ khổ.

Nhiều tôn-giáo, với lý-tưởng nông cạn, thô-sơ, cũng nhìn-nhận rằng thế-gian là khổ, nên cố suy tạo ra những cảnh-giới khác an vui, hạnh-phúc hơn, dành riêng cho con người sau khi chết. Ki Tô Giáo cho rằng con người là kẻ có tội. Hồi-Giáo nói rằng con người thuộc hạng xấu số và Bà La Môn Giáo thì dùng con người để trắc-nghiệm lý-thuyết Nhị-Nguyên.

Riêng Phật-Giáo lại có một lẽ-lối nhận định vi-tế, thuận-lý, về bản-chất bí-ẩn của tất cả chúng-sinh, cho rằng sở-dĩ chúng-sinh phải bị luân-hồi khổ hải

vì luôn-luôn đeo đuổi theo những hình-ảnh giả-tạo bên ngoài và bỏ rơi cái chân tánh thiêng-liêng đã sẵn có bên trong.

Căn-bản của đạo Phật là một cuộc cách-mạng triệt-để về tâm-lý để đưa con người từ ngoại-cảnh trở lại nội-tâm, từ lãnh-vực phàm-nhân sang lãnh-vực siêu-nhân, bằng những đường lối luân-lý, đạo-đức, rất thực-tiễn và khoa-học. Đức Phật nói tâm ái-dục là người thợ tạo ra cái nhà ngũ uẩn và hân-hoan tuyên-bố khi vừa thành đạo: "Ta đã tìm ra người thợ cất nhà rồi! Từ nay người chẳng còn tạo-tác nữa". Ngài thêm rằng chính cái thân ô-trược này là nguồn gốc của muôn vàn thống-khổ.

Các tôn-giáo khác cho rằng sự khổ chỉ có ở trong thế-gian này. Đức Phật nói rằng nỗi khổ lan tràn khắp Tam Giới: Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Dù là chư-thiên trên cõi trời vô sắc, cũng vẫn chịu khổ nhỏ-nhen vì phải mang một thân xác tuy vô-hình nhưng sẽ tan biến trong thời-gian nào đó. Lẽ ấy, người hành đạo cần phải diệt trừ ái-dục, để phá vỡ cái nhà ngũ-uẩn thì mới mong thoát khổ.

Người đời cho rằng hơn là vui, thua là khổ. Phật-Giáo dạy rằng hơn hay thua cũng đều là khổ. Trong suốt quá-trình sanh tử, tử sanh, nhiều duyên nghiệp đã biến con người trở thành tham-lam ích-kỷ, hung-hăng, tàn-bạo, sống động, tranh-chấp, xung-đột, giết hại lẫn nhau, nước mắt đổ ra nhiều hơn nước trong biển cả và đã phơi xác trên khắp bãi tha-ma.

Đúng theo tinh-thần Phật-Giáo, tư-cách an vui tuyệt-đối không phải là một cảnh-giới cố-định, cũng chẳng phải là cõi thiên-đàng hay cực-lạc, mà là một trạng-thái siêu-việt bất-di bất-dịch, như Đức Thế Tôn đã thuyết trong kinh Udana:

"Thật ra, có một vương quốc mà tại đó không có gì là rắn chắc, lưu động, nung nóng, rung chuyển (Tứ-Đại), không có quả địa-cầu này hay quả địa-cầu khác, không có cái mặt trời, mặt trăng, không cao, không thấp, không tới, không lui, không sanh, không diệt, không nền móng, không tiến triển, không hình thành. Đó là trạng-thái chấm-dứt nguồn thống-khổ (Niết-Bàn)".

Phần lớn, những thánh kinh trong các tôn-giáo khác đều được dành cho vô-số giáo-điều và nghi-lễ phụng thờ khẩn vái, cầu xin ân trên đoái-hoài cứu rỗi.

Trái lại, Đức Phật nói rất ít về bổn-phận ở đời của người Phật-Tử tại-gia, không dạy cúng kiến khẩn cầu và hầu hết tám muôn bốn ngàn Pháp Môn đều chú-trọng về đường lối hành đạo, trau-giồi giới đức, rèn luyện nội-tâm để mau thoát khổ.

Tất cả những Phật ngôn trong quyển "Pháp Trích Lục" đều nhắm về các Pháp Hành có tính-cách lợi-ích quan-trọng dành riêng cho bậc hành-giả nhiệt-thành dũng-cảm quyết-tâm đi tới mục-đích an vui cao-thượng.

Phần sau, có Thiên Khái Luận về "Minh Sát Tuệ" do Đại-Đức Thiên-Su LEDI SAYADAW sáng-tác ra từ năm 1915 tại Mandalay (Miến-Điện), công-hiến thêm nhiều tài-liệu và chi-tiết đặc-biệt để nâng-đỡ hữu-hiệu các Phật-Tử thiết-tha với Pháp tu Thiên-Định.

Huỳnh Văn Niệm

---o0o---

Đức Phật và ma-vương có liên quan chặt-chẽ với nhau, nên cả hai đều xuất-hiện cùng một lúc.

Bên này là xây-dựng, là bảo-trì, là ánh-sáng, là cõi sống.

Bên kia là tàn-phá, là hủy-diệt, là bóng tối, là cõi chết.

-- MILINDA PANHA

Ba tháng trước khi Đức Phật Thích-Ca Gotama nhập Niết-Bàn

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammasambudhassa

Sáng sớm, Đức Thế Tôn mặc y mang bát đi trì bình về phía thành Vesali. Sau khi trở về độ ngộ xong, Ngài dạy Đại-Đức Ananda như vậy: "Này Ananda, người hãy mang theo một chiếc chiếu cho Như Lai vào nghỉ trưa tại thánh-địa Chapala". Đức Ananda liền ôm chiếu đi theo sau Đức Phật.

Khi đến nơi, Ngài an-tọa trên chiếu và Đức Ananda cung-kính ngồi bên ngoài gần đó. Bỗng-nhiên Đức Phật mở lời: "Này Ananda, thành Vesali thật tráng-lệ huy-hoàng làm sao! Lại còn nhiều thắng-cảnh khác rất hấp-dẫn, thú-vị biết bao! Như những thánh-địa Udena và Gotamaka, thánh-địa Bảy Cây Xoài, những thánh-địa Sarandada và Chapala".

Rồi Đức Thế Tôn thuyết tiếp: "Này Ananda, người nào đã thực-hành, đã làm phát-triển, đã thành-đạt bốn pháp Tứ Như Ý Túc (hay là Tứ Thần Túc), đã vượt lên tới tột điểm của Pháp-Môn ấy và có khả-năng điều-khiển nó tùy theo sở-thích, thì người dùng đó làm một phương-tiện, làm căn-bản. Nếu muốn, người có thể kéo dài đời sống tới một kiếp trái đất hoặc suốt thời-gian còn lại của kiếp ấy".

"Này Ananda, Như Lai đã thực-hành và thành-đạt hoàn-toàn bốn pháp 'Tứ Như Ý Túc' và biết dùng chúng làm phương-tiện. Nếu muốn, Ta có thể kéo dài cuộc sống bằng một kiếp trái đất hay suốt thời-gian còn lại của kiếp đó".

Thật thấy rõ-rệt. Nhưng Ngài Ananda lại không nhận-thức được sự gọi ý của Đức Thế Tôn nên vẫn im lặng, chẳng tỏ một lời thành khẩn: "Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài rộng lòng từ-bi, bác-ái ở lại với chúng con cho tới hết kiếp quả địa-cầu. Ở lại vì hạnh-phúc của phần đông. Ở lại vì tình thương đối với chúng-sinh, vì lợi-ích an vui cho khắp chư-thiên và nhân-loại". Rồi thay, khi ấy tâm-trí của Đức Ananda bị ma-vương ám-ảnh.

Đức Phật lập lại những lời nói đó đến lần thứ nhì, lần thứ ba, nhưng Ngài Ananda vẫn lặng thinh.

Rồi Đức Phật dạy Đại đức Ananda đi hành-sự tùy-ý, để cho Ngài an nghỉ. Đại đức Ananda đi vòng qua bên phải Đức Thế Tôn, kính-cẩn đánh lễ rồi tìm đến dưới một cội cây, ngồi cách xa nơi đó.

Vừa lúc ấy, ma-vương hiện đến, đứng trước Đức Đại Giác và khẩn cầu: "Kính bạch Đấng Chí Tôn, xin Ngài hãy ra đi nội hôm nay. Đã đến lúc Ngài nên diệt độ cho xong để giữ đúng lời hứa hẹn khi Ngài vừa thành đạo. Lúc đó Ngài có nói như vậy: "Này ma-vương xấu-xa tội-lỗi, Như Lai chỉ ra đi khi nào các đệ-tử khắp hàng tứ chúng: tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, thiên-nam, tín-nữ có đầy đủ đức tin cao cả và được thuần-thục trong giáo pháp. Khi nào chúng trở nên nhiệt-thành dễ dạy, học-thức uyên-thâm. Khi nào các đệ-tử thông-suốt giáo-lý, biết tẩy-trừ những điều xấu-xa tội-lỗi. Khi nào chúng biết sống theo lẽ phải, nghiêm-trì giới-luật, có đủ khả-năng làm phát-triển chân-lý, biết truyền-bá chánh pháp một cách giới-giảng, rành-mạch. Khi nào các đệ-tử có đủ tài-đức phổ-biến giáo-lý và làm cho chánh đạo được lan rộng khắp nơi".

Ma-vương tiếp: "Kính Bạch Đấng Chí Tôn Chí Thánh, hiện nay các tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni trong tăng-hội, những môn-đệ nam nữ tại-gia đều có đầy đủ đức tin và thuần-thục trong giáo pháp, đều nhiệt-thành dễ dạy, học-thức uyên-thâm, đều suốt-thông giáo-lý, biết tẩy-trừ những tật xấu-xa tội-lỗi, đều biết sống theo lẽ phải, nghiêm-trì giới luật, có đủ khả-năng làm phát-triển chân-lý, truyền-bá chánh pháp một cách giới-giảng, rành-mạch, biết phổ-biến giáo-lý và khuếch-trương chánh đạo lan rộng khắp nơi. Kính Bạch Đấng Chí Tôn Chí Thánh, vậy xin Ngài hãy ra đi nội hôm nay. Đã đến lúc Ngài nên diệt độ cho xong, để giữ đúng lời cam-kết khi vừa thành đạo".

Khi ma-vương dứt lời, Đức Phật đáp: "Này ma-vương xấu-xa tội-lỗi, vậy ngươi nên vững dạ, toại chí reo mừng đi. Đấng Chánh Đẳng Chánh Giác sẽ lìa bỏ trần-gian trong những ngày sắp tới. Kể từ hôm nay, hết ba tháng nữa, Như Lai sẽ nhập Niết-Bàn".

Tại thánh-địa Chapala, với tâm-trí hoàn-toàn sáng-suốt, Đức Thế Tôn đã dứt-khoát về cuộc đời trên cõi thế.

Và lúc Ngài quyết-định vừa xong, quả địa-cầu chuyển-động vô-cùng khủng-khiếp, vòm trời tối sầm ảm-đạm, sấm sét tua vang rền khắp bốn phương tám hướng.

Đức Thế Tôn hân-hoan ngâm kệ:

*Đấng Đại Hiền từ bỏ định-kỳ về lẽ sống,
Sa-thải căn-nguyên lớn nhỏ của kiếp nhân-sinh,
Với nội-tâm an-tĩnh nhẹ-nhàng, Ngài phá vỡ mảnh thiết-y,
Nguồn-gốc của cuộc đời huyền-ảo.*

Khi ấy, Đại đức Ananda phát tâm suy-nghĩ: "Thật lạ thay! Tại sao quả địa-cầu chuyển-động khủng-khiếp như thế? Tại sao sấm sét lại bủa khắp vòm trời?". Nghĩ xong, Ngài đến nơi Phật ngự, cung-kính đảnh lễ, ngồi kế bên và nói: "Bạch Đức Thế Tôn, thật lạ thay! Kỳ-diệu thay! Chẳng biết do duyên-cớ nào, do nguyên-nhân gần hay xa mà quả địa-cầu chuyển-động mạnh-mẽ và sấm sét bủa khắp vòm trời như thế?".

Đức Phật đáp: "Này Ananda, có tám nguyên-nhân gần hoặc xa làm cho trái đất rung-chuyển vì quả địa-cầu hùng-vĩ này được thành-hình trên nước, nước ở trên gió và gió ở trên hư-không. Sau đây là tám nguyên-nhân đó:

1) Có lúc những ngọn cuồng-phong thổi mạnh, làm cho khối nước lay-động dữ-dội. Tiếp theo đó, các lượn sóng ba-đào tung bủa khắp nơi làm cho quả địa-cầu rung-chuyển. Đây là nguyên-nhân gần hoặc xa thứ nhất làm cho quả địa-cầu chuyển-động.

2) Khác nữa là trường-hợp một đạo-sĩ hay Bà La Môn có nhiều năng-lực nhiệm-mầu do pháp Thiên-Định, biết chế-ngự nội-tâm, hoặc một thiên-thần nào đó tham-thiền về thành-phần nhỏ của chất đất rồi đem nó ra so-sánh với khối nước rộng lớn bao-la. Trạng-thái phân chia lớn nhỏ về các hiện-tượng vật-chất đó là một phương-tiện hữu-hiệu mà những hành-giả kể trên có thể áp-dụng để làm rung-chuyển quả địa-cầu. Đây là nguyên-nhân gần hoặc xa thứ hai làm cho quả địa-cầu chuyển-động.

3) Khác nữa là trường-hợp một vị Bồ-Tát sáng-suốt biết mình rời khỏi cung trời Đâu Xuất giáng-trần để kết vào thai-bào. Đây là nguyên-nhân gần hay xa thứ ba làm cho quả địa-cầu chuyển-động.

4) Khác nữa là trường-hợp Đức Bồ-Tát sáng-suốt biết mình rời khỏi lòng mẹ. Đây là nguyên-nhân gần hay xa thứ tư làm cho quả địa-cầu chuyển-động.

5) Khác nữa là trường-hợp một Đấng Như Lai được hoàn-toàn giác-ngộ, thành-đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là nguyên-nhân gần hay xa thứ năm làm cho quả địa-cầu chuyển-động.

6) Khác nữa là trường-hợp một Đức Phật Toàn Giác chuyển bánh xe Pháp để cứu độ chúng-sinh. Đây là nguyên-nhân gần hay xa thứ sáu làm cho quả địa-cầu chuyển-động.

7) Khác nữa là trường-hợp một Đấng Như Lai quyết-định rời khỏi thế-gian. Đây là nguyên-nhân gần hay xa thứ bảy làm cho quả địa-cầu chuyển-động.

8) Khác nữa là trường-hợp một Đấng Như Lai hoàn-toàn tịch-tĩnh vào cõi Niết-Bàn, không còn dư sót gì trên cõi thế (ngũ-uẩn tuyệt-đối tan rã). Đây là nguyên-nhân gần hay xa thứ tám làm cho quả địa-cầu chuyển-động".

---o0o---

I- Tám kiến-thức cao-thượng

"Này Ananda, còn đây là tám kiến-thức cao-thượng (liên quan đến sắc trần và các giác-quan):

1) Khi người giới-tử có tư-tưởng chủ-quan về sắc trần, nhìn thấy ở ngoài bản-thân vật chi cao-quý hay hèn-hạ, vừa lòng hay Phật ý, có tính-cách hữu-biên (có giới-hạn), mà biết chế-ngự nó (không chấp). Người sáng-suốt nhận-định đúng theo chân-lý về những gì mình đã thấy, đã biết. Đó là kiến-thức cao-thượng thứ nhất (liên quan đến sắc trần và các giác-quan).

2) Khi người giới-tử có tư-tưởng chủ-quan về sắc trần, nhìn thấy ở ngoài bản-thân vật chi cao-quý hay hèn-hạ, vừa lòng hay Phật ý, có tính-cách vô-biên (không có giới-hạn) mà biết chế-ngự nó. Người sáng-suốt nhận-định đúng theo chân-lý về những gì mình đã thấy, đã biết. Đó là kiến-thức cao-thượng thứ hai.

3) Khi người giới-tử không có tư-tưởng chủ-quan về sắc trần, nhìn thấy ở ngoài bản-thân vật chi cao-quý hay hèn-hạ, vừa lòng hay Phật ý, có tính-cách hữu-biên mà biết chế-ngự nó. Người sáng-suốt nhận-định đúng theo chân-lý về những gì mình đã thấy, đã biết. Đó là kiến-thức cao-thượng thứ ba.

4) Khi người giới-tử không có tư-tưởng chủ-quan về sắc trần, nhìn thấy ở ngoài bản-thân vật chi cao-quý hay hèn-hạ, vừa lòng hay Phật ý, có tính-cách vô-biên mà biết chế-ngự nó. Người sáng-suốt nhận-định đúng theo chân-lý về những gì mình đã thấy, đã biết. Đó là kiến-thức cao-thượng thứ tư.

5) Khi người giới-tử không có tư-tưởng chủ-quan về sắc trần, nhìn thấy ở ngoài bản-thân vật chi có màu xanh, hình-dáng xanh, phản-chiếu ra sắc xanh như bông cây gai mang màu xanh, có hình-dáng xanh, phản-chiếu ra màu xanh. Hoặc thứ nhưng xanh làm tại thành Bénarès ửng ra màu xanh cả hai mặt. Người giới-tử sáng-suốt nhận-định đúng theo chân-lý về vật gì mang màu xanh mà mình đã thấy, đã biết và chế-ngự nó. Đó là kiến-thức cao-siêu thứ năm.

6) Khi người giới-tử không có tư-tưởng chủ-quan về sắc trần, nhìn thấy ở ngoài bản-thân vật chi có màu vàng, hình-dáng vàng, phản-chiếu ra sắc vàng như bông Kanikara mang màu vàng, có hình-dáng vàng, phản-chiếu ra màu vàng. Hoặc thứ nhưng vàng làm tại thành Bénarès ửng ra màu vàng cả hai mặt. Người giới-tử sáng-suốt nhận-định đúng theo chân-lý về vật gì mang màu vàng mà mình đã thấy, đã biết và chế-ngự nó. Đó là kiến-thức cao- siêu thứ sáu.

7) Khi người giới-tử không có tư-tưởng chủ-quan về sắc trần, nhìn thấy ở ngoài bản-thân vật chi có màu đỏ, hình-dáng đỏ, phản-chiếu ra sắc đỏ như bông Bandhu Givaka mang màu đỏ, có hình-dáng đỏ, phản-chiếu ra màu đỏ. Hoặc thứ nhưng đỏ làm tại thành Bénarès ửng ra màu đỏ cả hai mặt. Người giới-tử sáng-suốt nhận-định đúng theo chân-lý về vật gì mang màu đỏ mà mình đã thấy, đã biết và chế-ngự nó. Đó là kiến-thức cao-siêu thứ bảy.

8) Khi người giới-tử không có tư-tưởng chủ-quan về sắc trần, nhìn thấy ở ngoài bản-thân vật chi có màu trắng, hình-dáng trắng, phản-chiếu ra sắc trắng như ánh sao mai mang màu trắng, có hình-dáng trắng, phản-chiếu ra màu trắng. Hoặc thứ nhưng trắng làm tại thành Bénarès ửng ra màu trắng cả hai mặt. Người giới-tử sáng-suốt nhận-định đúng theo chân-lý về vật gì mang màu trắng mà mình đã thấy, đã biết và chế-ngự nó. Đó là kiến-thức cao-siêu thứ tám".

Tám giai-đoạn thoát-ly ra khỏi ảnh-hưởng của tâm ái-dục về các sắc trần:

"Này Ananda, sau đây là tám giai-đoạn thoát-ly ra khỏi ảnh-hưởng của tâm ái-dục về các sắc trần:

1) Khi người mang một sắc-tướng (xác thân), biết nhìn xem những sắc-tướng khác. Đây là giai-đoạn giải-thoát thứ nhất.

2) Khi người không biết mình mang một sắc-tướng, biết nhìn xem những sắc-tướng ở ngoài bản-thân. Đây là giai-đoạn giải-thoát thứ hai.

3) Khi người có ý nghĩ: "Đó là tốt tươi, đẹp đẽ" rồi hoàn-toàn bị cảm nghĩ đó thu hút. Đây là giai-đoạn giải-thoát thứ ba.

4) Khi người vượt qua khỏi ý nghĩ về hình-sắc, không còn xúc-động bởi sự va chạm với sắc trần, chẳng quan tâm đến tư-cách khác biệt về hình-sắc và nghĩ rằng: "Toàn là hư-không vô-biên". Lúc đó người ở vào tình-trạng "Không Vô-Biên". Đây là giai-đoạn giải-thoát thứ tư (Bậc Thiền Vô Sắc thứ nhất "Không Vô-Biên Thiên").

5) Vượt qua khỏi giai-đoạn Không Vô Biên, người suy nghĩ: "Chỉ toàn là Tri-Giác Vô-Biên" và bước vào trạng-thái "Thức Vô Biên". Đây là giai-đoạn giải-thoát thứ năm (Bậc Thiền Vô Sắc thứ hai "Thức Vô-Biên Thiên").

6) Vượt qua khỏi giai-đoạn Thức Vô-Biên, người suy nghĩ: "Chẳng có gì cả" và bước vào trạng-thái "Vô-Hữu". Đây là giai-đoạn giải-thoát thứ sáu (Bậc Thiền Vô Sắc thứ ba "Vô-Hữu Sở Thiên").

7) Vượt qua khỏi giai-đoạn Vô-Hữu, người suy nghĩ: "Chỉ toàn là trạng-thái Không Có Không Không về tư-tướng" và bước vào lãnh-vực "Phi Phi Tướng". Đây là giai-đoạn giải-thoát thứ bảy (Bậc Thiền Vô Sắc thứ tư "Phi Phi Tướng Thiên").

8) Vượt qua khỏi lãnh-vực Phi Phi Tướng, người bước vào trạng-thái cuối cùng cao tột, chẳng còn tư-tướng và cảm-giác gì cả: "Diệt Thọ Tướng" (Giải-thoát hoàn-toàn). Đây là giai-đoạn giải-thoát thứ tám".

---o0o---

II- Lời hứa với Ma-vương

"Này Ananda, một thuở nọ, vừa sau khi thành đạo và lúc Như Lai đang ngồi nghỉ dưới cội cây Nigrodha, trên bờ sông Neranjara (Sông Ni Liên), thì ma-vương xấu-xa tội-lỗi hiện đến trước mặt Ta và nói: "Hỡi Đấng Chí Tôn Chí Thánh! Xin Ngài hãy ra đi nội hôm nay, hãy diệt độ nội hôm nay. Đã đến lúc Đấng Chí Tôn nhập Niết-Bàn".

"Này Ananda, Như Lai liền đáp: "Này ma-vương xấu-xa tội-lỗi, Ta không khi nào tịch diệt trước khi tăng-chúng và hàng thiện-nam, tín-nữ tại-gia có đầy đủ đức tin, trở nên thuần-thục dễ dạy, thông-suốt ghi nhớ giáo pháp từ phần phụ-thuộc tới phần chánh-yếu, và có đủ tài đức đem ra giảng-giải, chỉ giáo rành-mạch, phổ-biến rộng-rãi để đối-phó với những lý-thuyết sai-lầm, tà-vạy ... Ta không khi nào nhập-diệt trước khi giáo-lý trong trắng, toàn-hảo, của Ta xây-dựng chưa được khuếch-trương rộng-rãi đến hàng nhân-loại, chánh pháp chưa được thịnh-hành, phong-phú".

"Này Ananda, và hôm nay, tại thánh-địa Chapala, ma-vương cũng vừa hiện đến nhắc lại những lời Ta thốt ra khi trước. Như Lai cũng đã trả lời: "Hỡi ma-vương xấu-xa tội-lỗi! Ngươi hãy toại chí vui mừng đi. Ta sẽ ra đi trong

những ngày sắp tới. Kể từ hôm nay, hết ba tháng nữa, Như Lai sẽ nhập Niết-Bàn".

"Này Ananda, và cũng trong hôm nay, tại thánh-địa Chapala, Đức Như Lai đã sáng-suốt dứt-khoát cuộc đời trên cõi thế".

Sau khi Đức Thế Tôn dứt lời, Đại đức Ananda mới thiết-tha thành khẩn: "Bạch Đấng Đại Giác, xin Ngài rộng lượng từ-bi, bác-ái ở lại với chúng con cho hết kiếp này. Ở lại vì tình thương đối với chúng-sinh. Ở lại vì lợi-ích an vui cho phần đông. Ở lại vì hạnh-phúc của chư-thiên và nhân-loại".

Đức Phật đáp: "Này Ananda, không thể được, nơi chốn khá khẩn cầu. Thời-kỳ van xin đã qua rồi".

Đại đức Ananda lập lại lời khẩn nguyện lần thứ nhì, lần thứ ba.

Đức Phật nói: "Này Ananda, hỏi vậy ngươi có đức tin nơi Tuệ-Giác của Như Lai không?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, đệ-tử đã tin chắc".

- "Như vậy, tại sao ngươi còn làm rộn Ta đến lần thứ ba?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, chính đệ-tử có nghe từ cửa miệng Ngài thuyết ra như vậy: "Người nào đã thực-hành, đã làm phát-triển và đã thành-đạt bốn pháp 'Tứ Như Ý Túc', đã vượt lên tới tột điểm của pháp-môn ấy và có khả-năng điều-khiển nó tùy theo sở-thích, thì người dùng đó làm một phương-tiện, một căn-bản. Nếu muốn, người có thể kéo dài đời sống bằng một kiếp trái đất hoặc suốt thời-gian còn lại của kiếp đó. Và Đức Như Lai cũng đã thực-hành và thành-đạt bốn pháp 'Tứ Như Ý Túc'. Nếu muốn, Ngài có thể kéo dài cuộc sống bằng một kiếp trái đất hay suốt thời-gian còn lại của kiếp đó".

Đức Phật hỏi: "Ngươi đã nhớ chắc như vậy?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, phải".

- "Đó là lỗi tại ngươi. Như Lai đã ngỗ lời rõ-ràng minh-bạch. Nhưng vì quá tối-tăm, nên ngươi không suy đoán ra sự gợi ý và chẳng khẩn cầu Ta ở lại. Đức Như Lai có thể khước-từ hai lượt trong lúc đó, nhưng tới lần thứ ba ắt đã nhận lời. Đó là lỗi tại ngươi. Vì ngươi quá tối mê, lầm-lẫn".

"Này Ananda, và cũng trong hôm nay, tại thánh-địa Chapala, Như Lai có gợi ý như vậy: "Thành Vesali thật tráng-lệ huy-hoàng làm sao! Lại còn có nhiều thắng-cảnh khác rất hấp-dẫn thú-vị biết bao! Như những thánh-địa Udena và Gotamaka, thánh-địa Bảy Cây Xoài, hai thánh-địa Sarandada và Chapala". Rồi ta lại nói: "Người nào đã thực-hành, đã làm phát-triển, đã thành-đạt bốn pháp 'Tứ Như Ý Túc', đã vượt lên tới tột điểm của pháp-môn đó và có khả-năng

điều-khiển nó tùy theo sở-thích, thì người dùng đó làm một phương-tiện, làm căn-bản. Nếu muốn, người có thể kéo dài đời sống bằng một kiếp trái đất hoặc suốt thời-gian còn lại của kiếp đó". Ta cũng có nói: "Nhu Lai đã thực-hành và thành-đạt hoàn-toàn bốn pháp 'Tứ Như Ý Túc' và biết dùng chúng làm phương-tiện. Nếu muốn, Ta có thể kéo dài đời sống bằng một kiếp trái đất hay suốt thời-kỳ còn lại của kiếp đó". Nếu không tối mê và suy-đoán được những điều ấy, hẳn người đã thỉnh cầu Nhu Lai ở lại. Ta có thể khước-từ lần thứ nhất, lần thứ hai, nhưng chấp-nhận đến lượt thứ ba. Đó là lỗi tại người. Vì người đã tối mê lâm-lẫn".

"Này Ananda, giờ đây Ta nhắc lại những lời đã công-bố trước kia rằng: "Bản-chất của những vật cấu-tạo thân yêu trù-mến là vô-thường, khôn-quản. Thế nào cũng phải xa lìa chúng. Không sao khác được. Mỗi vật được thành-hình do sự phối-hợp, tất-nhiên phải có ngày tan rã. Làm sao tránh khỏi sự đổ vỡ đặng? Không tìm đâu ra một trường-hợp như vậy".

"Này Ananda, bởi lẽ đó Nhu Lai đã vất bỏ xác thân, đã thoát-ly ra khỏi quan-niệm về sắc-tướng và chẳng ngại gì đến sự kéo dài kiếp sống, nên Ta đã dứt-khoát công-bố: "Đấng Nhu Lai sẽ ra đi trong những ngày sắp tới. Kể từ hôm nay, hết ba tháng nữa, Nhu Lai sẽ nhập Niết-Bàn". Không vì lẽ tham sống mà Nhu Lai chẳng giữ lời nói? Sự việc này được quyết-định với đầy đủ trí-tuệ, không sao thay đổi đặng".

Rồi Đức Thế Tôn dạy Đại đức Ananda nhóm họp tất cả tăng-chúng tại phòng giảng Kutagara để nghe lời giáo-huấn trước buổi chia ly.

---o0o---

III- Những di-ngôn tối-hậu tại Vesali

Đức Thế Tôn vào ngự trong phòng giảng Kutagara.

Ngài an-tọa trên bực thảm xong rồi thuyết:

"Hỡi này các tỳ-khưu! Những chân-lý đã được khám-phá, Nhu Lai đều đem ra chỉ dạy các người. Các người nên ráng học-hỏi suốt-thông, cố gắng thực-hành. Các người nên chú-tâm quán xét về những chân-lý ấy, hãy phổ-biến rộng-rãi khắp gần xa, làm cách nào cho chân pháp được trường-tồn, vĩnh-cửu, bền-bỉ lâu dài vì lợi-ích của phần đông, vì tình thương chúng-sinh, vì hạnh-phúc an vui cho chư Thiên và nhân-loại".

"Này các tỳ-khưu, mà những chân-lý đã được khám-phá và Nhu Lai đem ra chỉ dạy các người là thế nào? Đó là:

- Tứ Niệm Xứ (Bốn Pháp Niệm Tương căn-bản).
- Tứ Chánh Cần.

- Tứ Như Ý Túc.
- Ngũ Căn.
- Ngũ Lực.
- Thất Giác Chi (Bảy nhân sanh quả Bồ Đề).
- Bát Chánh Đạo.

"Hỡi các tỳ-khưu! Vậy các người hãy nghe đây:

"Tất cả những vật hữu-vi (cấu-tạo) đều phải hư hoại. Các người nên đem hết sức mình để tìm lối thoát. Đức Như Lai sẽ tịch diệt trong những ngày sắp tới. Kể từ hôm nay, hết ba tháng nữa, Như Lai sẽ nhập Niết-Bàn".

Rồi Ngài ngâm kệ:

*Những năm dài nay đã tròn đủ.
 Kiếp sống Ta cũng đã tới ngày chấm dứt.
 Vĩnh-biệt các con, Như Lai sắp ra đi.
 Và chỉ biết trông cậy nơi Ta.
 Vậy các con hãy luôn-luôn chăm chú, ghi nhớ biết mình.
 Hãy bền lòng niệm tưởng, quán xét nội tâm.
 Kẻ nào một dạ chẳng sờn,
 Sẽ vượt qua khỏi trùng-dương sanh tử,
 Sẽ kết-thúc tất cả những điều thống-khổ.*

-- MAHAPARINIBBANA SUTTA, XVI - DIGHA NIKAYA

Lời của soạn giả:

A. Ấn-ý của Đức Phật về cảnh-vật

Cũng như phần đông hạng phàm-nhân, nhà sư khảo Phật Học Pháp P. Oltramara nhận-định sai-lầm về đoạn kinh Đại Niết-Bàn, cho rằng Đức Phật còn có tâm trứu-mén thân-bằng quyến-thuộc và còn luyến-tiếc trần-gian, nên Ngài thường tìm cách cứu độ người thân và ca-ngợi những cảnh-vật đẹp đẽ, vân-vân ... Thật ra, Đức Phật luôn-luôn hết lòng tế-độ những người hữu-duyên nên tế-độ. Ngài tiếp độ cha mẹ, vợ con, chẳng qua là những nhân-vật này đã có kết-duyên với Ngài trong vô-số kiếp quá-khứ. Bằng-cớ là Đức Phật không thể độ cha vợ Ngài là đức vua Thiện Giác. Ngoài ra, khối người nhờ Ngài dạy bảo nên được giác-ngộ còn nhiều hơn gia-quyến Ngài gấp muôn triệu lần. Ngài độ từ kẻ cướp Angulimala đến những loài ác-thú và các thiên-thần hung-hăng, ngoan-cố.

Tại đây, trường-hợp ca-ngợi thành Vesali và những thánh-địa chỉ là một gợi ý. Nếu Đức Ananda suy đoán ra, thì đã thỉnh Ngài kéo dài kiếp sống để cứu độ chúng-sinh lâu hơn nữa.

B. Tám kiến-thức cao-thượng (nói về Minh Sát Tuệ)

Nói về bậc hành-giả nhiệt-thành, dù với kiến-thức riêng-tư hoặc xuyên qua trải-nghiệm về những sự-việc bên ngoài bản-thân cũng biết nhận-định đúng theo chân-lý về các vật-thể hay màu sắc và cho rằng đó là những vật phối-hợp, không thực-tế, là vô-thường, chỉ thể hiện được là do hoạt-động sai-lầm của các giác-quan và tư-tưởng mà thôi.

Đức Phật dùng những màu: xanh, đỏ, trắng, vàng, để giải-thích rằng khi nào trình-độ của hành-giả phát-triển cao tột thì người có thể bắt chấp về màu sắc. Vì màu sắc có năng-lực va chạm mạnh-mẽ đối với giác-quan hơn những vật khác.

C. Tám giai-đoạn giải-thoát ra khỏi ảnh-hưởng của tâm ái-dục về sắc trần

1) Hành-giả nhận-định thân mình là giả tạm và biết rõ tính-cách vô-thường của những hình-sắc khác ở ngoài bản-thân.

2) Hành-giả không còn để-ý tới xác thân và cũng không cho rằng những vật ở ngoài bản-thân là thực-tế (trạng-thái trong lúc tham-thiền).

3) Tới giai-đoạn này, hành-giả rất vui thích, hỉ, xả và an-tĩnh (trạng-thái của Tam Thiên).

---o0o---

Chế-ngự nổi kinh-hoàng nơi rừng vắng

Thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại Kỳ Viên Tịnh Xá của trưởng-giả Cấp Cô Độc, gần thành Xá Vệ, có người Bà La Môn tên Janussoni đến viếng.

Sau khi đánh lễ, chào hỏi xã-giao và ngồi xong, ông ta hỏi Phật: "Thưa Thầy Gotama¹, có những thanh-niên con nhà cao-quý rất tin-tưởng và xin thọ giáo cùng Thầy. Họ rời bỏ gia-đình như kẻ hành-hương đi tìm sống lang-thang trong cảnh không nhà. Họ vất-vả theo đạo-sĩ Gotama, tôn ông là bậc thầy và chấp-nhận Giáo-Lý của ông".

Đức Phật đáp: "Này Janussoni, chính phải vậy, có những chàng thanh-niên con nhà cao-quý, tin-tưởng Như Lai, nên đã rời gia-đình như kẻ hành-hương đi tìm sống lang-thang trong cảnh không nhà".

- "Thưa Thầy Gotama, như vậy thì chẳng có chi khôn-quẫn nông-nổi bằng cuộc sống nơi chốn rừng sâu hoang vắng, không người, xa thôn xa xóm. Cảnh quanh-hiu như thế hẳn đề nặng lên thầy tỳ-khưu phải sống cô-đơn nơi u-tịch, kinh-hoàng làm cho tâm-trí người luôn-luôn xao-xuyến nếu chưa đạt tới mức-độ tâm cao cả".

- "Này người Bà La Môn, phải như vậy. Trước khi được giác-ngộ, Như Lai cũng sống trong tình-trạng lo-âu sợ-hãi như thế. Nhưng Ta lại suy-nghĩ: "Thật rất khó lòng sống nơi chốn rừng sâu âm-u vắng-vẻ, đối với thầy đạo-sĩ bỏ gia-cư đi tìm nơi ẩn-dật, cô-đơn, hiu-quạnh, nhưng tâm-trí không trong sạch, chứa đầy tham-dục, nên phải sợ-hãi kinh-hoàng. Những kẻ sống nơi rừng vắng, nhưng còn tham-lam, sân-hận, si-mê, lừa-biêng, có tư-tưởng tà-vạy, tính-tình bôn-chôn, ngờ-vực, nhạy-cảm, nên phải sợ-hãi kinh-hoàng. Hoặc những kẻ ẩn-dật nơi rừng vắng mà còn công-cao, ngã-mạn, ham muốn xấu-xa, mong tìm danh-lợi, vô nghề-nghiệp khi ở ngoài đời, tính-tình bất-cẩn, tìm vào rừng trú-ẩn nhất-thời, hoặc muốn ngao-du cho biết đây biết đó, hoặc điên-rồ, tọc-mạch ... nên phải sợ-hãi kinh-hoàng. Vì chưa sắp đặt thân tâm phù-hợp với cuộc sống cô-đơn nên những kẻ ấy phát tâm sợ-hãi, kinh-hoàng".

"Này người Bà La Môn, còn về phần Như Lai, khi nào ẩn-dật nơi rừng vắng, thì Ta đã vất bỏ tất cả những điều xấu-xa nhơ-nhớp đó, cố gắng giữ mình trong sạch từ hành-động, từ lời nói, từ ý nghĩ, tâm-trí luôn-luôn an-tĩnh, thắm-nhuần từ-bi, nhẫn-nại. Như Lai là một trong số những chàng thanh-niên thuộc gia-đình cao-quý rời bỏ gia-cư đi tìm sống cô-đơn nơi rừng vắng hoang-vu, u-tịch, với phạm-hạnh trong sạch, thanh-cao, nên Ta rất hoan-hỷ thích-thú sống nơi rừng vắng".

"Này Janussoni, lúc đó một ý nghĩ phát-sinh đến cho Ta: "Tại sao Ta không thừa dịp những đêm trăng khuyết hay trăng tròn, những đêm trăng thượng-tuần hoặc hạ-tuần, tìm rút vào chốn thâm sâu cùng cốc, an-tọa dưới một cội cây, nơi thường phát-sinh nhiều cảnh-tượng rừng mình, rờn gáy, để trải-nghiệm xem mức-độ kinh-sợ lên cao thế nào?"

"Này Janussoni, rồi thừa dịp những đêm trăng tròn, hay những đêm trăng thượng-tuần hoặc hạ-tuần, ta đi sâu vào rừng vắng, ngồi dưới tàng cây to, nghỉ đêm tại nơi thường phát-sinh nhiều cảnh-tượng rừng mình rờn gáy. Lúc Ta đang tĩnh-tọa, có nhiều giống thú rừng men đến gần. Một con sơn-dương phóng qua phía trước. Một con công làm rớt những cành cây khô. Gió thổi rào rạc xuyên qua những lá vàng. Ta tự nghĩ: "Nỗi lo-sợ kinh-hoàng đã tới rồi! Mà tại sao Ta lại ngồi yên để tiếp đón nó? Biết vậy, Ta cương-quyết sáng-suốt đương đầu với thử-thách và chế-ngự điều sợ-hãi".

"Này Janussoni, lúc Ta đang đi, nỗi sợ-hãi kinh-hoàng lại phát-sinh. Biết vậy, Ta không dừng bước, không ngồi xuống, không nằm, sáng-suốt cương-quyết đương đầu với thử-thách và chế-ngự nó".

"Khi Ta đang đứng, nỗi lo-sợ kinh-hoàng cũng phát-sinh. Biết vậy, Ta không đi, không ngồi, không nằm, sáng-suốt cương-quyết đương đầu với thử-thách và chế-ngự nó".

"Khi Ta đang nằm, nỗi lo-sợ kinh-hoàng cũng phát-sinh. Biết vậy, Ta không đứng dậy, không đi, không ngồi, sáng-suốt cương-quyết đương đầu với thử-thách và chế-ngự nó".

"Này Janussoni, có nhiều đạo-sĩ cho rằng ngày và đêm cũng như nhau, Như Lai lại nói: "Ngày là ngày, và đêm vẫn là đêm".

"Người thức-thời có thể nhận-định về Như Lai đúng theo chân-lý như vậy: "Một con người thoát-ly ra khỏi tham-dục si-mê đã xuất-hiện trên thế-gian vì lợi-ích của phần đông, vì an vui, hạnh-phúc của chư-thiên và nhân-loại".

"Này Janussoni, rồi Ta nhất-quyết, tâm-trí chăm chú không xao-lãng, thân-hình an-tĩnh, không rung-động, tập-trung tư-tưởng".

"Vứt bỏ năm pháp chướng-ngại: tham-dục, sân-hận, hôn-trầm, phóng-tâm và hoài-nghi, Ta bước vào Sơ Thiên với tâm: Tâm, Sát, Phi lạc, An Vui và Định".

"Tiếp theo đó, tâm Ta trở nên an-tĩnh và tư-tưởng thẳng-bằng, không còn Tâm và Sát và Ta nhập vào Nhị Thiên".

"Kế đó, Ta trở nên an vui thơ-thới, thoát-ly ra khỏi tham-dục, tâm-trí yên-tĩnh, ghi nhớ biết mình và bước vào Tam Thiên với tâm: Xả, An Vui và Định, giai-đoạn mà bậc hiền-triết hằng hoan-hô: Hạnh-phúc thay! Khi con người được an-trú trong sự an-tĩnh và ghi nhớ biết mình!"

"Vứt bỏ tất cả những nỗi vui buồn, dẹp qua một bên những ký-ức khổ vui quá-khứ, thân tâm an-trụ thơ-thới, nhẹ-nhàng và chỉ còn lại tâm Niệm và tâm Xả, Ta nhập vào Tứ Thiên".

"Này Janussoni, với tâm-trí an-định, sáng-suốt, trong sạch chẳng chút bợn nhơ, Ta tìm nhớ lại những kiếp quá-khứ. Bắt đầu 1 kiếp, rồi 2, 3, 4, 5, 10, 20, 50, 100, 1.000, 100.000 kiếp. Trong mỗi kiếp tái-sinh ra sao? thuộc gia-đình nào? tên họ chi? làm nghề gì? vui khổ ra sao? rồi chết và tái-sinh nữa với định-mệnh như thế nào? mỗi-mỗi Ta đều biết rõ".

"Tiếp theo đó, Ta hướng tâm quan-sát qua lãnh-vực của các chúng-sinh, thấu rõ những tình-trạng sanh diệt, nghiệp-báo, luân-hồi, vận-mạng ... của chúng".

"Sau cùng, Ta chú-tâm quán xét về tư-cách sanh diệt của những Nhân và Duyên đúng theo chân-lý, biết rằng đây là sự khổ, đây là nguyên-nhân của sự khổ, đây là tư-cách diệt khổ và đây là con đường đưa đến nơi dứt khổ.

Biết do đâu mà phiền-não phát-sinh và khi tẩy-trừ được: tham-dục, sân-hận, si-mê, màn vô-minh tan biến, Ta biết rằng đã được hoàn-toàn giác-ngộ, đã sống đầy đủ cuộc đời đạo-đức, mọi việc đã làm xong và chẳng còn phận-sự gì trên thế-gian này nữa".

"Này Janussoni, người có thể nghĩ rằng: "Hiện nay, thầy Sa-Môn Gotama cũng chưa diệt được tham-lam, sân-hận, si-mê. Bởi vậy, thầy tìm sống cuộc đời cô-độc nơi hoang-vắng". Nhưng người chớ có ý nghĩ sai-lầm như thế. Sở-dĩ Như Lai thích sống cô-đơn là vì quan-niệm được nhiều điều lợi-ích nơi rừng vắng, âm-u, cô-tịch. Chẳng những giờ đây Ta tìm được sự lợi-ích cho bản-thân, mà cũng vì lòng từ-bi, bác-ái đối với những kẻ nào biết lấy đó làm gương để đến sau".

Tới đây thầy Bà La Môn Janussoni liền mọp xuống kính cẩn: "Thật quả như vậy, Đức Sa-Môn đáng kính Gotama, vì lòng từ-bi, bác-ái, đã làm gương cho những kẻ đến sau. Thật rất xứng-đáng là cử-chỉ của bậc thánh-nhân (A La Hán) đã đi đến nơi hoàn-toàn giác-ngộ. Tuyệt-diệu thay, Đáng Chí Tôn Gotama! Cao đẹp thay! Cũng như người ta đỡ đứng vật gì ngã trên mặt đất, như tìm được vật gì bị che giấu, như chỉ nẻo cho người lạc lối, hoặc người ta đem ngọn đèn vào chỗ tối cho những ai có mắt muốn thấy rõ mọi vật. Thì cũng như thế ấy, Đáng Chí Tôn Gotama đã giải-thích giáo-lý rõ-ràng minh-bạch".

"Vậy tôi xin tôn Ngài là bậc thầy và xin nương nhờ nơi Phật-Bảo, Pháp-Bảo và Tăng-Bảo. Cầu xin Đáng Chí Tôn nhận tôi làm đệ-tử kể từ nay cho đến trọn đời".

Lời của soạn-giả:

Kinh Mahabharata có chép: "Rừng vắng thu hút những tâm-hồn chán-nản, trầm-tu mặc-tưởng. Lánh xa xã-hội nhơ-nớp của người đời, thầy đạo-sĩ tìm ẩn-dật nơi cô-tịch, lặng-lẽ, để hủy-diệt lòng tham-dục, si-mê, nguồn gốc của muôn ngàn thống-khổ. Được tự-do, chẳng còn bị vật chi ràng buộc, thầy sa-môn có đủ khí-giới để đánh bại chúng bằng cách kiểm-soát thân tâm. Người biết rằng diệt được tham-lam, sân-hận, si-mê, là chiến-thắng cả thế-gian, cả những vùng bao-la, vô-tận, nhất là chiến-thắng được bản-thân. Người hành-trình đơn-độc như loài tê giác, không vợ con, bè bạn, và chỉ nuôi sống bằng thiên-định".

Tự cổ chí kim, các bậc hiền-triết muốn tìm đạo giải-thoát đều lánh xa trần-tục, tìm vào chốn núi cao rừng thẳm để trau-giồi giới đức. Vì núi rừng có nhiều lợi thế cho những ai dũng-cảm như loài chúa sơn-lâm, quyết-tâm trì-chí tìm đến tham-thiền nhập-định. Rừng thẳm rất ít người lui tới, không tiếng tăm, náo-nhiệt, ồn-ào, như cuộc sinh-hoạt, vật-chất, tội-lỗi chốn thị-

thành. Nhưng người thế vẫn trớ-trêu bịa đặt ra những châm-ngôn: "Nhất tu thị, nhị tu lâm, Nhất tu tâm, nhị tu giới", trong khi mình đang quây-quần giữa giòng đời, không ngót bận-rộn về gia-đình tài-sản.

Nếu đúng như vậy thì Đức Bồ Tát Sĩ Đạt Ta đã chẳng đại gì trốn vợ, lìa con, đem chiếc gai vàng đổi lấy cuộc đời hành-khất, trải qua biết bao gian-khổ, chết sống nhiều phen nơi rừng vắng, âm-u, mới tìm ra đạo giải-thoát. Những vương-tôn công-tử, những chàng thanh-niên con nhà cao-quý, cũng chẳng điên gì bỏ cha mẹ, nhà cửa, ra đi theo vết chân của Đức Phật vào tu tập kham-khổ chốn rừng sâu. Đạo-Phật là đường lối dứt bỏ các vật cấu-tạo vô-thường, để thành-đạt những gì trường-tồn vĩnh-cửu. Vì sớm muộn gì, thân xác này cũng trở về với đất.

Đức Phật thấu rõ tâm-địa và hành-vi của chúng-sinh nên chẳng hề chống đối. Ngài chỉ nêu gương đức-hạnh cao cả cho những kẻ thức-thời, có mắt muốn thấy, có tai muốn nghe, để chọn giữa hai con đường: sanh tử khổ đau và an vui tuyệt-đối.

Cũng như phần đông chúng ta hiện nay, thầy Bà La Môn Janussoni xưa kia cũng nghi-ngờ về sự lợi-ích của cuộc sống nơi hoang-vắng nên đến hỏi Đức Phật như thế.

Riêng phần Đức Thế Tôn, tuy chẳng còn bị sắc trần lung-lạc, nhưng vì lòng từ-bi, bác-ái đối với chúng-sinh, nên vẫn tiếp-tục sống nơi rừng vắng chỉ nhằm mục-đích làm gương cho những kẻ hậu-lai. Chúng ta chớ quá ngây-thơ trước những trò chơi ngôn-ngữ của thế-gian: "Nhất tu thị, nhị tu lâm" để tiếp-tục con đường vô-vọng.

Cảnh-giới vắng-lặng làm cho thân yên-tĩnh. Thân yên-tĩnh khiến tâm trở nên thanh-tịnh, sáng-suốt, để thấy rõ trạng-thái vô-thường, mộng-ảo của thế-gian, thấu rõ đâu là cõi sống và đâu là cõi chết.

Chân-lý tuyệt-đối này đã được các bậc hiền-triết khắp thế-gian chấp-nhận tự ngàn xưa.

---o0o---

Dòng nước tử sanh

"Hỡi này các tỳ-khưu! Trên thế-gian có bốn hạng người sau đây:

- Người thả mình trôi theo dòng nước;
- Người bơi lội ngược dòng;
- Người chế-ngự được dòng nước lũ;
- Bậc sa-môn vượt qua dòng nước để lên bờ bên kia và đứng vững trên đất liền.

"Vậy người thả mình trôi theo dòng nước là thế nào?"

"Đó là trường-hợp của người có tánh buông-tuông, bê-tha theo ngũ-trần; không thấu rõ tội phước".

"Còn kẻ bơi lội ngược dòng?"

"Là người không để mình bị chìm đắm trong ngũ-trần, lục-dục; không hành-động xấu-xa, tội-lỗi; biết ghê sợ các điều thông-khổ, khốc-lóc, than-van; dứt bỏ tất cả để đi tìm sống cuộc đời phạm hạnh; đem hết tâm-lực trau-giồi giới-luật ngày thêm trong sạch, thanh-cao".

"Còn kẻ chế-ngự được dòng nước lũ?"

"Đó là người đã điều-ngự được nội-tâm; cắt đứt hoàn-toàn năm sợi dây trói mình vào thế-sự như bần thấp-hèn. Sau khi từ-giã cõi trần, người được sanh về thiên-giới rồi chứng quả Niết-Bàn, không còn trở lại thế-gian này nữa (A Na Hàm)".

"Hỡi này các tỳ-khưu! Còn bậc sa-môn đã lướt qua khỏi dòng nước lũ, sang đến bờ kia và đứng vững trên đất liền là thế nào?"

"Đó là nói về bậc xuất-gia biết dùng trí-tuệ siêu-nhân, sắc bén, để chặt đứt cội-rễ cái tâm ái-dục. Người rất an vui tự-tại, chẳng chút bận nhơ, như ngọc kim-cương trong sáng, và đã làm xong mọi việc phải làm trên cõi thế (A La Hán)".

Sau đây là một chuyện ngụ ngôn:

"Cũng như người kia thấy con sông xuyên qua một vùng cảnh-vật xanh tươi hấp-dẫn, nước chảy êm-đềm, trong-trẻo mát-mẻ, hứng-chí lao mình xuống thả trôi theo dòng nước, không cần suy-nghĩ lợi-hại như thế nào.

Lúc đó, có một kẻ thức-thời đứng trên bờ sông la lên:

"Hỡi người kia! Rất nguy hại đấy. Người chớ khá dễ người. Con sông này có vẻ đẹp đẽ, xuyên qua vùng cây cỏ xanh tươi hấp-dẫn, nước chảy êm-đềm, trong-trẻo mát-mẻ, nhưng nếu người hờ-hững, ham vui, lao mình xuống, khi ra khúc hạ-lưu thì sẽ bị sa vào hố sâu vực thẳm. Tại đó có sóng to gió lớn, nước xoáy bạo-tàn, có nhiều loài thủy quái và cá mập hung-hăng. Chùng đó, sẽ nguy hại đến tính-mệnh và người sẽ gặp khổ-sở trăm bề".

Nghe vậy, người ấy liền dùng hết sức mình, với hai tay, hai chân, cố gắng bơi trở lên ngược dòng để thoát nạn".

"Hỡi này các tỳ-khưu!

- Dòng sông tượng-trung cho lòng tham-lam khao-khát.

- Phong-cảnh đẹp đẽ, hấp-dẫn, trong vùng là mười giây trối chặt chúng-sinh vào vòng sanh tử.
- Những hồ sâu ở hạ-lưu là năm điều chướng-ngại xô đẩy con người sa vào cảnh-giới thấp-hèn.
- Sóng to gió lớn ám-chỉ cái tâm sân-hận, ganh tị, oán-thù.
- Xoáy nước là những đục lạch của sắc trần.
- Cá mập là điều cám-dỗ tai-hại của phụ-nữ.
- Boi lội ngược dòng là quyết-tâm dứt bỏ việc đời, tìm phương cứu rỗi.
- Đem hết sức của hai tay, hai chân, bơi lên ngược dòng là tinh-tấn trau-giồi nghị-lực, cố công hành đạo, cho mau dứt khổ".

Lời của soạn-giả:

Trong kinh Tạp A Hàm (Samyutta Nikaya) có câu Phật-Ngôn: "Đến một thời-gian nào đó, nước biển cả cạn khô và nước không còn nữa. Đến một thời-gian nào đó, quả địa-cầu bị thiêu-hủy, vỡ tan, và đất không còn nữa. Nhưng các điều thống-khổ vẫn tồn-tại. Chúng-sinh vẫn bị màn vô-minh che lấp, vẫn sa vào chàm bẫy ái-dục và vẫn chen lấn nhau, hối-hả nhảy vào vòng sanh tử".

Đức Phật cho chúng-sinh thiếu khôn ngoan lại thường có tánh dễ-duôi, gặp nơi nào có trò chơi khoái-lạc thì bươn-bả xông vào, bất chấp hậu-quả sẽ ra sao.

Bốn vật chướng-ngại quan-trọng đánh đổ bậc xuất-gia là: tiền bạc, lễ vật, lời ngợi-khen và phụ-nữ.

Trong kinh Suru Tập Pháp (Pakinnakadhamma) do Đại đức Hộ Tông soạn dịch, có chép rằng lễ vật và lời ngợi-khen là miếng mồi của ngư-ông móc vào lưỡi câu. Thầy tỳ-khuru nào bám phải lưỡi câu tai-hại đó ví như nuốt mồi của ma-vương rồi bị hại. Cũng như con cá mắc phải lưỡi câu của ngư-ông và mất mạng.

Kinh Suru Tập Pháp có ghi tiếp: "Chó chóc mang bệnh ghẻ, rụng hết lông, nổi mụn mủ khắp mình, đi kiếm ăn nơi khô ráo cũng không yên, ở dưới bóng cây, nằm nơi khoảng trống và đi đến bất cứ nơi nào cũng đều chịu khổ-sở, chẳng được yên thân".

Thầy tỳ-khuru bị lễ vật và lời ngợi-khen đè nén nội-tâm rồi, dù đi đến nơi thanh-vắng cũng không yên, đến ngụ nơi khoảng trống, dưới bóng cây hay bất cứ nơi nào cũng không yên và rất khổ-sở, gặp nhiều tai-hại. Lễ vật và lời ngợi khen hằng cắt đứt da, đứt xương, rồi đến tủy xương. Thầy tỳ-khuru mắc

phải chúng, sau khi chết sẽ bị sa vào bốn đường ác-đạo. Cũng như chó chóc mang bệnh phải chịu khổ-sở trăm bề.

Thảm-họa thứ hai là phụ-nữ mà Đức Phật ví như loài cá mập háo ăn, nên dạy các đệ-tử ráng ghi nhớ biết mình mỗi khi tiếp-xúc. Khi tâm-tư của thầy tỳ-khuru bị xao-xuyến vì thình sắc phụ-nữ rồi, tuy thân xác còn ẩn-náu dưới mái thiên-môn, nhưng tâm-địa đã rời xa cửa Phật.

---oOo---

Đức Phật giải về tư-cách vô-thường của những cảnh-vật thiên-nhiên.

"Hỡi này các tỳ-khuru! Trong thời quá-khứ xa-xăm, hòn núi Vipula này mang tên là Kim Qui. Dân chúng trong vùng gọi là giống người Rohitassa. Họ sống lâu tới ba vạn tuổi, phải mất ba ngày để leo lên núi và hết ba ngày để trở xuống. Khi đó, nhằm thời-kỳ Đức Phật Konayamana (Cù Lưu Tôn) xuất-thế. Ngài có hai người đệ-tử đặc-sắc nhất, là Bhiyyosa và Uttara. Thời-gian sau đó, cái tên núi Kim Qui không còn nữa và dân chúng Rohitassa đều phân-tán. Đức Phật Konayamana cũng nhập Niết-Bàn".

"Này các tỳ-khuru, tính-cách giả tạm không bền vững của những vật cấu-tạo là như thế".

"Lâu sau đó, trái núi Vipula này mang tên mới là Thanh Sơn. Dân chúng tại đây thuộc giống người Suppiyas. Họ sống được hai vạn năm, phải mất hai ngày để trèo lên núi và hết hai ngày để trở xuống. Lúc đó, nhằm thời-kỳ Đức Phật Kassapa (Ca Diếp) ra đời. Ngài cũng có hai trò ưu-tú nhất, là Tissa và Bharadvaja. Rồi sau đó, cái tên núi Thanh Sơn không còn nữa, giống người Suppiyas biến mất và Đức Phật Kassapa cũng nhập Niết-Bàn".

"Này các tỳ-khuru, tính-cách giả tạm không bền vững của những vật cấu-tạo là như thế".

"Giờ đây, núi này mang tên là Vipula và dân chúng trong vùng thuộc sắc tộc Magadha. Tuổi thọ rất ngắn-ngủi. Người nào sống lâu được 80 tuổi, 100 tuổi hoặc nhiều hơn vài tuổi mà thôi. Họ phí rất ít thời giờ để leo lên và trở xuống núi. Và hiện nay Như Lai giáng-trần với hai đệ tử giỏi giảng nhất, là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên".

"Không bao lâu nữa, Như Lai sẽ nhập Niết-Bàn, rồi thời-gian sau đó hòn núi này chẳng còn mang tên Vipula nữa, giống người Magadha trong vùng cũng bị phân-tán".

"Này các tỳ-khuru, tính-cách giả tạm không bền vững của những vật cấu-tạo là như thế".

"VẬY các người hãy ráng chú-tâm quán xét, chớ nên say mê cố-chấp, miệt-mài với các vật hữu-vi tạm-bộ của thế-gian".

-- SAMYUTTA NIKAYA

---o0o---

Kỳ-thị về giai-cấp

Người Bà La Môn Assalayana đến hỏi Đức Phật:

"Bạch thầy Gotama, các người Bà La Môn thường nói:

"Chỉ có những nhân-vật dòng Bà La Môn là cao-quý hơn hết. Tất cả những giai-cấp khác là thấp-hèn. Chỉ có người Bà La Môn mới có nước da trắng-trẻo đẹp đẽ. Còn những người thuộc giai-cấp khác thì có nước da ngăm. Chỉ có người Bà La Môn là trong sạch, thanh-cao. Còn những kẻ khác đều thấp-hèn, đê-tiện. Chỉ có người Bà La Môn là con cháu đích-tông của Trời Phạm Thiên (Brahma), được sanh ra từ cửa miệng Ngài. Họ là đệ-tử của Trời Phạm Thiên và là kẻ thừa-tự Ngài".

Đức Phật đáp: "Này Assalayana, vậy chớ người nghĩ thế nào? Những phụ-nữ Bà La Môn cũng có kinh kỳ như các phụ-nữ khác. Họ cũng có ghen như các phụ-nữ khác, cũng cho con bú. Tại sao người Bà La Môn cũng từ đàn bà sanh ra, lại khoe-khoang cho mình là cao-quý hơn mấy giai-cấp khác?"

- "Bạch thầy Gotama, Tuy thầy nói vậy nhưng họ vẫn quả-quyết như thế".

Đức Phật hỏi: "VẬY chớ người có nghe trong vài xứ lân-bang, chỉ có hai hạng người là gia-chủ và tôi-tớ đó sao? Và một đôi khi, người chủ trở thành tôi-tớ và đưa tớ đổi sang địa-vị chủ-gia?"

- "Bạch thầy nói phải đó, nhưng mấy người Bà La Môn vẫn cố-chấp rằng mình là cao-thượng hơn cả".

- "Này Assalayana, người nghĩ sao? Có phải những người Bà La Môn lúc sinh-tiền, phạm-tội sát hại sinh-vật, trộm cướp, tà-dâm nói dối, hung-dữ, tà-kiến ... sau khi chết cũng bị đọa vào bốn đường ác đạo?"

- "Chính phải vậy, bạch thầy Gotama, dù là con người thuộc dòng Bà La Môn, thuộc giai-cấp cao-sang quyền-quý, người thương-gia hay nô-lệ, một khi đã gây ra nghiệp dữ thì sau khi chết sẽ bị sanh vào cảnh-giới khổ đau hoặc bị hành phạt nơi địa-ngục. Bạch thầy nói rất đúng, nhưng các người Bà La Môn vẫn đinh-ninh rằng họ là cao-quý hơn hết, là con cháu đích-tông của Trời Phạm Thiên".

- "Này Assalayana, còn phải chăng chỉ có người Bà La Môn nào biết làm những điều lành, không sát-sinh, trộm cướp, tà-dâm, nói dối, hung-dữ, tà-

kiến ... sau khi chết sẽ được thọ sanh vào cảnh an vui, được hưởng phước nơi cõi thiên-đàng, còn những thiện-nhân khác thì không được sao?"

- "Bạch thầy Gotama, tất cả những ai biết làm lành lánh dữ, dù họ thuộc giới Bà La Môn, chiến-sĩ, thương-gia hay lao-động, thì thầy thầy đều được hưởng quả vui, chớ chẳng riêng gì cho giai-cấp Bà La Môn ... Thầy nói rất đúng, nhưng họ cũng vẫn tin rằng mình là cao-quý hơn cả".

- "Này Assalayana, người nghĩ sao? Phải chăng chỉ có hạng Bà La Môn mới biết noi theo đường phạm hạnh, biết tu tập, trau-giồi giới đức, từ-bi, bác-ái, để trở nên an-tĩnh, phát-sinh trí-tuệ, diệt trừ phiền-não, còn những giai-cấp khác lại không được?"

- "Bạch Thầy Gotama, bất cứ là người trong giới Bà La Môn, người chiến-sĩ, thương-gia hay nô-lệ, đều cũng có thể tu tập, trau-giồi đức-hạnh, từ-bi, bác-ái, để trở nên an-tĩnh, phát-sinh trí-tuệ, diệt trừ phiền-não. Tuy-nhiên, nhóm Bà La Môn cũng nói rằng họ là cao-thượng hơn hết".

- "Này Assalayana, phải chăng chỉ có người Bà La Môn dùng bột xà-phòng xuống sông tắm gội sạch-sẽ, còn những người khác thì không?"

- "Bạch thầy, ai nấy cũng có thể dùng xà-phòng tắm gội sạch-sẽ như nhau, chớ chẳng riêng gì người Bà La Môn. Nhưng họ vẫn cho rằng mình đứng trên các giai-cấp khác".

- "Này Assalayana, ví-dụ có một đức vua cho gọi vào triều 100 người thuộc giai-cấp khác nhau và phán: "Vậy trong số 100 người đó, những ai thuộc dòng Bà La Môn hay cao-quý, hãy lấy một mớ cây Sala, cây trầm hương hay cộng sen khô đem đốt cháy lên cho nóng". Này Assalayana, vậy phải chăng chỉ có hai hạng người đó có thể lấy những thứ kể trên đốt thành lửa nóng cháy đỏ, sáng ngời, lên cao ngọn, còn hai hạng thương-gia và lao-động thì làm không được? Hoặc những kẻ khác nữa, như thợ làm bẫy, thợ đan rổ tre, thợ đóng thùng xe, dân phu rửa thùng phân, lấy cây mục của mán cho heo, cho chó ăn, lấy thùng cây nhuộm vải, lấy que cây thầu dầu đem đốt lên, thì họ không được lửa nóng, cháy đỏ, sáng ngời, cao ngọn hay sao?"

- "Bạch thầy Gotama, bất cứ là hạng người nào, dùng bất cứ cây hay vật dẫn hỏa nào, cũng có thể đốt lên lửa nóng, cháy đỏ, sáng ngời, cao ngọn. Thầy nói phải, nhưng mấy ông Bà La Môn vẫn cho rằng họ là cao-thượng hơn hết".

- "Này Assalayana, thêm một ví-dụ nữa. Có hai anh em ruột dòng Bà La Môn. Một người thì thông-minh lão-luyện, thông-suốt cả ba bộ kinh Phệ Đà (Véda) rất sành-sỏi trong việc tế-lễ, còn người kia dốt-nát gàn dở. Hỏi vậy

mỗi khi có dịp cúng kiến tổ-tiên hoặc tế-lễ thánh-thần, người nào được lễ-vật nhiều và kính-trọng hơn?".

- "Bạch thầy Gotama, chính người học cao hiểu rộng, sành-sỏi trong việc tế-lễ cúng kiến, được kính-nể và thụ-hưởng lễ-vật nhiều hơn".

Phật hỏi: "Nhưng nếu thầy Bà La Môn học-hỏi uyên-thâm, sành nghề cúng tế đó lại vô giới hạnh, có tính-nết xấu-xa tàn-bạo, còn người thất-học kia lại tính-tình hòa-nhã, giới đức thanh-cao, thì người nào sẽ được lễ-vật nhiều và trọng nể hơn?".

- "Bạch thầy Gotama, lẽ tất-nhiên các tín thí sẽ kính-nể và dâng cúng dồi-dào đến thầy Bà La Môn có giới hạnh trong sạch, tính-tình khiêm-tôn dễ thương. Vì kẻ vô giới đức, tính-tình hèn-hạ, không thể đem lại điều lợi-ích nào cả".

- "Này Assalayana, giờ đây người đã bắt đầu lãnh-hội rõ-rệt đấy! Từ sự-kiện về dòng giống, giai-cấp, bước qua giai-đoạn bùa chú thần-quyền, người đã nhận-thức cuối cùng giá-trị quan-trọng về giới hạnh con người là cao-quý hơn cả, bất phân giai-cấp dòng giống.

Đó là giáo-lý căn-bản của Như Lai vậy".

-- MAJJHIMA NIKAYA II

---oOo---

Thế nào là bậc sa-môn?

Ta² có nghe như vậy:

Thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại tinh-ly Assapura, thuộc về xứ Anga. Ngài có thuyết.³

"Hỡi này các tỳ-khuru! Dân chúng gọi các người là sa-môn và nếu có ai hỏi tới, các người cũng đều công-nhận như thế. Vậy các người phải ăn ở cách nào cho xứng-đáng với phẩm-hạnh sa-môn?"

"Này các tỳ-khuru, chúng ta là kẻ xuất-gia đang hành-trình trên đường siêu-việt. Nhờ cố công trau-giồi giới đức, chúng ta được người tín thí dâng cúng và thọ hưởng bốn món vật dụng như: tam y quả bát, vật thực, chỗ ở, thuốc men. Người hành đạo chân-chánh thọ được nhiều quả báu tốt lành như thế. Vậy chẳng phải chúng ta rời bỏ thế-gian trong sự thiếu-thôn, không được lợi-lộc gì, mà tư-cách xuất-gia thật ra rất cao-thượng hữu-ích thế nào? Và nó mang lại biết bao thành quả tốt tươi cao-thượng".

"Này các tỳ-khuru, còn người xuất-gia không thực-hành đứng-đắn đường lối tu tập là thế nào?"

"Đó là:

- Thầy tỳ-khuru có tánh tham-lam khao-khát, chẳng chịu dứt bỏ lòng tham-dục;
- Thầy tỳ-khuru có tư-tưởng xấu-xa tội-lỗi và không tìm cách diệt trừ nó;
- Thầy tỳ-khuru còn tánh sân-hận, cộc-cằn, thô-lỗ;
- Thầy tỳ-khuru ra vẻ thu-thúc, giả nhân giả nghĩa để gạt gẫm tín-đồ;
- Thầy tỳ-khuru còn tánh thù-hằn, oán giận, uất-ức;
- Thầy tỳ-khuru có tánh ganh tỵ, chẳng muốn ai khác hơn mình;
- Thầy tỳ-khuru keo-kiệt, bòn-xén, ham tom góp vật này vật nọ để làm của riêng;
- Thầy tỳ-khuru có tánh xảo-quyệt, dối-trá, dùng lời không ngay thật, nói ướm để được bố-thí;
- Thầy tỳ-khuru có ác-tâm tham muốn bắt chánh;
- Thầy tỳ-khuru thường suy-nghĩ tà-vạy, có tánh tà kiến".

"Như Lai nói các tỳ-khuru đó không chịu bỏ những tánh xấu-xa tội-lỗi. Chúng phải bị đọa vào cảnh khôn-cùng, gánh nhiều đau khổ vì chẳng giữ đúng theo phẩm-hạnh sa-môn. Chúng là những kẻ che giấu con dao bén ngót dưới bộ áo cà-sa. Như Lai đã khuyên hoá rành-mạch những điều đó khi người giới-tử xin thọ cụ-túc giới để bước chân vào đạo".

"Như Lai không cho rằng đời đạo-đức có thể tượng-trung bằng những kẻ chỉ khoác áo cà-sa cho có lệ, hoặc những đạo-sĩ lỏa-lồ, rách-rưới bần-thiêu, những kẻ thân-hình phủ đầy cát bụi, những kẻ thường-xuyên xuống sông Hằng tắm gội, những người sống dưới cội cây, những kẻ ráng chịu đựng phong-sương tuyết giá, đứng như trời trồng dưới sức nóng cháy da, những kẻ bày ra cách ăn uống kham-khổ khác thường, những kẻ thông-thạo các thánh-kinh, sành nghề bùa chú, những kẻ mang búi tóc đan trên đỉnh đầu".

"Này các tỳ-khuru, nếu chiếc áo cà-sa có oai-lực diệt trừ được tất cả những tật: Tham-lam, sân-hận, ganh tỵ, bòn-xén, xảo-quyệt, ác tâm, tà kiến, thì cha mẹ hoặc người thân chỉ cần khoác lên đứa bé bộ áo cà-sa khi nó mới chào đời và căn dặn như vậy: "Người rất hân-hạnh mặc được mảnh áo nhiệm-mầu này, vì nó có đủ năng-lực làm tiêu tan các tật xấu-xa tội-lỗi: tham-lam, sân-hận, ganh tỵ, bòn-xén, xảo-quyệt, ác tâm, tà kiến ...".

"Có một số tỳ-khuru, tuy vẫn mặc y mang bát, nhưng thân tâm như bần thấp-hèn, ngoan-cổ, chẳng chịu tẩy trừ nét xấu. Lẽ đó, Như Lai không công-nhận họ là sa-môn chỉ vì mình mặc áo cà-sa, cũng như những đạo-sĩ lỏa-lồ, bần-

thiu, rách-rưới, những kẻ thân mình phủ đầy cát bụi, những kẻ thường-xuyên xuống sông Hằng tắm gội, những người sống dưới cội cây, những kẻ rắng chịu-đựng phong-sương tuyết giá, đứng như trời trồng dưới sức nóng cháy da, những kẻ bày ra lối ăn uống kham-khở khác thường, những kẻ thông-thạo các thánh-kinh, sành nghề bùa chú, những người mang búi tóc đan trên đỉnh đầu ...".

"Này các tỳ-khưu, vậy người xuất-gia phải giữ nếp sống như thế nào để xứng-đáng với danh-hiệu sa-môn?".

"Đó là:

- Khi thầy tỳ-khưu có tánh tham-lam, có tư-tưởng xấu-xa, cộc-cằn, thô-lỗ, thu-thúc giả-dối, hay thù-oán, ganh tị, keo-kiệt, dối-trá, ác tâm, tà kiến, nhưng biết nhận-thức những điều ấy là xấu-xa đê-tiện, rồi để hết nghị-lực trau-giồi phẩm-hạnh ngày thêm trong sạch thanh cao. Như Lai gọi người ấy mới thật xứng-đáng với danh-hiệu sa-môn.

- Thầy tỳ-khưu tự trắc-nghiệm lấy bản-thân, biết rằng mình đã tẩy-trừ được các điều nhơ-nớp, thoát-ly ra khỏi thế-sự. Mà khi biết mình đã hoàn-toàn trong sạch, người phát tâm vui thích với hạnh-phúc thanh-cao. Tinh-thần thơ thới, thân tâm an-tĩnh, thản-nhiên, người rất vừa lòng, toại-nguyện. Tâm-tư thấm-nhuần tình thương rộng lớn, người rải tửa từ-bi, bác-ái khắp bốn phương tám hướng, rải từ bên trên, bên dưới, bên ngang và khoảng giữa. Người được giải-thoát ra khỏi tham-lam, sân-hận, si-mê, thông-thả ngao-du đây đó, không còn điều chi sợ-hãi lo-âu.

- Lúc này, thầy sa-môn trở nên yên lặng như hồ nước trong-trẻo, mát mẻ, ngọt-ngào, có những bậc thang đưa tới một nơi thoáng-cảnh vô-cùng hấp-dẫn. Khi đó, nếu có chàng lữ-khách đang đau khổ vì khát nước dưới cơn nóng buốc, thân-hình uể-oải, từ phương đông đi tới, chàng ta có thể nhờ hồ nước nhiệm-mầu cứu rỗi, khiến thân tâm được phục-sức, thơ thới nhẹ-nhàng và lướt qua khỏi những nổi thông-khở trong cuộc hành-trình diệu-vợi. Nếu có những lữ-khách từ hướng tây, hướng bắc, hướng nam, hoặc bất cứ ở đâu đến, cũng đều nhận được sự hỗ-tương quý-báu của hồ nước nhiệm-mầu.

"Này các tỳ-khưu, khi một con người thuộc hàng vương-giả rời bỏ gia-đình sự-nghiệp đi tìm sống cảnh không nhà, nếu biết nghiêm-trì giới luật của Đức Như Lai, thì tâm-tư người được tràn-ngập từ-bi, bác-ái. Người trở nên an-tĩnh, chẳng bị thế-sự buốc rắng, lay-chuyên. Người đã thành-đạt mức độ tịnh tâm tuyệt-diệu, đã diệt trừ phiền-não, vì đã thực-hành đúng theo đường lối của bậc sa-môn".

"Những người thuộc dòng Bà La Môn hoặc các giai-cấp khác như thương-gia, lao-động, rời bỏ gia-đình, của cải, đi tìm sống cảnh không nhà, nếu biết nghiêm-trì giới luật của Đức Như Lai, thì tâm-tư họ cũng được tràn-ngập từ-bi, bác-ái, được an-tĩnh, không bị thế-sự buộc ràng, lay-chuyển. Những người ấy đã thành-đạt mức-độ tinh tâm tuyệt-diệu, đã diệt trừ phiền-não, vì đã thực-hành đúng theo đường lối của bậc sa-môn".

-- MAJJHIMA NIKAYA

Lời của soạn-giả:

Bài Pháp trên đây rất phù-hợp với thời-đại hiện nay, vì các tôn-giáo đều đang bị một số đông những phần tử bất-hảo nhảy vào gây lũng-đạo.

Phật-ngôn có câu: "Tài-sản duy-nhứt của loài chim là cái đuôi và cặp cánh. Thầy tỳ-khuru rất vừa lòng với mảnh y để che thân và vắt com bó-thí để no lòng. Đi đâu, người chỉ mang theo tam y và quả bát".

Tục-ngữ cũng thường nói: "Xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo".

Tuy-nhiên, bất cứ thời-đại nào, bất cứ trong đạo-giáo nào cũng có một số lớn phần-tử chẳng có chút tài-sản gì để vắt bỏ, chẳng có nghề-nghiệp nào để sinh-sống, trà-trộn vào khuấy rối bề hành đạo của những bậc chân tu, lợi-dụng lừa-gạt tín-đồ để nuôi mạng và đôi khi cũng tạo nên sự-nghiệp kết xù là khác.

Đối-diện với các đạo-sĩ, tỳ-khuru, linh-mục, khát-sĩ, phủ thân bằng lớp nâu sòng, hoặc lỏa-lồ rách-rưới kham-khổ, hoặc gặp những nhà truyền-giáo học-vấn cao-thâm, ăn nói hoạt-bát, hạng phàm-nhân chúng ta rất khó bề nhận-định ai là bậc tu-hành chân-chánh. Biết bao người lợi-dụng chiếc áo cà-sa, biết chế-ngự kẻ tín thí bằng nhiều lý-luận tráo-trở, xảo-quyệt. Trước mặt công-chúng, họ ra vẻ thu-thúc như con cò đứng yên một chỗ, lim-dim đôi mắt chờ đớp mồi ngon, nhưng ít ai biết được sự sinh-hoạt riêng-tư của họ là thế nào? Cũng có vài hành-giả bày trò tham-thiên nhập-định giữa đám đông trong khi các bậc hiền-triết đều ẩn-dật trong nơi thanh-vắng, xa xóm, xa người. Cũng có hạng nói mình giữ hạnh đầu-đà, ôm bát ra đi từ mờ sáng đến tối mới trở về rồi nói mình đi khát-thực, độ dưới cội cây, nghỉ trưa nơi vắng-vẻ, nhưng khi màn đêm sụp xuống thì sợ mất an-ninh.

Khổ nổi, số đông tín-đồ lại không dám ngó ông thầy sợ mang tội, cho rằng nằm trên chiếu rách cũng đỡ hơn nằm đất. Vị giáo-sư say sưa bài bạc, nhưng vẫn là thầy của các trò khi vào lớp.

Những thứ giây chum gói này đã có từ lâu, nên Đức Phật mới giải bày rành-mạch như trên, nhằm mục-đích dạy con người biết cách phân-biệt kẻ chánh

người tà, để gieo giống lành trên mảnh đất phì-nhiều, biết rõ thật-sự ai là kẻ "xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo" có nếp sống giản-dị như loài chim, chỉ có cái đuôi và cặp cánh.

---o0o---

Kiến-thức của những người mù

"Hỡi này các tỳ-khuru! Các người nói với Như Lai rằng có nhiều nhóm đạo-sĩ, Bà La Môn hay khát-sĩ du-phương, thuộc những chí đạo khác nhau thường ủng-hộ những kiến-thức khác nhau, vui thích với những lý-thuyết khác nhau, hướng về các sự-việc khác nhau, tin-tưởng những lời lẽ khác nhau".

"Này các tỳ-khuru, có nhóm thường hay binh-vực và tin-tưởng như vậy: "Thế gian là trường-tồn vĩnh-cửu. Đó là chân-lý, còn những chuyện khác là vô-lý, là dốt-nát khờ-khạo".

"Nhóm khác thì nói: "Thế gian là vô-thường, không bền vững. Đó là chân-lý, còn những chuyện khác là không đúng, là dốt nát đại khờ".

"Có kẻ lại nói: "Thế-gian sẽ có ngày kết-thúc". Kẻ khác cho rằng thế-gian sẽ không chấm dứt".

"Có kẻ nói: "Căn-bản của đời sống là xác thân". Kẻ khác lại nói xác thân là một chuyện, còn sự sống là chuyện khác".

"Có kẻ nói: "Cái Ta sẽ biến-chuyển sau khi chết". Người khác nói rằng không".

"Có kẻ lại nói: "Sau khi chết, cái Ta sẽ biến-chuyển hoặc không biến-chuyển ... Đó là chân-lý, còn các ý nghĩ khác đều vô-lý, đều là chuyện ngu dốt, đại khờ".

"Vì lẽ đó, các nhóm đạo-sĩ, Bà La Môn hay khát-sĩ du-phương thuộc các đạo-giáo khác, thường hay xung-đột với nhau, ham cãi lầy, lý-luận, biện-minh, đấu khẩu với nhau, để binh-vực kiến-thức riêng của mình và cho rằng: "Cái này là chánh pháp, còn cái kia không phải. Cái này đúng chân-lý, cái kia không đúng, vâng-vân ...".

"Hỡi này các tỳ-khuru! Những nhóm đạo-sĩ, Bà La Môn hay khát-sĩ du-phương đó đều dốt nát, mù-quáng, không biết đâu là mục-đích cứu-cánh, đâu là chẳng phải; không biết cái nào là chánh pháp và cái nào chẳng phải. Vì vậy, họ thường hay xung-đột với nhau, ham cãi lầy, lý-luận, biện-minh, đấu khẩu với nhau để ủng-hộ lập-trường của mình. Họ tranh-chấp, phi-báng nhau vô-ích, vì không thấu rõ đâu là mục-đích giải-thoát và đâu là không phải".

"Các ngươi hãy nghe câu chuyện sau đây:

"Thuở xưa kia, cũng tại thành Savatthi này, có một quốc-vương bày một trò chơi, ra lệnh đưa tất cả những người mù từ lúc sơ-sinh vào triều để nhìn xem một con voi. Tên nài nói với các người đui như vậy: "Đây là con voi"; rồi cho vài người sờ cái đầu voi, người khác cái tai voi, người khác cái bụng, người khác nữa cái ngà, cái vòi, cái chân, cái lưng, cái đuôi, chòm lông đuôi, và nói với mỗi người mù rằng đó là con voi.

Đức vua ngự đến hỏi nhóm người đui vậy chớ con voi là thế nào? Những người sờ đầu nói rằng con voi giống như cái chậu. Người sờ tai nói voi giống như cái nĩa ... ngà voi giống như lưỡi cày, vòi như cái cày, bụng như cái bồ lúa, chân như cây cột nhà, lưng như cái cối xay, cái đuôi như cây chà giã gạo, chòm lông đuôi là cây chổi. Mỗi người mù đều cho mình nói đúng, tranh cãi dữ-dội, la-lối om-sòm: "Phải vậy mà! Không phải đâu! Con voi là thế này chớ chẳng phải thế kia!" Rồi nhóm người mù đi đến xung-đột, đấm đá nhau. Đức vua rất thích-thú đùa bỡn với trò chơi ấy".

"Này các tỳ-khuru, những đạo-sĩ, Bà La Môn, khát-sĩ du-phương trong các giáo-phái khác cũng mù-quáng như thế, nên không nhìn thấy chi cả. Họ không biết đâu là mục-đích giải-thoát, đâu là không phải; cái nào là chánh pháp và cái nào không phải. Lẽ đó, họ luôn-luôn gây ra tranh-chấp, cãi vã, xung-đột với nhau vì không biết rõ thế nào là mục-đích giải-thoát, thế nào không phải, đâu là chánh pháp và đâu là không phải".

-- UDANA 66-69

Lời của soạn-giả:

Hạng phàm-phu nhận-định những sự-việc với đôi mắt thịt, dùng lý-trí suy đoán các hiện-tượng nên thường hay làm-lẫn. Chỉ có bậc hiền-triết dùng sự hiểu biết siêu-nhân mới thấu rõ mọi vật đúng theo chân-lý.

Đức Phật ví những đạo-sĩ, Bà La Môn, khát-sĩ chưa giác-ngộ như những người mù, vì họ không thấu rõ lý Tứ Diệu Đế và tư-cách sanh diệt của chúng-sinh (Thập Nhị Nhân Duyên), suy-nghĩ vu-vơ, vô căn-cứ, rồi cho rằng kiến-thức của mình là đúng chân-lý và phủ-nhận các lý-thuyết khác.

Đức Phật dùng danh từ "Mục-đích giải-thoát" để ám-chỉ Niết-Bàn. Người chưa giác-ngộ không sao hiểu rõ Niết-Bàn là thế nào. Cũng như con cá hỏi rùa vậy nơi đất liền có nước sông rạch không? Và muốn biết nó có thể lội trên đó được không? Dù rùa giải-thích thế mấy, nó cũng không nghe.

Còn chánh pháp là nói về Tứ Diệu Đế, giáo-lý căn-bản của đạo Phật. Con người chỉ hành theo Bát Chánh Đạo (Đạo Đế) thì mới mong thoát khổ. Ngoài Đạo Bát Chánh, không thể có đạo quả thánh-nhân.

Những người mù mắt, tuy không thấy, nhưng tai vẫn nghe kẻ khác nói, rồi căn-cứ vào đó để suy-tưởng mọi việc một cách sai lầm.

Trong sáu năm tu khổ hạnh, Đức Bồ Tát Sĩ Đạt Ta đã gặp hai ông thầy, là Alara và Uddaka. Mỗi ông có đường lối hành đạo khác nhau và tin-tưởng rằng mình đã giải-thoát. Năm thầy Kiều Trần Như cũng cố-chấp lối tu khổ-hạnh của mình là đúng. Sau khi đắc đạo, Đức Phật đã tận dụng 3.500 phép thần-thông, nhưng vẫn không thuyết phục được Đại Đức Kassapa thờ thần lửa, và sau cùng phải dùng tới phép mầu cùng tột gọi là Phép Mầu về Giáo Pháp (uy-lực tuyệt đối của Đức Chánh Biến Tri) mới xong.

Kinh Majjhima Nikaya có ghi lại một mẫu chuyện lý-thú có liên quan tới bài pháp trên đây.

"Thuở nọ, một ông già Bà La Môn có bà vợ trẻ tuổi mà ông ta rất tưng-tiu, chiều-chuộng. Bà vợ có ghen và lúc gần sanh buộc chồng tìm mua cho được một con khỉ đực để làm bạn với đứa trẻ sắp ra đời. Người chồng già nói: "Xin nàng hãy đợi tới lúc sinh-sản rồi mới biết là gái hay trai. Nếu được con trai thì tôi sẽ mua một con khỉ đực cho nó chơi. Còn sanh gái thì tìm một con khỉ cái". Thầy Bà La Môn năn-nỉ ba lần như vậy, nhưng bà nũng-nịu không nghe, nên đành ra chợ mua con khỉ đực đem về để làm vừa lòng người vợ trẻ. Bà lại sai chồng đem con khỉ đến người thợ Rattapani mượn nhuộm lông nó ra màu cho lạ hơn những con khỉ khác, và dặn chồng bảo anh thợ nhuộm phải dày vò con khỉ cho lông nó dễ ăn màu.

Người thợ nhuộm Rattapani nói với lão Bà La Môn rằng anh ta có thể nhuộm lông con khỉ ăn màu tốt được phần nào hay phần nấy, chớ không thể dày vò con khỉ, vì làm vậy nó sẽ chết mất. Chỉ có hàng vải mới có thể dày vò cho dễ ăn màu.

Còn cô vợ trẻ của ông Bà La Môn chưa sanh con, không biết nó sẽ là gái hay trai, lại buộc người chồng già phải tìm mua con khỉ đực cho đứa bé chơi, nũng-nịu bảo chồng đem con khỉ đi nhuộm màu và dày vò nó như nhuộm vải".

Bởi vậy, Đức Thế Tôn, trước giờ nhập-diệt, có thuyết cho đạo-sĩ Subhadha nghe như vậy: "Này Subhadha, người chớ nên hỏi xem các vị giáo-chủ thuộc ngoại-đạo đều đắc quả thánh-nhân, hay chỉ có vài vị đắc và vài vị không đắc? Người nên nhớ rằng bất cứ những ai thuộc chủng-tộc nào, thuộc giai-cấp nào, khi biết hành theo Bát Chánh Đạo thì đạo quả thánh-nhân (A La

Hán) vẫn còn. Ngoài Đạo Bát Chánh, không có đường lối nào khác có thể đưa người đến giải-thoát hoàn-toàn.

---o0o---

Những nguyên-tố

Ta có nghe như vậy:

Thuở nọ, Đức Thế Tôn hành-trình đơn-độc trên đường dài đi vào xứ Magadha (Ma Kiệt Đà). Khi tới thành Radjagaha (Vương Xá), Ngài đến xin nghỉ đêm tại nhà người thợ làm đồ gốm tên Bhaggava. Ông này nói: "Chẳng có gì làm phiền tôi cả nếu Ngài muốn nghỉ tạm tại đây. Nhưng nhà tôi hiện nay có một chàng trai đi hành-hương xin vào trọ. Vậy xin Đức Thế Tôn tùy-tiện thương-lượng với người thanh-niên ấy và muốn ở lại đây bao lâu tùy thích".

Cùng lúc đó, chàng thanh-niên Pukkusati, với đức tin nhiệt-thành, muốn tìm phương giải khổ, cũng rời bỏ gia-đình đi sống cảnh không nhà. Chàng phát-động một cuộc hành-hương trên đường dài để tìm theo vết chân của Đức Như Lai.

Khi Đức Phật xin ở trọ, Pukkusati nhã-nhận đáp: "Kính bạch Đại Đức⁴, nhà ông thợ đồ gốm rộng-rãi mát mẻ. Vậy xin ông cứ việc sử dụng, chẳng có gì làm phiền tôi cả".

Đức Thế Tôn bước vào trong, trải chiếc đệm rom, ngồi kiết già, thân hình ngay thẳng, chú tâm về phía trước và giữ oai-nghi đó suốt đêm dài khuya-khoát. Chàng trai Pukkusati cũng trải chiếu, ngồi kiết già, thân hình ngay thẳng, chú tâm về phía trước và giữ oai-nghi đó suốt đêm.

Bỗng Đức Phật hỏi: "Này chàng thanh-niên, hiện nay người đang đi kiếm ai và ai là thầy tổ của người? Chàng nương theo giáo pháp nào để tìm đường thánh thiện?"

- "Bạch Đại Đức, bậc đáng kính Gotama rời bỏ gia-tộc Thích Ca đi tìm phương cứu khổ, đã trở-thành một vị A La Hán. Danh thơm của Đức Gotama bay đến tận phương xa và đâu-đâu cũng có tiếng đồn hoan-lạc rằng Ngài là Đấng Thế Tôn, là bậc A La Hán, là Đấng hoàn-toàn giác-ngộ, có sự hiểu biết siêu-nhân. Ngài là Đấng Trọn Lành suốt-thông tam-giới, là Bậc Đại Giác, là Thầy cả chư-thiên và nhân-loại".

Đức Phật hỏi: "Này chàng tu-sĩ, vậy chớ hiện nay Đức Thế Tôn, Bậc A La Hán Đại Ngộ đó đang ngự tại đâu?".

- "Kính bạch Đại Đức, hiện nay Đức Thế Tôn, Đấng Trọn Lành, Đấng Đại Giác đang ngự trong mấy tỉnh miền Bắc, tại một kinh-đô gọi là Savathi (Xá Vệ)".

- "Này chàng thanh-niên, vậy chớ người có gặp Đức Thế Tôn lần nào chưa?"

- "Bạch Đại Đức, tôi chưa hân-hạnh được thấy Ngài bao giờ".

Khi biết Pukkusati chưa nhận-diện ra Ngài, Đức Thế Tôn ôn-tôn khuyến hóa chàng tu-sĩ: "Hỡi này chàng thanh-niên đi hành-hương! Người hãy chú-tâm ráng nghe đây:

"Trong mỗi con người có sáu nguyên-tố, sáu sự tiếp-xúc, mười tám cái tâm tìm kiếm, và bốn sự quyết-tâm. Khi người nào thấu-đáo và điều-ngự được chúng, không để cho những ý nghĩ vu-vơ, huyễn-hoặc, xâm-nhập, thì người ấy được gọi là bậc Đại Hiền Thanh Tịnh. Chừng đó, người an trú vững-vàng trong chánh kiến, người có bảo-trì chân-lý, thỏa-thích với sự dứt bỏ và chẳng làm gì khác hơn là củng-cố sự yên-lặng an vui".

"Này chàng thanh-niên đi hành-hương, đây là sự thuyết-minh nhất-trí về sáu nguyên-tố".

"Ta nói mỗi con người có sáu nguyên tố, là: đất, nước, lửa, gió, hư-không và tâm thức".

"Ta nói trong mỗi con người có sáu sự tiếp-xúc với sáu trần, là: sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp".

"Ta nói trong mỗi con người có mười tám cái tâm tìm kiếm, là sáu cái tâm vui thích trong lục-trần, sáu cái tâm nhòm chán sáu trần, và sáu cái tâm trung-lập về các trần đó (không vui, không khổ)".

"Ta cũng nói trong mỗi con người có bốn sự quyết-tâm, là: hiểu biết chân-chánh (chánh kiến), bảo-tồn chân-lý, rán dứt bỏ và cố gắng thành-đạt sự yên-tĩnh".

"Ta cũng nói con người cần phải cứng rắn sống trong chánh kiến, bảo-tồn chân-lý, giữ mình chân-thật, thỏa-thích trong sự dứt bỏ và chẳng làm gì khác hơn là an trú trong trạng-thái yên lặng".

"Nhưng thế nào là người cứng rắn trong chánh kiến?"

"Trước nhất là sáu nguyên-tố mà bản-chất có thể được mô-tả như sau:

"Chất đất có thể là chủ-quan (ở trong xác thân) hay khách-quan (ở ngoài xác thân). Nên ở bên trong thì nó thuộc về một cá-nhân, mang tính-cách cá-nhân và tùy theo sở-hữu của mỗi con người. Đất có tính-cách cứng, rắn chắc hoặc những tính-cách tương-tợ. Đó gọi là nguyên-tố "đất" trong con người. Đem

nó ra so-sánh với chất đất bên ngoài thì chúng ta thấy rằng đó chỉ toàn là đất mà thôi".

"Tur-cách hiểu biết chân-chánh đúng theo thực-tế như vậy khiến chúng ta nhận định rằng đó không phải là Ta, không phải của Ta và cũng chẳng phải là bản Ngã. Khi biết nhận xét đúng theo chân-lý như thế, con người không quan-tâm gì tới chất đất và chẳng còn ngã chấp".

(Những nguyên-tố: nước, lửa, gió, hư-không, cũng được giải-thích theo thể-thức kể trên).

"Ngoài năm nguyên-tố trên đây, cái tâm được thanh-lọc trở nên trong sạch, cao-thượng, đưa con người tới trình-độ hiểu thấu rõ-rệt mọi vật và biết phân-biệt cái chi là vui, cái gì là khổ và cái gì không vui không khổ".

"Sự tiếp-xúc vừa lòng làm phát-sinh cảm-giác vui thích. Khi vui thích, người biết rõ mình đang trải-nghiệm niềm vui và người cũng biết rằng lúc nào sự tiếp-xúc thích thú không còn nữa, thì niềm vui cũng biến tan. Đối với những sự tiếp-xúc chán-chê sâu-não hoặc không vui không khổ, người cũng biết nhận định rõ-rệt đúng theo chân-lý".

"Hỡi này chàng thanh-niên đi hành-hương! Như hai khúc gỗ được cọ xát với nhau trở nên nóng làm tung-toé ra những đóm lửa, và khi chúng bị tách rời ra thì sức nóng biến tan. Thì cũng như thế ấy, sự tiếp-xúc vừa lòng làm phát-sinh cảm-giác an vui, thích thú. Khi trải-nghiệm cảm-giác đó, người biết mình đang hưởng lạc-thú và cũng biết rõ khi sự tiếp-xúc vừa lòng chấm dứt, thì niềm vui cũng chẳng còn. Đối với sự tiếp-xúc khổ sâu, hoặc không vui không khổ, người cũng biết rõ".

"Này người thanh-niên, sự thảo-nhiên, thanh-tĩnh, được thanh lọc cao-thượng, nó sẽ trở nên mềm dịu, sáng chói. Như nén vàng chưa tinh-luyện (vàng đồ) được để vào khung đốt lửa lên cho cháy đỏ. Thỉnh-thoảng, người thợ kim-hoàn dùng ống đồng thổi tạt ngọn lửa lên bề mặt cục vàng rồi gấp nó đem nhúng vào nước để quan-sát coi công việc mình làm có chu-đáo không? Vàng bị đốt cháy ra và được thanh lọc tách rời các loại kim xấu khác như thế nào, để nó trở nên tinh-vi, mềm dẻo, sáng chói, rồi đem làm ra nhiều món nữ-trang như vòng, bông tai, giầy chuyền cổ ... và được kết-quả tốt đẹp. Cũng như thế ấy, sự an-tĩnh, thảo-nhiên, được thanh lọc, trau-giồi cao-thượng, trở nên mềm dẻo, sáng ngời".

"Chùng đó, sự hiểu biết rõ-rệt phát-sinh đến cho người (hành-giả) như vậy: "Vậy ta thử tập-trung cái tâm được thanh lọc, trau-giồi cao-thượng này và hướng nó về lãnh-vực: Không Vô-Biên, Thức Vô-Biên hoặc Vô Hữu Sở, rồi làm phát-triển cái tâm trở nên rộng lớn bao-la trong các lãnh-vực và an trú

trong trạng-thái ấy một thời-gian khá lâu. Quả thật, ta đã thành-tự, nhưng đây cũng chỉ là những hiện-tượng được chế-tạo. Chúng chỉ có tính-cách tạm thời thoáng qua mà thôi".

"Như vậy, hành-giả chẳng phí-công tìm tòi về tư-cách sanh diệt của những vật cấu-tạo và chẳng thiết-tha gì với chúng. Người được hoàn-toàn tự-do và chẳng còn chi ràng buộc trên thế-gian này nữa".

"Được tự-do rồi, người không còn sợ-hãi lo-âu, nội-tâm không xao-xuyến và tin chắc rằng mình chẳng còn tái-sinh nữa, mình đã sống tròn đủ cuộc đời cao-thượng, các việc mình đã làm xong và không còn dính mắc với bất cứ việc gì trên cõi thế".

"Khi có cảm-giác vui, khổ, hoặc không vui không khổ phát-sinh, người biết rõ đó là những tình-cảm tạm-thời, không xem chúng là quan-trọng và chẳng quuyến-luyến ôm-ấp niềm vui".

"Khi có cảm-giác rằng xác thân mình sắp kết-liểu, người cũng biết rõ. Người biết đời sống chấm dứt như thế nào? Người biết sau khi cơ thể rã rời, tất cả những cảm-giác và niềm vui đều hòa-đồng vào cõi hoàn-toàn tịch-tĩnh".

"Chẳng khác nào cái đèn cháy được là nhờ chất dầu và cái tim của nó. Nhưng khi dầu hao, tim lụn mà người không châm dầu khơi tim, thì cái đèn phải tắt. Cũng như thế ấy, kẻ nào hiểu biết sự kết-liểu của xác thân và kiếp sống, biết luôn cả tư-cách hòa-đồng những niềm vui khổ vào cõi tịch-tĩnh khi xác thân tan rã, kẻ đó an-toàn thoát-ly ra khỏi bánh xe sanh tử".

"Thầy tỳ-khưu thuần-thục như thế là người có sự "Quyết-tâm cao cả về chánh kiến". Vì sự hiểu biết cao-siêu cùng tột là tư-cách thấy rõ trạng-thái kết-thúc nguồn thống-khổ".

"Tư-cách giải-thoát căn-cứ vào chân-lý. Sự dối-trá tự nó đã là xấu-xa, làm-lạc. Chân-lý là Niết-Bàn, là nơi chẳng còn sự dối-trá nào cả. Lẽ đó, thầy tỳ-khưu biết trau-giồi phẩm-hạnh thêm cao-thượng đã thành-đạt sự "quyết-tâm cao cả về chân-lý". Vì chân-lý cao-siêu cùng tột là Niết-Bàn, nơi chẳng còn điều chi dối-trá".

"Khi đôi mắt (tuệ giác) chưa bừng sáng, con người bị trói chặt vào cuộc sống và tha-thiết áp yêu nó. Giờ đây, màn vô-minh bị vệt, nhường chỗ lại cho ánh-sáng cao-siêu. Những sự-vật nhận-định do cặp mắt phạm-phu khi trước, hiện nay đã thay đổi. Thầy tỳ-khưu đi tới trình-độ "quyết-tâm cao cả về sự dứt bỏ". Vì tư-cách dứt bỏ cao-siêu cùng tột là giải-thoát (con người ra khỏi những sợi giây trói chặt vào đời sống)".

"Khi đôi mắt chưa bừng sáng, con người hằng làm mồi cho si-mê ái dục. Giờ đây, chúng đã bị diệt tận gốc rễ, nhường chỗ lại cho sự thông-minh sáng-lạng. Những sự nhận-định với cặp mắt phàm-phu lúc trước, hiện nay đã thay đổi. Những sự tối-tăm, sân-hận, oán-thù, tàn-bạo, lầm-lạc, bị diệt tận gốc rễ, nhường chỗ lại cho sự thông-minh sáng-lạng. Được trau-giồi thuần-thục như thế, thầy tỷ-khuru đi tới trình-độ "quyết-tâm cao cả về sự an-tĩnh". Vì sự an-tĩnh cao-siêu cùng tốt là dập tắt lòng tham-dục, sân-hận, si-mê".

"Ta nói kẻ nào an trú vững chắc trong trạng-thái yên-tĩnh, không còn bị những ý nghĩ vu-vơ, lầm-lạc, không lợi-ích xâm-nhập, kẻ đó đáng được gọi là bậc Đại Hiền Thanh Tịnh. Nhưng thế nào là ý nghĩ không lợi-ích?"

"Nói rằng: "Ta đây" là một ý nghĩ vô-ích. Nói rằng: "Không phải Ta đây" là một ý nghĩ vô-ích. "Ta sẽ tái-sinh hay không tái-sinh ra nữa? - Ta sẽ có xác thân hay vô-hình? Hữu-tri hay vô-tri? vân-vân...", đều là những ý nghĩ vô-ích. Chúng giống như một chứng bệnh, như ung-nhot, như cái gai nhọn".

"Khi vượt qua khỏi các ý nghĩ vu-vơ không lợi-ích, người ấy được gọi là bậc Đại Hiền Thanh Tịnh, không còn sinh-trưởng nữa, không còn sợ-hãi và chẳng tham muốn gì nữa. Người đó không còn yếu-tố gì để tái-sinh. Không sinh-trưởng thì sự già nua làm sao đến được? Mà không già thì khỏi chết. Nếu không chết thì còn sợ chi nữa, và chẳng sợ-hãi thì cần gì tham muốn?"

"Hỡi chàng thanh-niên đi hành-hương! Đó là sự thuyết-minh nhất-trí về những nguyên-tố mà người cần ghi nhớ trong tâm".

Nghe xong Chánh Giáo, Pukkusati nhận ra người khuyến hóa mình chính là Đức Thế-Tôn, là Đấng Đại Giác. Chàng liền vén y bên vai phải, mọp xuống chân Ngài: "Kính bạch Đức Thế-Tôn, vì lỗi-lầm điên-dại nên con đã vô-ý xung hô với Ngài như đối với một đạo-sĩ tầm thường. Vậy xin Đức Thế-Tôn nhận lời sám-hối tội-lỗi và con nguyện sẽ không tái-phạm nữa trong buổi tương-lai".

Đức Phật nói: "Lành thay! Đó là triệu-chứng tấn-hóa trong giới bổn, khi người tự biết lỗi mình, ăn-năn sám hối và nguyện giữ gìn không cho tái-phạm sau này".

- "Bạch Đức Thế-Tôn, vậy xin Ngài cho phép con xuất-gia thọ cụ-túc giới để gia-nhập vào tăng-hội".

- "Này chàng thanh-niên đi hành-hương, vậy người có tam y quả bát rồi chưa?"

- "Bạch Đức-Thế-Tôn, chưa có".

- "Này chàng thanh-niên, Đức Chánh-Biến-Tri không thể ban cụ-túc giới xuất-gia cho kẻ nào không có y bát đặng".

Rất thoả-thích về lời giáo đạo, chàng tu-sĩ Pukkusati tỏ lòng tri-ân, vái chào Đức Thế-Tôn rồi đi tìm y bát. Nhưng lúc đi trên đường, chàng rủi bị bò húc chết. Các tỳ-khuru được tin đến hỏi Đức Phật tại sao Pukkusati vừa mới nghe Ngài thuyết-minh chánh giáo lại mang họa như thế? Vậy chớ người sẽ tái-sinh về đâu và số phận ra sao?

Đức Phật thuyết:

"Này các tỳ-khuru, chàng thanh-niên Pukkusati rất thông-minh học rộng, đã thông-suốt giáo-lý khắp các ngành, từ thô-thiển đến vi-tế. Như Lai chẳng gặp khó-khăn gì khi giáo hóa người. Pukkusati đã chặt đứt hoàn-toàn năm giây trời buộc vào kiếp sống. Chàng được sanh về cảnh giới an vui cao cả và không còn trở lại thế-gian này nữa (đắc quả thánh thứ ba, là A Na Hàm)".

Chư-Tăng đồng-thanh hoan-hỷ về lời giải-thích của Đức Thế Tôn.

-- MAJJHIMA NIKAYA 141

Lời của soạn-giả:

Trên đây là bài pháp có tầm quan-trọng, đặc-biệt dành riêng cho những bậc thượng căn. Lời lẽ rất cao-thâm, tế-nhị, khó hiểu, mang tính-cách "Siêu Thế-Gian pháp" (Lokuttara Dhamma) diễn-tả trong mỗi con người có sáu nguyên-tố. Năm cái đầu: đất, nước, lửa, gió, hư-không, thuộc về Sắc pháp. Nhưng đặc-biệt là nguyên-tố "Tâm" thuộc Danh pháp, là yếu-tố nồng cốt cho sự giải-thoát hay sa đọa. Tâm có năng-lực đưa con người tới nơi dứt khổ, là Niết-Bàn, nếu biết điều-khiển nó đúng theo lời dạy của Đức Như-Lai. Trái lại, tâm cũng có thể xô đẩy chúng-sinh vào vòng si-mê ái-dục, gây nhiều nghiệp dữ, sa vào cạm bẫy của ma-vương để, rốt cuộc, phải bị luân-hồi khổ-não triền-miên trong tam-giới.

Chúng ta nên tìm hiểu nguyên-nhân nào khiến Đức Phật thuyết-minh cho chàng thanh-niên Pukkusati nghe những điểm diệu thâm sau đây về bốn sự quyết-tâm:

- Quyết-tâm thành-đạt chánh kiến;*
- Quyết-tâm bảo-tồn chân-lý;*
- Quyết-tâm thỏa-thích trong sự dứt bỏ;*
- Quyết-tâm củng-cố sự thản-nhiên, an-tĩnh.*

Đó là những huân-từ có tính-cách siêu-thế, chớ chẳng phải tầm-thường. Đức Thế-Tôn dùng tuệ nhãn đoán biết rõ trình-độ và phẩm-hạnh của người thanh-niên Pukkusati là thế nào? Một chàng tu-sĩ trẻ trung giữa lúc xuân

thời, đang sống cuộc đời nhàn-nhã, buông lung, lại dũng-mãnh rời khỏi gia-cư thân-thuộc, đi sống đời hành-khất cô-đơn, cắt đứt những tình-cảm thông-thường, phát-động một cuộc hành-hương diệu-vợi, xuyên qua rừng núi hiểm nguy theo dõi dấu chân của Đức Thế Tôn để xin xuất-gia tu theo chánh giáo ... chỉ vì được nghe qua danh-tiếng của Đức Như Lai mà thôi. Một con người, tuy còn trai trẻ, nhưng mang lòng nhiệt huyết như vậy, thế nào cũng có bộ óc thông-minh xuất chúng, thích nghe, thích hiểu, thích làm. Pukkusati là con người thực-tế dám hành-động theo lẽ phải, không do-dự, không thối-chuyển.

Vì thấu rõ tâm địa của Pukkusati, Đức Thế Tôn biết thế nào người cũng liễu-ngộ sau khi nghe pháp và chính Ngài đã cho chư-tăng biết rằng Pukkusati rất thông-minh, học rộng, nên Ngài khuyến hóa dễ-dàng.

1. Về điểm "Quyết-tâm thành-đạt chánh kiến", ở đây không phải là sự hiểu biết thông-thường của hạng phàm-nhân, biết nhận-định phải quấy, tốt xấu, lành dữ, xuyên qua các sự-việc biểu-lộ bên ngoài bản-thân, mà là sự trác-nghiệm, quán-xét đúng theo chân-lý nội-tâm về những nguyên-tố tùy-thuộc Sắc pháp và Danh pháp ẩn sâu trong mỗi cá-nhân.

Khi tuệ-giác bừng sáng sau thời-gian hành đạo nhọc thân, kham-khổ, bậc siêu-nhân nhìn thấy rõ-rệt thân mình chỉ là sự phối-hợp của những nguyên-tố: đất, nước, lửa, v.v. và các Sắc pháp đó, tự chúng cũng không bền vững, lâu dài. Lẽ ấy, hành-giả chẳng còn tung-tiu, ôm-áp, quý-trọng xác thân nữa.

Trên các nguyên-tố thô-sơ đó, Đức Phật cho Danh pháp là những trạng-thái do tâm cấu tạo, rất tế-nhị, nhưng cũng đều là vô-thường biến-đổi.

Sự hiểu biết cùng tột như vậy gọi là "Chánh Kiến Siêu Thế-Gian".

2. "Quyết-tâm bảo-tồn chân-lý" có nghĩa là giữ vững lập-trường đạo-đức của mình luôn-luôn vững chắc, dứt-khoát. Đức Phật nói Niết-Bàn là chân-lý cùng tột và chân-lý cùng tột là Niết-Bàn. Lẽ đó, các bậc hành-giả trong Phật-Giáo phải cố gìn giữ chân-lý không hề chình-lịch để nhắm thẳng mục-đích cuối cùng là Niết-Bàn. Trên đường tu tập, người không nên thỏa-thích, toại-nguyện ôm-áp vài thành quả phi-thường có tính-cách huyền-bí tạm-thời như đắc phép thần-thông, được sống lâu, biết ẩn chú, v.v. ... Luôn cả trường-hợp đắc bốn bậc Thiên Vô Sắc để hưởng phước hằng vạn triệu năm trên thiên giới, cũng không đáng say-mê ôm-áp. Sự quyết-tâm này cũng thuộc lãnh-vực Siêu Thế.

3. "Quyết tâm dứt bỏ".

Người đời có thể vì hoàn-cảnh, vì uất-hận hoặc tự-ái cá-nhân, dám bỏ địa-vị, danh-vọng, tài-sản, xa lìa quyến-thuộc. Tỉnh-thoảng, có vài kẻ chán-đời

khi nghe được đạo-lý, rồi bỏ nhà cửa, vợ con, ra đi tìm đường thánh thiện. Nhưng đây cũng là trường-hợp dứt bỏ của hạng phàm-phu do những động-cơ bất-thường thúc-đẩy, chứ không phải do sự xét đoán thông-minh. Vì chí-hướng con người luôn-luôn thay đổi vô chừng.

Lẽ đó, phát-sinh ra nhiều trường-hợp các nhà tu-hành, lúc đầu rất hăng-hái, dám ly gia cắt ái, kham-khổ hành đạo. Nhưng thời-gian sau, hoặc bị Tà Tư Duy khuấy rối, hoặc bị tiền-tài danh-lợi cám-dỗ nên sa-ngã, không tìm cách "tự giác - giác tha" trước cứu mình sau độ người, để nắm tay nhau thoát ra khỏi sông mê biển khổ.

Trên đây, Đức Phật dạy hành-giả cần phải dứt bỏ những gì quý-báu nhất của chính mình, dù là bản-thân đi nữa. Dứt bỏ những thành quả tạm thời trên đường tu tập như đắc phép màu, ếm quỷ trừ ma, bùa mê thuốc lú ... và dứt bỏ luôn cả bốn bậc Thiên Vô Sắc, thì mới mong thấu rõ chân-lý cùng tột là Niết-Bàn. Đây là tư-cách dứt bỏ Siêu Thế-Gian mà người phàm-tục ít khi biết tới.

4. "Quyết-tâm củng-cố sự thân-nhiên an-tĩnh."

Theo kinh-điển, đạo quả thánh-nhân có thể thành-đạt do hai đường lối: là "Minh Sát" (Vipassanā) và "Tịnh Tâm" (Samatha). Người không có thiên-định, nhưng đắc một trong bốn quả thánh gọi là "Sukkhavipassaka", nghĩa là dùng Tuệ Giác soi thấu tất cả để làm khô cạn phiền-não.

Người đắc quả thánh do Pháp Thiên-Định gọi là "Samaka Yānaka", nghĩa là dùng pháp Tịnh Tâm làm lắng dịu phiền-não.

Chúng ta thường có dịp gặp những con người hay trầm-tư mặc-tưởng, dáng-điệu trang-nghiêm, ít nói năng, nhưng thật-sự tâm-trung của họ chưa nhất-thiết là yên-tĩnh.

Một nhà tu-hành ngồi ngay-thẳng, đôi mắt lim-dim, tính-tình hòa-huẩn với nụ cười kín-đáo trên đôi mép, hoặc tịnh khẩu như bình, cũng chẳng có gì đảm-bảo rằng nội-tâm của người là yên-tĩnh. Lời nói hàm-hồ viễn-vong của người thế là điều vô-ích trong cuộc sinh-hoạt hằng ngày, nhưng cũng không mấy tai-hại.

Đối với bậc hành-giả, tình-thế lại tế-nhị tâm-lý hơn nhiều. Chẳng những bên ngoài người phải luôn-luôn thu-thúc, gìn giữ oai-nghi phong-độ chỉnh-tề, mà cốt-yếu là phải điều ngự nội-tâm cho an-tĩnh, thanh-cao, không cho những tư-tưởng tà tây, chẳng lợi-ích xâm-nhập, khuấy rối, làm ô-nhiễm, thì mới mong tìm thấy đạo quả. Các ý nghĩ bông-lông, vô-ích, hay Tà Tư-Duy gây trở-ngại lớn-lao cho người hành đạo. Chúng là ma-vương, là tùy phiền-

não, ẩn sâu trong tiềm-thức đã lâu đời, luôn-luôn ám-ảnh theo dõi hành-giả tận chốn núi cao rừng thẳm, cản ngăn bước tiến.

Bởi vậy, Đức Phật dạy người giới-tử phải cương-quyết gạt bỏ các ý nghĩ không lợi-ích, ráng giữ lòng thanh-tĩnh để thấu rõ chân-lý tuyệt-đối, là Niết-Bàn, và trở thành bậc Đại Hiền Thanh-Tịnh (Muni). Nghĩa là luôn-luôn sống trong sự yên lặng và chẳng làm gì khác hơn là bảo-trì thân tâm yên-tĩnh, an vui.

Nói tóm lại cho dễ hiểu, Đức Phật mô-tả con người như một Tiểu Càn Khôn (thế-giới nhỏ) được cấu-thành bởi tinh-thần và vật-chất (Danh Sắc - Nāma Rūpa). Đạo giải-thoát chỉ tìm ra nội bên trong bản-thân, chớ không thể có ở bên ngoài. Hành-giả cần phải trải-nghiệm các hiện-tượng tâm-lý (Danh pháp) và vật-chất (Sắc pháp) để tìm ra chân-lý.

Người hành đạo chỉ hoàn-tất con đường thánh-thiện khi nào tuệ-giác bừng sáng cho thấy rõ Danh và Sắc pháp đều là vô-thường, biến-đổi, cần phải loại trừ.

---o0o---

Những phép màu

"Hỡi các tỳ-khưu! Ba phép màu đó là thế nào?"

- Phép màu về thân-thông biến-hóa.
- Phép màu về Tha Tâm Thông (đoán biết tư-tưởng kẻ khác).
- Phép màu về giáo pháp.

1) "Đây là phép màu thứ nhất nói về trường-hợp một đạo-sĩ có năng-lực phi-thường, biết biến-hóa ra thiên hình vạn trạng lạ đời. Từ một, người biết phân thân ra làm nhiều người, và từ nhiều người biến lại thành một. Từ hiện-diện, người biến mất rồi tái xuất-hiện. Người có thể đi ngang qua một tường thành, hay xuyên qua đỉnh núi, như đi trên khoảng trống. Người chui xuống đất rồi trở lên dễ-dàng, như lao mình xuống nước. Người đi trên nước bằng-phẳng như trên mặt đất. Người ngao-du trên hư-không, ngồi tréo chân như chim bay. Người có thể sờ mó mặt trời hay mặt trăng theo ý muốn. Người có thể điều-khiển thân mình cho tới cõi trời Phạm Thiên. Đó là phép màu về thân-thông biến-hóa".

2) "Còn đây là phép màu về Tha Tâm Thông. Một đạo-sĩ có năng-lực huyền-bí đoán biết: "Anh đang suy tính thế này hoặc thế khác". Dù tư-tưởng kẻ khác rắc-rối mây, người cũng đoán không sai. Chỉ nắm được một triệu-chứng do tiếng nói của người, của hạng phi-nhân hay chư-thiên, người cũng đoán được tư-tưởng của họ, không sai chạy mây-may, dù đoán bao nhiêu lần

cũng không trật. Hoặc giả, ông thầy bói có hành thiên-định cũng biết được tư-tướng kẻ khác không cần bắt được triệu-chứng nào, bằng cách điều-khiển tâm mình xuyên qua tư-tướng kẻ khác. Dù đoán bao nhiêu lần cũng không sai. Đó là phép màu về Tha Tâm Thông".

3) "Còn phép màu về giáo pháp là thế nào?"

"Trong trường-hợp này, một ông giáo-chủ dạy giới-tử: "Người nên học hỏi như thế này, chớ chẳng phải như thế kia. Người phải thực-hành như thế này, chớ không phải như thế khác. Người hãy cố gắng thành-tựu phẩm-hạnh như vậy và ráng bảo-tồn mức-độ ấy". Đó là phép màu về giáo pháp".

-- *ANGUTTARA NIKAYA I*

---o0o---

Đức-Phật chê những phép thần-thông và tha tâm thông

"Này các tỳ-khuru, nhưng có trường-hợp một kẻ vô tín-ngưỡng phanh-phui châm-biêm như vậy: "Nào lạ gì? Có một thứ bùa chú gọi là Gandhari. Nhờ bùa chú đó mà ông đạo-sĩ mới biến-hóa được ra thiên hình vạn trạng, biết phân thân, chui xuống đất, đi trên nước, bay trên hư-không ..."

"Này các tỳ-khuru, vì nhận thấy sự vô-ích, bất-hảo của các phép thần-thông nên Như Lai nhòm chán không muốn chúng được phô-trương. Về phép Tha Tâm Thông cũng thế, nó chẳng tốt đẹp gì. Vì đôi khi kẻ vô tín-ngưỡng nói: "Nào lạ gì? Có một loại ngọc kim cương". Nhờ thứ ngọc đó mà ông đạo-sĩ đoán được tư-tướng kẻ khác, nào là: "Anh đang suy nghĩ thế này, toan tính thế kia ..." Vì nhận thấy sự vô-ích bất-hảo của phép Tha Tâm Thông nên Như Lai nhòm chán, không muốn chúng được phô-trương".

-- *DIGHA NIKAYA I*

---o0o---

Đức Phật trách phạt Tỳ-khuru Pindola Bharadvaja

Ngày kia, một thương-gia giàu có tại thành Vương-Xá (Radjagaha) cho treo một cái bình bát bằng cây trầm hương trên ngọn cây tre và tuyên-bố: "Nếu có thầy đạo-sĩ hay sa-môn nào tài giỏi biết phép thần-thông, lên tới ngọn tre lấy được bình bát, thì nó sẽ thuộc về phần vị đó". Sáu ông giáo-chủ nhóm ngoại-đạo đến thử tài, nhưng không xong. Khi đó, thầy tỳ-khuru Pindola Bharadvaja dùng thần-thông bay lên lấy bát. Dân chúng thành Vương Xá reo hò, vỗ tay hoan-nginh, trong lúc thầy tỳ-khuru Pindola Bharadvaja ôm bát bay quanh thành Vương Xá ba vòng, rồi theo yêu cầu của người thương-gia, ông đáp xuống sân nhà.

Nghe tiếng reo hò của dân chúng, Đức Phật hỏi. Đại đức Ananda thưa: "Bạch Đức Thế Tôn, chính ngài Pindola Bharadvaja đã lấy được cái bình bát của người thương-gia, nên dân chúng mới reo hò như thế".

Đức Phật liền quở trách Đại đức Pindola Bharadvaja như vậy: "Này Pindola, hành-động đó thật chẳng xứng-đáng chút nào. Hành-động đó không hợp lẽ, không tốt đẹp đối với một sa-môn. Là việc chẳng nên làm. Tại sao với cái bình bát không ra gì, người lại phô-trương cho người đời biết những việc phi-thường, những phép thần-thông? Như vậy, chẳng khác nào một phụ-nữ vén khó lên cho người xem để được một Māsaka mẻ góc".

Sau khi quở trách Đại đức Pindola Bharadvaja xong, Đức Phật thuyết: "Này các tỳ-khưu, các người không nên biểu-diễn những chuyện phi-thường, những phép thần-thông trước công-chúng. Tỳ-khưu nào bất tuân sẽ bị phạt theo điều luật "Hành ác" của giới bổn. Này các tỳ-khưu, hãy đập bể cái bình bát đó, đem cán ra thành bột phân rồi các người chia nhau để thoa tay".

-- VINAYA II

Lời của soạn-giả:

Nói về bản-chất, phép thần-thông là con dao hai lưỡi, lợi ít hại nhiều, không thể đưa tới giác-ngộ, nên Đức Phật cấm-đoán các đệ-tử không cho biểu-diễn trước công chúng. Thật ra, nó chỉ là thành quả của bốn năng-lực căn-bản "Iddhi pādas" (Tứ Chánh Cần): Tập-trung ý muốn, tập-trung nghị-lực, tập-trung tư-tưởng và tập-trung sự quan-sát trong pháp hành thiên-định. Một đôi khi, Đức Phật và Đại đức Mục Kiền Liên cũng thi-thố phép mầu, nhưng với mục-đích cứu độ kẻ khác. Phần đông hành-giả đắc Phạm Định thường ưa thích phép thần-thông, ôm-ấp bám dính nó rồi trở nên cống-cao, ngã-mạn, để sau cùng phải mang họa, như trường-hợp ông Đề Bà Đạt Đa.

Trong ba phép mầu kể trên, Đức Phật chỉ khuyến-khích về cái thứ ba, là phép mầu về giáo pháp. Đây là uy-lực tuyệt-đối, phi-thường, về nội-tâm để chế-ngự tư-tưởng của đối-phương, mà chỉ các Đấng Toàn Giác mới có. Đức Thế Tôn đã bắt buộc phải áp-dụng phép mầu này trong hai trường-hợp làm cho 5 ông Kiều Trần Như và Đức Ca Diếp (Uravela Kassapa, giáo-chủ nhóm thờ thần lửa Djatilas) phải vâng lời và xin thọ giáo với Ngài:

1) Chỉ sau khi nghe Đức Phật tiết-lộ rằng Ngài đã thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, năm ông Kiều Trần Như mới thôi gọi Ngài là bạn và chịu tiếp rước.

2) Dù Đức Thế Tôn đã thi-thố đến 3.500 phép lạ, nhưng Đức Ca Diếp vẫn cho mình là tài giỏi cao-thượng hơn Đức Phật. Ông chỉ chịu phục-tùng khi nghe Đức Phật cho biết rằng ông chưa đắc đạo quả gì cả.

---o0o---

Lời giáo-đạo của Đức Thế Tôn cho ngài Rahula nghe

Ta có nghe như vậy:

Thuở nọ, Đức Thế Tôn đang ngự tại rừng tre gần thành Vương Xá. Cùng lúc đó, Đại đức Rahula cũng an-trú hành đạo tại Ambalatthika. Sau khi xuất định, Đức Phật lên đường đi về phía Ambalatthika. Từ xa thấy dạng Đức Thế Tôn, Đại đức Rahula vội-vã sắp đặt chỗ ngồi và mang nước đến cho Ngài rửa chân. Đến nơi, Đức Phật an-tọa và rửa chân xong, Đại đức Rahula đánh lễ rồi ngồi kế bên.

Đức Phật để dư lại dưới đáy ô chút ít nước và hỏi: "Này Rahula, ngươi có thấy chút nước dưới đáy ô không?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, thấy".

- "Cũng như thế đó, Rahula, đời đạo-đức của kẻ xuất-gia thật mỏng-manh, ít ỏi, khi người không hồ-thẹn, tha-hồ đối-trá và không chân-thật".

Đổ hết nước trong ô rồi Ngài hỏi: "Này Rahula, ngươi có thấy nước trong ô đã đổ hết ra ngoài không?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, thấy".

- "Thì cũng như thế đó, Rahula, đời đạo-đức của kẻ xuất-gia bị vất bỏ khi chẳng biết hồ-thẹn, tha-hồ đối-trá và không chân-thật".

Úp ô xuống, Ngài hỏi: "Này Rahula, ngươi có thấy cái ô úp xuống không?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, thấy".

- "Thì cũng như thế đó, Rahula, đời đạo-đức của kẻ xuất-gia bị đảo-lộn khi chẳng biết hồ-thẹn, tha-hồ đối-trá và không chân-thật".

Lật ngửa ô lên, Ngài hỏi: "Này Rahula, ngươi có thấy cái ô lật ngửa trông trơn không?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, thấy".

- "Thì cũng như thế đó, Rahula, đời đạo-đức của kẻ xuất-gia thật rỗng-không, khi người chẳng biết hồ-thẹn, tha-hồ đối-trá, thiếu chân-thật".

- "Hỡi này Rahula! Cũng như thớt voi trận của đức vua có cặp ngà dài, cứng chắc, thuộc loại voi giống, được huấn-luyện để xông-pha chiến-địa. Nhưng lúc lâm trận, nó chỉ làm phận-sự với hai cặp trước, với hai cặp sau, với thân-hình phía trước, thân-hình phía sau, với cái đầu, với hai vành tai, với cặp ngà, với cái đuôi ..., nhưng vẫn lo bảo-vệ cái vòi của nó để khỏi thương-tồn".

"Tên nài nghĩ rằng: "Đây là thớt voi trận của nhà vua có cặp ngà dài, cứng chắc, thuộc loại voi giống, được huấn-luyện để xông-pha chiến-địa. Nhưng khi lâm trận, nó làm phận-sự với hai cẳng trước, với hai cẳng sau, với thân-hình phía trước, thân-hình phía sau, với cái đầu, với hai vành tai, với cặp ngà, với cái đuôi, song vẫn lo bảo-tồn cái vòi của nó để khỏi thương-tổn. Như thế, con voi không chịu hy-sinh hết mình cho đức vua".

"Này Rahula, nhưng nếu thớt voi trận của nhà vua có cặp ngà dài, cứng chắc, thuộc loại voi giống, được huấn-luyện để xông-pha chiến-địa. Lúc lâm trận, nó làm phận-sự với hai cẳng trước, với hai cẳng sau, với thân-hình phía trước, thân-hình phía sau, với cái đầu, với hai vành tai, với cặp ngà, với cái đuôi và luôn cả cái vòi của nó".

"Tên nài nghĩ rằng: "Đây là thớt voi trận của nhà vua có cặp ngà dài, cứng chắc, thuộc loại voi giống, được huấn-luyện để xông-pha chiến-địa. Khi lâm trận, nó dám hy-sinh hết mình cho đức vua, thì chẳng có việc gì nó không làm được".

"Này Rahula, cũng như thế đó, kẻ nào không biết hổ-thẹn, tha-hồ dối-trá, thì không có việc gì xấu-xa tội-lỗi mà người chẳng dám làm. Lẽ đó, người hãy cố luyện-tập như vậy: "Dù trong lúc nói chuyện vui đùa, tôi nhất-quyết không hề dối-trá".

Phật hỏi tiếp: "Rahula, vậy người biết cái gương dùng để làm gì?".

- "Bạch Đức Thế Tôn, gương dùng để soi thấy mặt, để phản-chiếu mọi vật".

- "Cũng thế ấy, Rahula, con người cần soi sáng, nghĩa là phải suy đi nghĩ lại kỹ-càng trước khi hành-động bằng thân, suy đi nghĩ lại kỹ-càng trước khi hành-động bằng khẩu, suy đi nghĩ lại kỹ-càng trước khi hành-động bằng ý".

"Này Rahula, dù muốn làm bất cứ việc gì bằng thân, người phải suy-nghĩ kỹ-lưỡng về hành-vi đó. Người tự hỏi rằng: "Hành-động bằng thân này sẽ mang lại hậu-quả xấu-xa tai-hại cho ta không? Có tai-hại cho kẻ khác không, hoặc có tai-hại cho cả hai? Hành-động đó sẽ gây ra nghiệp dữ và đến khổ đau không?" Nếu người suy-nghĩ thấy: "Hành-động bằng thân mà ta định làm đây là xấu-xa nguy hại cho ta, nguy hại cho kẻ khác, hoặc nguy hại cho cả hai. Hành-động đó sẽ gây ra nghiệp dữ, đưa đến khổ đau". Rahula, chừng đó người phải cố-gắng gạt bỏ ý nghĩ muốn làm việc đó".

"Này Rahula, nhưng nếu người suy-nghĩ: "Hành-động bằng thân mà ta định làm đây không mang lại hậu-quả xấu-xa cho ta, không mang lại hậu-quả xấu-xa cho kẻ khác, hoặc cho cả hai. Đó là hành-động tốt tươi cao-thượng sẽ đưa đến hạnh-phúc an vui". Chừng đó người nên làm việc ấy".

"Này Rahula, khi đang hành-động bằng thân, người cũng nên suy-nghĩ: "Vậy chớ việc ta đang làm bằng thân đây sẽ mang lại cho ta những hậu-quả xấu-xa tai-hại chẳng? Hoặc tai-hại cho kẻ khác hay cả hai? Việc đó có xấu-xa tội-lỗi và sẽ đưa đến khổ đau không?" Này Rahula, nếu suy-nghĩ thấy việc đang làm bằng thân là xấu-xa đê-tiện, nó mang lại hậu-quả tai-hại cho ta, cho kẻ khác, hoặc cho cả hai, và sẽ đưa đến khổ đau, chùng đó người nên đình-chỉ ngay việc làm đó".

"Này Rahula, nhưng nếu người suy-nghĩ: "Hành-động bằng thân mà ta đang làm đây không mang lại hậu-quả xấu-xa tai-hại cho ta, cho kẻ khác, hoặc cho cả hai và nó chẳng đưa đến khổ đau". Chùng ấy người nên tiếp-tục làm việc đó".

"Này Rahula, khi một việc làm bằng thân đã thực-hiện rồi, người nên suy-nghĩ: "Vậy chớ hành-động bằng thân vừa rồi sẽ mang lại cho ta những hậu-quả xấu-xa tai-hại chẳng? Nó sẽ tai-hại cho kẻ khác hoặc cả hai không?" Này Rahula, nếu suy-nghĩ thấy việc đã làm bằng thân đó là tai-hại cho mình, cho kẻ khác hoặc cả hai, thì người nên sám-hối tội-lỗi với Như Lai hay các vị cao-tăng và nguyện sẽ chẳng tái phạm về sau".

"Này Rahula, nhưng nếu người suy-nghĩ: "Hành-động bằng thân vừa rồi không mang lại hậu-quả xấu-xa tai-hại cho ta, cho kẻ khác, hoặc cho cả hai. Đó là hành-động tốt tươi cao-thượng sẽ đưa tới hạnh-phúc an vui". Chùng đó người nên phát tâm hoan-hỷ thỏa-thích và ráng ghi nhớ, niệm tưởng phước báu về việc lành đã làm xong bằng thân".

(Những hành-động do khẩu, do ý, cũng được giải-thích như thể-thức kể trên).

"Này Rahula, bất cứ là trong thời quá-khứ, trong buổi tương-lai, hoặc hiện nay, các đạo-sĩ hay Bà La Môn muốn cho những hành-vi về thân, khẩu, ý của mình được đứng-đắn thanh-cao, cho ngày thêm trong sạch, cần phải suy đi nghĩ lại kỹ-càng trong mỗi việc làm, mỗi lời nói, mỗi ý nghĩ, cân phân, tính-toán ... và luôn-luôn suy-nghĩ".

Đức Thế Tôn dứt lời, Đại đức Rahula phát tâm hoan-hỷ thỏa-thích về sự khuyên-hóa của Đức Như Lai.

-- MAJJHIMA NIKAYA 61

Lời của soạn-giả:

Trong cuộc lễ xuất-gia, với sự chứng-minh của chư cao-tăng đại-đức, thầy tỳ-khưu long-trọng nguyện vâng giữ những điều học ghi trong giới bốn của Đức Phật.

Ngoài giới cấm Bất Cộng Trụ (bị trục-xuất ra khỏi giáo-hội) và Tăng Tàn (cấm-phòng) thì các giới khác có thể được ân-xá sau khi người phạm giới biết ăn-năn, sám-hối và cam-kết không tái phạm. Đúng theo tinh-thần của Tạng Luật, sự chân-thật của bậc xuất-gia là yếu-tố tối-trọng để bảo-trì giới hạnh của người tu-sĩ cho mau tiến hóa, và sự dối-trá là điều nguy hại làm tắt nghẽn đường đạo-đức.

Thầy tỳ-khuru không những gìn giữ giới hạnh trang-nghiêm bên ngoài, mà cần nhất là phải thành-thật với chính bản-thân, ráng tránh xa, ghê sợ các điều quấy do thân, khẩu, ý, và biết hổ-thẹn tội-lỗi.

Cũng như quả địa-cầu nâng đỡ vạn-vật, giới-luật có tính-cách bảo-trì, nâng đỡ, người tu-hành đi tới mục-đích cao cả và kẻ nào chẳng biết hổ-thẹn, tránh xa tội-lỗi, cố tâm ém nhẹm việc làm bất chánh, không chịu sám-hối, chừa cải, mà vẫn duy-trì tăng tướng giả-dối bên ngoài, Đức Phật nói:

- *Đòi đạo-đức của người đó rất ít, cũng như chút nước còn đọng dưới đáy ô;*
- *Đòi đạo-đức của người đó bị vắt bỏ, cũng như chút nước bị tạt hết ra ngoài;*
- *Đòi đạo-đức của người đó đảo-lộn như cái ô úp xuống;*
- *Đòi đạo-đức của người đó rỗng-không như cái ô lật ngửa trống trơn.*

---o0o---

Ông hoàng Mahānāma chưa dứt trừ được phiền-não

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn đang ngự tại vườn cây sung, trong lãnh-thổ của dòng Thích-Ca, gần kinh-đô Kapila-vatthu (Ca Tỳ La Vệ). Hoàng-Tử Mahānāma tìm đến nơi, cung-kính đánh lễ, ngồi kế bên Ngài và hỏi: "Bạch Đức Thế Tôn, trước đây tôi có nghe và hiểu biết giáo-lý của Ngài thuyết ra như vậy: "Sự tham-lam làm cho tâm-trí như bản. Sự sân-hận làm cho tâm-trí như bản. Sự si-mê làm cho tâm-trí như bản". Và tôi đã quan-niệm giáo pháp đúng như thế. Nhưng chẳng biết tại sao một đôi khi những ý nghĩ tham-lam xâm-chiếm tâm-trí tôi. Những tư-tưởng sân-hận, si-mê lại xâm-chiếm tâm-trí và khuấy rối tôi".

"Bạch Đức Thế Tôn, vậy chớ còn cái chi ở trong người tôi khiến cho phiền-não Tham-Sân-Si một đôi khi xâm-chiếm, khuấy rầy tâm-trí tôi như vậy?"

Đức Phật đáp: "Này Mahānāma, vì người chưa chịu dứt bỏ "cái chi" đó nên các trạng-thái Tham-Sân-Si mới vài khi có cơ-hội xâm-chiếm tâm-trí. Chắc như vậy, Mahānāma, nếu "cái chi" đó bị dập tắt và không tồn-tại, thì người đâu còn bận-bịu với gia-đình? Ở trong gia-đình, người tìm được nhiều thú vui để thỏa-mãn lòng tham-dục. Vì lẽ "cái chi" đó chẳng bị sa-thải, nên

người mới thích sống trong gia-đình để tìm các thú vui, hầu thỏa-mãn lòng tham-dục".

"Này Mahānāma, sự tham muốn (ngũ-trần) nào có mùi vị gì? Chúng chỉ làm cho đảo-điên, thất-vọng, mà thôi. Tham muốn sắc trần là nỗi khốn-cùng tột độ. Nếu người giới-tử cao-quý biết nhận-định đúng theo chân-lý lòng tham-dục là xấu-xa, nhưng chẳng chịu dứt bỏ cái tâm tìm kiếm thú vui trong sắc trần, thì người không tìm đâu ra hạnh-phúc và trở nên cao-thượng".

"Này Mahānāma, còn người giới-tử cao-quý biết dùng trí huệ tuyệt-vời để quán xét cho thấy rõ-rệt những điều đó, biết rõ sự khao-khát vô bờ bến của lòng tham muốn, biết rõ những nỗi điên-đảo khốn-cùng của sắc trần xấu-xa, tội-lỗi, và biết rõ mình chỉ được hạnh-phúc an vui, được trở nên cao-thượng khi nào biết tránh xa sự tìm kiếm những thú vui theo ngũ-dục".

"Này Mahānāma, về phần Như Lai, lúc chưa giác-ngộ, khi chưa đắc đạo quả Chánh Đẳng Chánh Giác, khi còn chiến-đấu để thành-đạt Tuệ Giác, Ta cũng nhận thấy những nỗi khốn-quẫn của tâm tham muốn. Nhưng ngoài các thú vui trần-tục xấu-xa, tội-lỗi, Ta chẳng tìm đâu được an vui, hạnh-phúc. Ta vẫn không tìm cách lánh xa và cố đeo đuổi theo chúng. Đến khi thành-đạt trí huệ cùng tột, Ta mới thấu rõ bản-chất thực-tế của lòng tham-dục như hiện nay và biết rằng chỉ sống ngoài tham-dục mới tìm được an vui, hạnh-phúc, mới trở nên cao-thượng. Rồi Ta cố-gắng tránh xa, chẳng tìm những thú vui trần-tục nữa".

"Này Mahānāma, các thú vui của tâm tham-dục chỉ là những trạng-thái do giác-quan tiếp nhận. Sự thỏa-thích, toại lòng, đều do chúng đưa vào. Những nỗi thống-khổ của lòng tham-dục là muốn vật chi không được. Hoặc giả được rồi nó lại mất đi vì bị lửa thiêu cháy, bị nạn lụt hay những tên trộm mang đi".

"Nỗi khổ đau của tâm tham-dục là thế này: "Nó khiến gây ra chiến-tranh giữa những người này và người khác, làm phát-sinh thương tật, chết chóc, gây thiệt-hại cho kẻ láng-giềng, rồi phải đau đớn vì bị hành-phạt, tra-tấn, trăm-quyết". Niềm thống-khổ của lòng tham-dục là như thế đó".

"Này Mahānāma, một thuở nọ, Như Lai đang ngự trên chót núi Kỳ Xà Quật (Núi kên kên). Cùng lúc đó, tại quả núi Hắc Sơn, phía bên đồi của các đạo-sĩ, có rất nhiều người lỏa thể tu khổ-hạnh thuộc phái "Đứng", không khi nào ngồi hay nằm. Vì đó, họ phải chịu biết bao thống-khổ nhọc-nhàn".

Một buổi trưa, sau khi xuất định như thường-lệ, Như Lai đứng dậy, cất bước dạo sang phía những người tu lỏa thể và hỏi: "Hỡi các bạn! Tại sao các

người lại sống lỏa-lò, đứng hoài, không chịu ngồi ghế, không chịu nằm trên giường? Làm vậy các người ắt bị đau khổ hao-mòn biết mấy?"

Nhóm lỏa thể trả lời: "Này ông bạn⁵, thầy của chúng tôi, là giáo-chủ Nāthaputta, rất thông-minh trí huệ, hiểu thấy tất cả. Ông quả-quyết đã thành-đạt Tuệ-Giác và tuyên-bố như vậy: "Dù ở yên hay cử-động, ngủ hay thức, Tâm Nhân và Tuệ-Giác của ta không hề bị gián-đoạn". Thầy của chúng tôi còn dạy: "Hỡi này các đạo-sĩ! Trước kia, các người đã gây ra nghiệp dữ. Vì vậy, hôm nay các người phải kiên-trì khổ-hạnh, gánh chịu đau đớn nhọc-nhẫn, như thế để đền bù lại các tội-lỗi ngày xưa. Khi thân xác bị dày vò như thế, thân khẩu ý bị hành-hạ kèm hãm như thế, khiến các người khỏi trả quả đón đau về buổi tương-lai. Bằng đường lối khổ-hạnh, các người đã hủy-diệt những nghiệp cũ và chẳng gây ra nghiệp mới, không có hành-vi mới. Hành-vi mới chấm dứt thì không tạo nghiệp. Nghiệp bị hủy-diệt thì nỗi thống-khổ cũng tiêu tan. Không khổ thì cảm-giác chẳng còn. Cảm-giác không còn thì muôn ngàn khổ-não sẽ hao-mòn, khô cạn". Đó là những điều tuyệt-hảo của chúng ta. Chúng ta nên hoan-hỉ tự-hào với kiến-thức ấy".

"Này Mahānāma, chừng đó Như Lai nói với các người lỏa thể: "Hỡi các ông bạn lỏa thể! Vậy các người có biết rõ kiếp trước mình đã có sanh ra làm người không? Có khi nào các người nghĩ rằng kiếp trước mình chẳng được sanh ra làm người chẳng?"

- "Này ông bạn, chúng tôi không biết".

- "Các người có biết kiếp trước mình có gây ra nghiệp dữ hay đã lánh xa tội-lỗi không?"

- "Chúng tôi không được biết".

- "Các người có biết rõ trong kiếp trước mình đã gây ra điều xấu-xa, tội-lỗi, như thế nào không?"

- "Chúng tôi không biết".

- "Các người có biết với những khổ đau quá-khứ, những khổ đau được tồn-trữ, cộng thêm với những khổ-não hiện nay, mình có thể diệt tận nguồn thống-khổ không?"

- "Chúng tôi không được biết".

- "Các người có thể nghĩ rằng làm như vậy trong kiếp hiện-tại, thì những điều xấu-xa tội-lỗi chấm dứt và sẽ đạt được mục-đích tốt lành cao-thượng không?"

- "Chúng tôi không được biết".

- "Hỡi này các ông bạn lửa thê! Các người đã công-nhận rằng không biết kiếp trước mình đã được sanh làm người hay không? Chẳng biết kiếp trước mình đã có gây ra nghiệp lành hay nghiệp dữ? Không biết hành-vi mình khi đó là thế nào? Không biết với nghiệp quá-khứ và nghiệp tồn-trử đã gây khổ đau, cộng với cách hành thân hoại thể hiện nay, có thể diệt-tận nguồn thống-khổ không? Các người cũng không biết phải chăng trong kiếp hiện-tại các việc xấu-xa, tội-lỗi, đều chấm dứt và mục-đích cao-thượng đã thành-đạt? Như thế các đạo-sĩ lửa thê không khác gì những hạng người bị sanh vào cảnh giới khôn-cùng, bàn tay đẫm máu vì đã gây ra nhiều nghiệp dữ".

- "Hỡi thầy Gotama! Hạnh-phúc không sao thành-đạt được bằng sự an vui, no đủ. Thật ra, chỉ nhờ đường lối khổ-hạnh, con người mới mong thoát khổ. Nếu sự sung-túc, đầy đủ đem lại hạnh-phúc, thì hắc đức vua Senya Bimbisara (Bình Sa Vương) là hoàn-toàn hạnh-phúc. Vì nhà vua sống cuộc đời vàng son phong-phú hơn thầy Gotama rất nhiều".

- "Các ông đạo-sĩ nói hơi vội-vã chẳng kịp nghĩ suy kỹ-lưỡng. Như Lai xin hỏi: "Vậy chớ giữa hai nhân-vật cao-quý, Ta và đức vua Bimbisara, ai là người có hạnh-phúc nhiều hơn".

- "Này thầy Gotama đáng kính, thật quả vậy, chúng tôi đã vội-vàng hấp-tấp, thiếu suy-nghĩ khi nói rằng hạnh-phúc không sao thành-đạt được bằng sự an vui, no đủ. Chỉ nhờ đường lối khổ-hạnh, con người mới mong thoát khổ. Nếu sự sung-túc, đầy đủ, mang lại hạnh-phúc thì đức vua Senya Bimbisara hẳn là hoàn-toàn hạnh-phúc. Vì nhà vua sống cuộc đời vàng son, phong-phú, hơn thầy Gotama rất nhiều. Tuy-nhiên, nên để chuyện đó qua một bên và chúng tôi xin hỏi lại: "Vậy chớ giữa hai nhân-vật cao-quý đó, đức vua Bimbisara và thầy Gotama đáng kính, ai là người sống cuộc đời hạnh-phúc hơn?"

- "Tới phiên Như Lai xin hỏi lại, các người nên trả lời cách nào cho thỏa-đáng: Vậy các ông nghĩ sao? Đức vua Magadha là Senya Bimbisara có thể nào ở yên không cử-động, hoặc im-lặng chẳng thốt một lời, trong thời-gian bảy ngày, bảy đêm, mà vẫn hạnh-phúc chẳng?"

- "Này ông bạn, không sao thế được".

- "Còn Như Lai thì có thể giữ thân hình yên-tĩnh, không cử-động, chẳng thốt một lời trong thời-gian một ngày và một đêm, nhưng vẫn hoàn-toàn an vui, hạnh-phúc. Không những vậy thôi, Như Lai có thể ở yên, trầm-lặng chẳng thốt một lời suốt hai, ba, bốn, năm, sáu, hay bảy ngày bảy đêm, nhưng vẫn được hạnh-phúc hoàn-toàn. Như vậy các ông nghĩ thế nào? Giữa đức vua Bimbisara xứ Magadha và Ta, ai hạnh-phúc hơn?"

- "Thầy Gotama đáng kính, nếu vậy thì Ngài hẳn được hạnh-phúc, an vui hơn vua xứ Magadha, là Senya Bimbi-sara, rồi".

-- MAJJHIMA NIKAYA 14

---o0o---

Giây oan-trái nên mở chớ không nên buộc

Lúc nọ, có xảy ra trong nhóm tỳ-khưu nhiều sự cãi vã, tranh-chấp, đưa đến xung-đột với nhau bằng võ-lực. Dân-chúng hay biết rất phiền-hà, bực-bội. Những tỳ-khưu không liên-can còn biết phải quấy, đến thông-báo. Đức Phật dạy: "Hỡi này các đệ-tử! Khi tư-cách bất tuân giới luật, vô phẩm-hạnh và hận thù xâm-chiếm các người, tốt hơn các người nên ngồi trên ghế cách xa nhau, mặc sức quơ tay múa chân, hoặc đầu khầu, nhưng chớ nên âu-đả cùng nhau".

Nhưng lời khuyên hóa của Đức Thế Tôn chẳng có kết-quả. Một tỳ-khưu khác tới cho Đức Phật hay: "Con xin thành khẩn thỉnh Đức Thế Tôn, vì lòng từ-bi, bác-ái, ngự đến xem qua và dạy bảo".

Đức Phật liền ngự đến giữa nhóm tỳ-khưu đang xung-đột và nhắc lại chuyện hoàng-tử Dighavu, con vua Dighiti xứ Kosala. Sau một cuộc chiến-tranh, vua Dighiti bị phân-bội, thua trận và vua chiến-thắng Brahmadata xứ Kasi bắt được vua Kosala cùng hoàng-hậu đem đi hạ-ngục để chờ ngày hành-quyết.

"Hỡi này các tỳ-khưu! Lúc đó hoàng-tử trẻ trung Dighavu phát tâm suy-nghĩ: "Đã hèn lâu ta không được đến thăm viếng mẹ cha. Vậy ta sẽ lên đường nội hôm nay". Rồi chàng thanh-niên Dighavu đi vào thành Bénarès nhìn thấy vua cha và hoàng-hậu bị trói ké bằng giây to, đầu cạo trọc và quân-lính dẫn đi xuyên qua các đường phố giữa những tiếng trống vang rền. Thấy vậy, chàng bước đến gần cha mẹ. Vua Dighiti xứ Kosala thấy con liền la lên: "Này Dighavu thân mến, con chớ nên để kéo dài... Con chớ nên nóng-nảy, vội-vàng. Vì không thể lấy hận thù rửa được hận thù. Chỉ có dứt bỏ hận thù thì mới dập tắt được hận thù".

"Hỡi các tỳ-khưu! Khi nghe vậy, dân-chúng nghĩ rằng: "Có lẽ ông vua Dighiti xứ Kosala này điên hay mê sáng? Chàng trai Dighavu chẳng liên-can gì cả, tại sao ông ta lại nói: "Chớ để kéo dài... Chớ nóng-nảy, vội-vàng?" Vua Dighiti trả lời: "Này các bạn, tôi không phải điên hay mê sáng gì cả. Kể nào thức-thời sẽ hiểu được những lời tôi nói".

"Này các tỳ-khưu, những tên lính, sau khi dắt vua Kosala và hoàng-hậu đi khắp nẻo đường trong thành-phố rồi trở ra theo cửa hướng nam, chúng chặt

đút vua Kosala và hoàng-hậu ra làm bốn khúc mang đi bỏ khắp bốn hướng ở ngoại thành, để lại người canh gác, rồi rút lui".

"Khi ấy, chàng thanh-niên Dighavu liền đem theo rượu mạnh đi vào thành Bénarès cho quân-lính gác uống say mềm. Khi chúng say, té nằm la liệt dưới đất, Dighavu liền gom hài cốt cha mẹ lại để lên giàn hỏa tế-lễ, chấp tay đi vòng quanh ba lần".

"Này các tỳ-khưu, xong việc, chàng trai Dighavu liền đi vào rừng khóc than thảm-thiết rồi gặt lệ trở lại thành Bénarès, đến các chuông tượng gân đên vua nói với tên nài trưởng: "Này ông, tôi rất mong học được nghề khiên voi".

- "Hỡi chàng thanh-niên! Được lắm, chàng cứ vào đây mà học".

"Này các tỳ-khưu, lúc trời vừa rạng sáng, hoàng-tử Dighavu từ trong chuông voi, với giọng thâm-trầm kỳ-diệu, cất lên tiếng hát du-dương và thỉnh-thoảng hòa cùng tiếng sáo mê-hồn di-chuyển theo luồng gió ban mai thanh-khiết nhẹ nhàng. Đức vua Brahmadata xứ Kasi thức giấc vào lúc đó, nghe được giọng ngâm, tiếng sáo hấp-dẫn lạ-thường, liền phán hỏi quân hầu: "VẬY CHỚ KẸ NÀO TỪ SÁNG SỚM Ở TRONG CHUÔNG VOI, THỔI SÁO VÀ HÁT NGHE ÊM TAI, TUYỆT-DIỆU NHƯ THẾ?"

- "Tâu Đại Vương, chính một chàng trai mới xin vào học nghề khiên voi cho ngài đó".

- "Vậy các người hãy dẫn nó lại đây cho trẫm xem".

- "Dạ xin vâng".

Khi Dighavu tới nơi, đức vua hỏi: "Này chàng thanh-niên hiền-lành kia, có phải chính người thổi sáo và hát trong lúc trời rạng sáng đó không?"

- "Tâu Đại Vương, phải".

- "Vậy nhà người hãy thổi sáo và hát thêm cho trẫm nghe nữa xem?"

Hoàng-tử Dighavu vâng lời và trở hết tài ba để tìm ân-huệ và sự tin-cậy của nhà vua.

Vua Brahmadata xứ Kasi phán: "Này chàng trai hiền-lành kia, vậy người hãy ở lại đây hầu trẫm".

Chàng thanh-niên Dighavu vâng lệnh và trở thành người hầu đáng tin cậy của vua.

Chàng thức dậy sớm hơn vua, đi ngủ sau vua, vui lòng vâng dạ và hành-sự theo mạng-lệnh của ngài, có tính-nết đều-hòa, nhu-thuận, lời nói dễ thương.

Không lâu sau đó, chàng được đức vua Brahmadata tín-dụng, luôn-luôn sống cận bên ngài.

"Này các tỳ-khuru, ngày nọ đức vua Brahmadata xứ Kasi dạy: "Hỡi chàng trai thân mến! Người hãy sắp đặt một cỗ long xa để chúng ta đi săn bắn".

Thắng ngựa xong, Dighavu đến tâu vua: "Tâu Đại Vương, long xa đã sắp đặt xong, xin ngài tùy-tiện".

"Hỡi này các tỳ-khuru! Vua Brahmadata xứ Kasi ngự lên xe và chàng Dighavu cầm cương ngựa tìm cách tách khỏi quân-lính tùy-tùng phía sau, rồi rẽ qua ngõ khác. Sau khi vượt hết một đoạn đường dài, nhà vua phán: "Này chàng trai thân mến, người hãy dừng xe lại cho trăm năm nghỉ mệt một chút".

Hoàng-tử Dighavu vâng lời dừng xe lại, bước xuống đất rồi ngồi trên hai cẳng. Đức vua Brahmadata nằm xuống gối đầu trên bắp vế chàng rồi ngủ mê-man vì đi đường mệt-mỏi.

"Này các tỳ-khuru, lúc đó chàng thanh-niên Dighavu phát-sinh ý nghĩ: "Nhà vua Brahmadata xứ Kasi này đã gây cho gia-đình ta muôn vàn đau khổ. Do ông mà chúng ta mất hết quân-lính, chiến xa, kho-tàng, của cải, giang-san. Đã vậy, ông còn giết cha mẹ ta. Giờ đây, đã đến lúc ta phải rửa sạch hận thù". Tính xong, chàng rút gươm ra khỏi vỏ. Nhưng chàng sức nhớ lại lời cha dặn khi trước: "Không nên để kéo dài, hỡi đứa con thân mến! ... Không nên nóng-nảy, vội-vàng. Vì hận thù không sao rửa được hận thù và chỉ có dứt bỏ hận thù mới mong dập tắt hận thù". Như vậy, ta không nên cãi lời cha dạy". Nghĩ xong, Dighavu để gươm vào vỏ. Chàng suy đi nghĩ lại như vậy đến lần thứ hai, lần thứ ba, rồi để gươm vào vỏ".

"Hỡi này các tỳ-khuru! Lúc đó, đức vua Brahmadata đang ngủ mê bỗng giật mình hoảng-hốt. Chàng Dighavu hỏi: "Tâu Đại Vương, chẳng biết tại duyên có chi, Ngài đang ngủ ngon lành, bỗng-nhiên lại giật mình hoảng-hốt, tỏ vẻ kinh-hoàng sợ-hãi như vậy?"

Nhà vua đáp: "Hỡi người bạn trẻ! Trăm ngủ năm mộng thấy hoàng-tử Dighavu, con vua Dighiti xứ Kosala, đang tuốt gươm toan hạ sát ta, nên mới giật mình hoảng-hốt, kinh-hoàng, sợ-hãi như thế".

"Hỡi này các tỳ-khuru! Lúc ấy hoàng-tử Dighavu đặt tay trái lên đầu vua Brahmadata, tay phải tuốt gươm ra khỏi vỏ và nói: "Chính tôi là Dighavu đây. Tôi là đông-cung thái-tử của vua Dighiti xứ Kosala. Đại Vương đã gây quá nhiều đau khổ cho gia-quyền tôi. Ngài đã hủy-diệt quân-lính, chiến xa, kho-tàng, của cải, giang-san của chúng tôi. Đã vậy, ngài còn giết hại cha mẹ tôi. Giờ đây, đã đến lúc tôi phải rửa sạch hận thù".

"Này các tỳ-khuru, đức vua Brahmadata xứ Kasi liền cúi đầu quì mọp xuống chân Dighavu khẩn-khoản: "Hỡi bạn thân mến Dighavu! Hãy tha chết cho trẫm, hãy để trẫm được toàn mạng".

Dighavu trả lời: "Tâu Đại Vương, làm sao tôi có thể tha chết cho ngài đặng? Chính ngài nên dung-tha cho tôi mới phải".

Nhà vua đáp: "Thế thì xin chàng hãy tha chết cho trẫm và trẫm cũng để chàng được an-toàn".

"Hỡi này các tỳ-khuru! Như thế, vua Brahmadata và Dighavu đều hoan-hỷ xóa bỏ hận thù, tha chết cho nhau. Hai người nắm tay tuyên-thệ sẽ không làm hại lẫn nhau".

Rồi vua Brahmadata xứ Kasi phán: "Này bạn thân mến Dighavu, vậy chàng hãy sắp đặt long xa để chúng ta trở về". Dighavu vâng lời, hai người lên xe quay trở lại nhập vào đoàn quân hộ-vệ.

"Hỡi này các tỳ-khuru, đức vua Brahmadata xứ Kasi về tới triều, trong thành Bénarès, liền cho hội tất cả quân-thần và phán: "Này các khanh, nếu gặp được hoàng-tử Dighavu, con vua Dighiti xứ Kosala, thì các khanh sẽ xử-sự thế nào?"

Vài vị quan tâu: "Tâu Bệ Hạ, chúng tôi sẽ chặt tay chàng. Chúng tôi sẽ chặt chân chàng. Chúng tôi sẽ chặt luôn cả chân tay. Chúng tôi sẽ cắt tai chàng. Chúng tôi sẽ theo mũi chàng. Chúng tôi sẽ cắt cả tai, mũi chàng. Chúng tôi sẽ chặt đầu chàng".

Đức vua phán: "Thì đây là hoàng-tử Dighavu, con vua Dighiti xứ Kosala. Nhưng trẫm cảm nhứt không cho ai đụng tới chàng. Vì chàng đã tha chết cho trẫm và trẫm cũng cam-kết để chàng được toàn-thân".

Rồi vua Brahmadata xứ Kasi hỏi: "Hỡi bạn thân mến Dighavu! Nhưng tại sao cha chàng trước khi chết lại dặn: "Chớ nên để kéo dài ... Chớ nên nóng-nảy, vội-vàng?"

Dighavu trả lời: "Tâu Đại Vương, trước khi chết vua cha có dạy: "Chớ nên để kéo dài", có nghĩa là không nên để hận thù kéo dài thêm nữa. Ngài nói: "Chớ nên nóng-nảy, vội-vàng!", có nghĩa là chớ nên nóng lòng lôi kéo bạn bè tấn-công để rửa hận. Vua cha lại nói: "Không thể lấy hận thù rửa sạch hận thù, mà chỉ có dứt bỏ hận thù mới mong dập tắt hận thù", có nghĩa là khi Đại Vương giết cha mẹ tôi, nếu tôi tìm cách hãm-hại ngài thì tất-nhiên quan quân của ngài sẽ giết tôi, rồi bè đảng của tôi tìm cách báo-oán, tàn-sát lại quân-lính của Đại Vương. Làm vậy, không sao lấy hận thù để dập tắt hận thù đặng. Tâu Đại Vương, nhưng giờ đây, ngài đã tha mạng sống cho tôi và

tôi cũng chẳng sát hại ngài. Như vậy, sự dứt bỏ hận thù đã dập tắt hận thù. Đó là những lời trần-trối của vua cha trước khi thăng-hà".

"Hỡi này các tỳ-khuru! Lúc đó, vua Brahmadata xứ Kasi phán: "Tuyệt-diệu thay! Chàng thanh-niên Dighavu thật rất thông-minh, nên đã lãnh-hội được những lời trời-trần bóng gió, khó hiểu, của vua cha". Nói xong, ngài ra lệnh trả lại quân-lính, chiến xa, kho-tàng, của cải, đất đai cho Dighavu và gả luôn công-chúa cho chàng".

Đức Thế Tôn thuyết tiếp: "Này các tỳ-khuru, đó là tư-cách bền tâm, nhẫn-nại, nhu-thuận của các vua chúa trị-vì thiên-hạ. Còn đối với các người là bậc xuất-gia, nương theo giáo pháp tìm đường thánh thiện, các người cũng phải bền tâm, nhẫn-nại thế nào để nghiêm-trì giới luật, bảo-tồn chân-lý chói người, rạng-rỡ trên khắp thế-gian".

Đức Phật dạy thêm lần thứ hai và thứ ba nữa: "Vậy các người (những vị đang xung-đột) hãy dừng lại, thôi tranh-chấp, thôi xung-đột, thôi cãi vã". Và cũng ba lần, các tỳ-khuru ngoan-có trả lời: "Bạch Đức Thế Tôn, Ngài là bậc Pháp Vương, xin bền tâm, nhẫn-nại, để sống an vui hạnh-phúc. Còn những chuyện cãi vã, tranh-chấp, xung-đột, ấu-đả là phần trách-nhiệm của chúng tôi ... và chúng tôi vẫn tiếp-tục".

Đức Phật nghĩ: "Bọn điên rồ này thật là ngoan-có, cứng đầu, ngã chấp quá đỗi và chẳng dễ gì dạy bảo". Nói xong Ngài đứng dậy ra về.

-- MAHAVAGGA X 2

Lời của soạn-giã:

Sự việc trên đây chứng tỏ chẳng những chỉ hiện nay mới có xảy ra những sự bất-hòa trong hàng tăng-chúng. Lúc Đức Phật còn tại thế, trường-hợp xung-đột cãi vã giữa các tỳ-khuru cũng đã có lần gây-cán lên cao-độ, đến nỗi Ngài không dàn xếp nổi và phải rút vào rừng vắng, bỏ mặc cho họ tranh-chấp với nhau. Nhưng các tín-đồ thời ấy sáng-suốt, khôn ngoan, khi biết rõ tự-sự, chẳng còn trong sạch dưng cúng vật thực nữa. Các tỳ-khuru ngoan-có, vì đói khổ, thiếu-thốn, phải tìm thỉnh Đức Phật về.

Hiện nay, có nhiều phần tử xuất-gia vô giới hạnh, ganh tị, chia rẽ, thù nghịch, mà vẫn được các đệ-tử cung-phụng ám no đầy đủ nên vẫn hui-hiu tự-đắc, ý-lại, tiếp-tục sấn bước trên đường tội-lỗi để phá-hoại Phật-Giáo. Nếu chúng ta biết lựa ruộng tốt để gieo trồng như người xưa, thì lợi-ích biết bao?

Tôn-chỉ của Đạo-Phật là: Từ-bi, bác-ái, vị-tha, bền tâm, nhẫn-nhục. Thánh Gandhi cũng noi theo đường lối đó để tổ-chức phong-trào "Đề kháng bất

bạo động" chống lại đế-quốc Anh suốt 30 năm. Ông nói: "Sự nhẫn-nhục bất bạo-động khiến cho quả đấm của kẻ bạo-tàn rơi vào khoảng trống, vô hiệu-lực, vì không có phản-ứng nào".

Trong câu chuyện trên đây, hai quốc-vương Dighiti, Brahmadata và hoàng-tử Dighavu đều là những nhân-vật can-trường, đức-độ phi-thường, nên đều biết xử-sự đúng theo lẽ phải:

- Vua Dighiti xư Kosala bại trận và bị bắt cùng hoàng-hậu, biết rằng thế nào cũng không tránh khỏi cái chết, nên dặn con chớ nên báo oán
- Hoàng-tử Dighavu rất thông-minh, hiểu-thuận, thông-thấu tội phước, nghiệp quả, nên hành-động theo lời trăng-trối của vua cha, không ám-hại kẻ thù.
- Còn vua chiến-thắng Brahmadata xư Kasi, không vì đó mà trở nên kiêu-cãnh, tự-đắc, bạo-tàn, mà lại biết tôn-trọng chữ Tín, biết đánh-giá thái-độ quân-tử của đông-cung Dighavu, nên trả lại tất cả giang-san sự-nghiệp và chọn chàng làm phò-mã.

Cổ-nhân có nhiều đức-tính cương-trực chân-thành, biết xử-sự đúng theo tinh-thần Phật-Giáo nên hằng được hạnh-phúc an vui. Ngày nay, con người quá mê say vật-chất, tính-tình hẹp lượng, ích-kỷ, ngã chấp, hành-động xấu xa, vô ý-thức, để, rớt cuộc, phải chịu khổ đau.

Câu chuyện trên đây đáng là tấm gương soi sáng muôn đời.

---o0o---

Khúc gỗ trôi ra biển cả

Đức Thế Tôn thuyết: "Hỡi này các tỳ-khưu! Các người có nhìn thấy khúc gỗ đang trôi lều-bều trên dòng nước sông Hằng đó không?"

"Nếu khúc cây đó không tấp vào bờ bên này hay đổ vào bờ bên kia. Nếu nó chẳng bị chìm dưới dòng nước đang chảy mạnh. Nếu nó không bị mắc kẹt dưới đáy sâu. Nếu nó không bị những chúng-sinh thuộc nhân-loại, hoặc hạng phi-nhân, vớt đem đi. Nếu nó không bị nước lũ lôi cuốn làm tan vỡ và nếu nó không mục thúi trong ruột, thì tất-nhiên khúc gỗ đó sẽ trôi sông sẽ ra tới ngoài khơi, nó từ-từ trôi ra biển cả, nó sẽ lướt qua những lượn sóng ba-đào, vượt khỏi các chướng-ngại vật để trôi ra biển cả".

"Này các tỳ-khưu, thì cũng như thế ấy, nếu các người không tấp vào bờ bên này hay bờ bên kia. Nếu các người chẳng bị chìm dưới giòng nước đang chảy mạnh. Nếu các người không bị những chúng-sinh thuộc nhân-loại, hay hạng phi-nhân, hãm hại. Nếu các người không bị nước lũ cuốn đi và nếu các người không mục thúi bên trong, thì các người sẽ hướng về Niết-Bàn, từ-từ

trôi tới Niết-Bàn. Các người sẽ vượt qua những trở-ngại khó-khăn để đến Niết-Bàn".

"Này các tỳ-khưu, bờ bên này của sông Hằng là lãnh-vực của lục-căn với tính-cách chủ-quan. Bờ bên kia là lãnh-vực của lục-căn với tính-cách khách-quan. Chìm dưới giòng nước đang chảy mạnh ám-chỉ lòng tham muốn vô bờ-bến của người đời. Mắc kẹt dưới đáy sông là tâm ngã chấp, cố bám đời sống hão-huyền, cho rằng đây là thân ta, đây là của ta, đây là ta".

"Còn những chúng-sinh thuộc nhân-loại hãm-hại các người như thế nào?"

"Đó là trường-hợp người làm chủ gia-đình bị dính mắc giữa vòng thế-tục, vui thích hoặc phải chịu đau khổ vì đời, phải chia sẻ các niềm vui nỗi khổ với những kẻ sống quanh mình, luôn-luôn bận-rộn vì nhu-cầu, vì sự ràng-buộc gia-đình, chẳng biết tới khi nào mới làm xong nhiệm-vụ".

"Còn các người bị hạng phi-nhân thôn-tính ra sao?"

"Đó là nói về kẻ xuất-gia tìm đạo cứu-cánh lại ước mong được sanh làm chư-thiên. Người đó hằng khẩn-nguyện như vậy: "Mong sao với công-đức nhọc-nhân trên đường tu tập, khổ-hạnh nghiêm-trì giới-luật đúng theo phẩm-hạnh sa-môn, tôi sẽ được tái-sinh về cõi thiên-đàng".

"Bị giòng nước lũ cuốn đi, có nghĩa là sa vào bẫy ngũ-trần tội-lỗi".

"Còn mục thúì bên trong là thế nào?"

"Đây là ám-chỉ những con người thấp-hèn đê-tiện, vô giới hạnh, nuôi mạng bất chánh xấu-xa, hay giầu lồi mình, thường khoe-khoang tài đức. Là những bạn đồng-hành hay lừa dối, xảo-quyệt, cống cao, ngã mạng, thân tâm như bản, lòng dạ chứa đầy tham-dục, ví như đồng rác thúì tha".

-- SAMYUTTA NIKAYA IV

Lời của soạn-giã:

Đức Phật ví thầy tỳ-khưu như khúc gỗ trôi sông, chẳng còn bị vật chi ràng buộc, bỏ nhà cửa, thân thuộc, ra đi tìm sống cảnh cô-đơn trước những phong-ba bão-táp. Vậy người phải ráng cẩn-thận, đừng để dính mắc vào cạm bẫy của ma-vương trong nhiều trường-hợp xấu-xa, tội-lỗi, và chỉ chú-tâm hướng về mục-đích cuối cùng là Niết-Bàn.

Người thế, từ vô-thỉ, đã chịu ảnh-hưởng vật-chất nặng-nề, có đủ trí óc thông-minh và khả-năng đem lại danh-vọng tiền bạc rất dễ-dàng, nhưng không tài nào thấu nổi thực-tế của con người là ra sao. Lẽ đó, họ cho đời là tươi đẹp và tranh-đấu để củng-cố kiếp nhân-sinh ngắn-ngủi là hợp-lý.

Trên đây, Đức Phật cố-ý khuyến-hóa các bậc xuất-gia nên cố-gắng trau-giồi giới đức, sáng-suốt biết mình trong mỗi hành-động, lời nói và tư-tưởng, thì trước sau gì cũng thoát khỏi vòng sanh tử, cũng như khúc gỗ nổi lều-bều trên mặt nước vượt qua tất cả vật chướng-ngại, để trôi lán ra biển cả.

---o0o---

Tư-cách dứt bỏ

Có người tại-gia cư-sĩ tên là Potaliya đến viếng Đức Phật và nói: "Bạch Đức Thế Tôn, hiện nay tôi đã đình-chỉ cuộc kinh-doanh thương-mãi và từ bỏ tất cả công việc hằng ngày".

Đức Phật đáp: "Này người tại-gia cư-sĩ, những công việc hằng ngày mà người vừa nói là một chuyện. Còn các công việc hằng ngày theo đường lối của kẻ có đức-hạnh là chuyện khác".

"Hỡi người tại-gia cư-sĩ! Có tám điều học mà người làm chủ gia-đình cần phải thực-hành để dứt bỏ công việc hằng ngày, là:

- 1) Không sát hại sinh-vật và cố tránh sự sát hại;
- 2) Không lấy vật gì của kẻ khác và cố tránh sự sang-đoạt món chi không ai cho mình;
- 3) Không nói dối và cố-gắng dùng lời chân-thật;
- 4) Không nói xấu kẻ khác và cố tránh xa lời nói đâm thọc;
- 5) Không ham muốn xấu-xa và cố tránh sự tham-lam;
- 6) Không chỉ-trích kẻ khác và cố tránh sự phê-phán;
- 7) Không nên sân-hận và cố tránh sự nóng giận hung-hăng;
- 8) Không nên cống cao ngã mạn và ráng khiêm-tốn nhẫn-nhục.

Đó là tám công việc hằng ngày mà người đạo hạnh cần phải thực-hành".

"Này người tại-gia cư-sĩ, ý-nghĩa về điều học sát hại sinh-vật là thế nào?"

"Ví dụ, có người chủ gia-đình phát tâm suy-nghĩ: "Ta hãy ráng từ bỏ tánh hung-bạo đối với các sinh-vật, vì đó là điều chướng-ngại rất tai-hại. Nếu sát hại sinh-vật, ta sẽ bị lương-tâm cắn rứt về sự hung-hăng tàn-bạo đó. Những kẻ thức-thời hiền-hậu biết được sẽ chê trách ta là người độc-ác. Sau khi chết, xác thân tan rã, ta sẽ bị đọa vào cảnh giới khôn-cùng. Đó là điều trở-ngại trên đường đạo đức. Tránh xa sát hại sinh-vật khiến ta khỏi mang nghiệp dữ về sau".

(Đức Phật giải-thích bảy điều học tiếp theo cùng với thể-thức như trên).

"Hỡi người tại-gia cư-sĩ! Cũng như con chó thân hình ốm o gầy cỗi vì thiếu ăn, chạy vào lò thịt được tên đồ tể vắt cho khúc xương bò không dính chút thịt nào và chỉ còn rỉ-rả vài giọt máu không sao đủ no lòng. Thì cũng như thế

ấy, người giới-tử cần nên suy-nghiĩ như vậy: "Những đục-lạc và sắc trần nào có khác chi khúc xương khô, không làm cho đỡ đói và chỉ mang lại nhiều đau khổ mà thôi".

"Nhờ sáng-suốt biết nhận-xét sự việc đúng theo thực-tế chẳng còn làm-lẫn, người giới-tử không cần quan-tâm tới những điều vô-ích tai-hại và cố gắng tìm rõ chân-lý, làm phát-triển chân-lý, ráng đập tắt tâm khao-khát thèm-thường về những vật cấu-tạo trên thế-gian cho đến mức độ chẳng còn tham muốn gì nữa".

"Hỡi người tại-gia cư-sĩ! Đó là phương-thức từ bỏ đúng theo đạo hạnh của người giới-tử tại-gia. Đó là những công việc hằng ngày mà con người cao-quý cần phải cố gắng thực-hành".

-- MAJJHIMA NIKAYA-1

---oOo---

Công-phu hành đạo

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Như Lai không cho rằng tư-cách giác-ngộ có thể thành-đạt dễ-dàng mau chóng, mà là kết-quả của nhiều công-phu kham-khổ, nhọc-nhân, được thực-hành từ giai-đoạn đúng theo qui-tắc, với mức-độ tiến triển nhịp-nhàng suốt lịch-trình tu tập".

"Trong trường-hợp này, một người kia có đức tin tìm đến (bậc thiện-trí-thức) chú-tâm, lắng tai nghe giáo pháp và cố gắng ghi nhớ nằm lòng. Người trác-nghiệm mức quan-trọng của Pháp học là thế nào, và phát tâm thỏa-thích trong giáo-lý. Người trở nên nhiệt-thành, thức-tỉnh đạo tâm, cân nhắc chánh tà, phải quấy, rồi quyết-định thực-hành đường lối đúng theo hoài-bảo. Người quan-niệm giáo pháp là đúng chân-lý, rồi dùng trí thông-minh phân-tách, suy-nghiệm, lĩnh-hội một cách sáng-suốt".

"Sau đây là bốn phương-thức được dành cho người giới-tử khi mới bước chân vào đạo:

Tinh-tấn tránh xa các pháp xấu-xa, tội-lỗi;
Tinh-tấn lướt qua khỏi các điều thấp-hèn, đê-tiện;
Tinh-tấn làm cho tiến triển các pháp hành;
Tinh-tấn bảo-tồn những pháp cao-thượng.

"Các ngươi hãy nghe đây:

1) Tinh-tấn tránh xa các pháp xấu-xa:

Trong trường-hợp này, người giới-tử cố-gắng trau-giồi tâm-trí, chẳng cho nó khiêu-gợi những tư-tưởng hoặc hành-động xấu-xa, tội-lỗi, khi chúng chưa

phát-sinh. Mỗi khi va chạm với sắc trần hay bất cứ vật gì, người chẳng quan-tâm đến và chú-ý quán xét về các trạng-thái đê-tiện như-nhóp của sắc trần. Người suy-nghĩ về những nghiệp-báo tai-hại nếu không kiểm-soát được lục-căn.

2) Tinh-tấn lướt qua khỏi các điều thấp hèn đê-tiện:

Người giới-tử cố-gắng rèn-luyện thân tâm để vượt qua khỏi các pháp xấu-xa, tội-lỗi, đã phát-sinh, đem hết nghị-lực điều-ngự tư-tướng và ráng hủy-diệt chúng không cho tái diễn.

3) Tinh-tấn làm cho phát-triển các pháp lành:

Người giới-tử hướng thiện-chí của mình về các việc lành chưa phát-sinh, làm cho nguyên-tố giác-ngộ (Bojjhanga) được tiến triển thêm, có tâm vui thích nơi thanh-vắng, cố đập tắt phiền-não để đi lần tới giải-thoát.

4) Tinh-tấn bảo-tồn những pháp cao-thượng:

Người giới-tử luôn-luôn chú-tâm về những điều tốt tươi cao-thượng đã phát-sinh rồi, không để cho tư-duy cao đẹp đó tiêu-tan, mà rán làm cho nó phát-triển đến mức độ toàn-hảo (Bhavana), tâm-trí luôn-luôn sáng-suốt chiến-đấu.

"Này các tỳ-khuru, dù phải nương theo học-hỏi với một ông giáo-chủ thiếu đức-hạnh, hằng ngày lo tom-góp nhiều của cải lợi-lộc, các trò của ông ta cũng không được tự-do muốn làm gì thì làm, chẳng tuân theo kỷ-luật. Các môn-đệ cũng phải kính-nể ông ta chớ không dám ngoan-cổ cứng đầu khó dạy, buông lung tùy-ý".

"Như vậy, lúc tìm theo học-hỏi với một Đấng Toàn Giác có giới luật trang-nghiêm, sống ngoài nếp xa-hoa, vất bỏ tiền-tài danh-lợi, thì hẳn người giới-tử cần phải thu-thúc kỷ-cương như thế nào?"

"Về điều này, khi một giới-tử có đức tin trong giáo pháp và muốn nương theo giáo pháp, tất-nhiên phải nhìn-nhận: "Đức Như Lai là Thầy Tổ và mình đây là trò. Ngài suốt-thông tất cả, còn mình thì tối-tăm ngu dốt".

"Có tánh phục-tùng dễ dạy như thế, giáo pháp sẽ đem lại cho giới-tử nhiều nghị-lực và mau tấn-hóa. Người lấy giáo pháp làm nguyên-tắc và suy-nghĩ: "Ta sẽ hết lòng tinh-tấn, cố-công hành đạo. Dù cho thịt, da, gân, xương ta bị rã-rời, dù máu khô cạn, ta cũng không thối chuyển. Ta quyết-tâm tinh-tấn trau-giồi đạo-hạnh, nếu chưa đạt được mục-đích mà con người có thể thành-tựu bằng khả-năng và nghị-lực".

-- MAJJHIMA NIKAYA

Thiền khái-luận về Minh sát tuệ (Vipassanā dipani)

Ledi Sayadaw Maha-Thera

Niệm tưởng biết mình (chánh niệm) là con đường ra khỏi cái chết.

Không niệm tưởng quên mình là con đường đưa vào cõi chết.

Những kẻ ghi nhớ biết mình, không chết.

Những kẻ vô-ý quên mình, cũng như đã chết rồi.

-- DHAMMAPADA

Lời giới-thiệu

Nhằm giúp ích giới hành-giả Phật-tử cho mau tấn-hóa, ngài Ledi Sayadaw Maha Thera, một bậc cao-tăng thiền-sur có tên tuổi tại Miến Điện cách nay 58 năm, đã dày công sáng-tác ra Thiền Khái-Luận sau đây, để giải-thích đầy đủ những chi-tiết liên-quan tới các yếu-tố về pháp-môn Thiền-Định.

Mục-đích của đường lối "Minh Sát" (Vipassanā) là quán xét, phân-tách, giải tỏ tất cả những hiện-tượng Danh và Sắc (Danh Pháp, Sắc Pháp) phát-sinh trong mỗi cá-nhân để nhận-thức rõ-rệt bản-chất: Vô-thường - Khổ-não - Vô-ngã, của chúng, hầu diệt trừ ngã chấp, đi đến giác-ngộ.

Từ vô-thỉ, thành-kiến về cái ngã (Attā), mà các tôn-giáo khác thường gọi là linh-hồn, đã ăn sâu vào tâm-trí của hạng phàm-nhân (Puthujjana) vì lẽ con người thường si-mê, lầm-lạc, vô-tình hoặc gián-tiếp.

Trước khi bước vào khoa "Minh Sát", hành-giả phải tìm hiểu tại sao lý-thuyết về cái "Ngã" thành hình và do đâu nó xâm-nhập quá sâu vào kiến-thức con người. Lý-thuyết đó chỉ sụp đổ khi hành-giả trở nên thuần-thục, biết phân-tách, sắp-đặt có thứ-tự đúng theo chân-lý những vật do nguyên-nhân cấu-tạo và nhận-thức rõ-rệt các Danh-Pháp - Sắc-Pháp tùy-thuộc vào chúng.

Khi tham-thiền, hành-giả cần phải ghi nhớ rằng tất cả các pháp hữu-vi đều không bền vững, thay đổi, diễn-biến không ngừng trong mỗi刹那 tư-tưởng. Nghĩa là chúng nó sanh ra rồi diệt, diệt rồi sanh mãi-mãi. Nhận-thức các sự-vật như thế gọi là thấy rõ đúng theo chân-lý về ba tướng: Vô-thường - Khổ-não - Vô-ngã.

Đức Phật dạy: "Hỡi này các tỳ-khuru! Đạo quả thế nào cũng đến cho những ai quyết-chí kiên-trì tu tập". Đó là Đức Phật muốn khuyến-khích các hành-giả không nên thối chuyễn, bỏ dở công-phu, mà phải bền tâm nhẫn-nại, tiếp-tục học-hành cho tới khi đắc đạo. Trong số tu-sĩ xuất-gia hay tại-gia, có vài vị giới đức viên dung, bền tâm rèn luyện, có khả-năng thấu rõ chân-lý và cũng có vài vị kém thông-minh, tiến bước chậm-chạp. Hạng sau này, nếu

không giác-ngộ kiếp này, thì cũng sẽ thành-dạt đạo quả trong những kiếp sau, vì thế nào công-phu tu tập cũng mang lại quả lành.

---o0o---

Thiên "khái-luận"

Thiên "Khái-luận" gồm những yếu-tố sau đây:

- Vipallāsas: là những ảo-tưởng;
- Mannanās: là những ý nghĩ ngông-cuồng về các sự-vật;
- Abhinivesas: là thành-kiến không gì lay-chuyên nổi;
- Bhūmis: là giai-đoạn căn-bản của tâm làm phát-sinh những giai-đoạn khác;
- Gatis: là những giai-đoạn tiếp nối, biến chuyển thoáng qua hoặc tiến tới;
- Saccas: là những chân-lý tương-đối và tuyệt-đối;
- Parinnās: là tuệ-giác nội-tâm cao cả.

1. Ảo-tưởng (Vipallāsa)

Vipallāsa có nghĩa là "Ảo-Tưởng" giả-dối, nhận-định sai-lầm, cho việc phải là quấy, cái quấy là phải.

Có ba loại ảo-tưởng:

- Ảo-tưởng về sự nhận-thức (Sannā-vipallāsa)
- Ảo-tưởng về sự suy-tưởng (Citta-vipallāsa)
- Ảo-tưởng về kiến-thức (Diddhi-vipallāsa).

a) Ảo-tưởng về sự nhận-thức chia ra làm bốn:

Nhận-thức sai-lầm tư-cách vô-thường là trường-cửu,
Nhận-thức sai-lầm tư-cách không trong-sạch là trong sạch,
Nhận-thức sai-lầm cho rằng điều xấu là tốt,
Nhận-thức sai-lầm tư-cách không có cái Ngã (hay linh-hồn) là hữu-ngã.

b) Ảo-tưởng về sự suy-tưởng chia ra làm bốn:

Suy-tưởng sai-lầm tư-cách vô-thường là trường-cửu,
Suy-tưởng sai-lầm tư-cách không trong sạch là trong sạch,
Suy-tưởng sai-lầm cho rằng điều xấu là tốt,
Suy-tưởng sai-lầm tư-cách vô-ngã là hữu-ngã.

c) Ảo-tưởng về kiến-thức chia ra làm bốn:

Kiến-thức sai-lầm cho rằng tư-cách vô-thường là trường-cửu,
Kiến-thức sai-lầm cho rằng tư-cách không trong sạch là trong sạch,
Kiến-thức sai-lầm cho rằng điều xấu là tốt,
Kiến-thức sai-lầm cho rằng tư-cách vô-ngã là hữu-ngã.

Chuyện con nai rừng thấy hình nộm cho là người (để giải-thích ảo-tưởng về sự nhận-thức)

Ở giữa một khu rừng lớn, có người thôn-quê làm ruộng. Mỗi khi anh ta đi vắng thì những con nai rừng thường vào ăn hết đám mạ non. Người nông-dân liền làm một cái hình nộm bằng rom giống như hình người, để làm cho nai hoảng-sợ. Anh ta đan rom thành thân hình, cái đầu, hai tay, hai chân, lấy nước vôi sơn một cái chậu tròn rồi trùm lên trên. Anh lấy quần áo rách mặc vào và gắn trên tay hình nộm một cái cung và cây tên.

Cũng như thường-lệ, đám nai rừng xông vào ăn mạ. Khi đến gần thấy cái hình nộm, chúng nó tưởng là người thật, nên hoảng-hốt bỏ chạy.

Để giải-thích, bầy nai trước kia đã có lần thấy người ta. Chúng đã ghi nhớ hình-dáng con người, tay chân, mặt mũi ... Giờ đây, chúng thấy hình giả rồi cho là người thật. Như vậy, bầy nai đã nhận-thức sai-lầm.

Ảo-tưởng này cũng có thể mô-tả bằng trường-hợp một lữ khách đi lạc đường, ngớ-ngẩn hoang-mang không biết định hướng Đông Tây từ nơi mình đứng để tìm lối ra, tuy mặt trời vẫn lặn hay mọc và người có thể nhìn thấy với đôi mắt mở sáng. Sự lầm-lẫn này, một khi ăn sâu vào trí óc, rất khó lòng sa-thải.

Có biết bao nhiêu sự việc mà chúng ta nhận-thức sai-lầm, không đúng chân-lý, nhất là hai trạng-thái vô-thường và vô-ngã. Như vậy, ảo-tưởng về sự nhận-thức khiến chúng ta nhìn xem sự-vật khác với thực-tế, cũng như con nai rừng, tuy đôi mắt mở lớn, lại cho cái hình nộm là người thật.

Chuyện thầy phù-thủy bày phép lạ (để giải-thích ảo-tưởng về sự suy-tưởng)

Có một khoa ảo-thuật làm cho đám đông thấy những cục đất mà tưởng là vàng hay bạc. Trò ảo-thuật này có năng-lực xoay chuyển được nhãn thức thông-thường và đem thay vào đó một nhãn thức khác thường. Phương-thức ma-giáo này có thể làm đảo-lộn trong khoảnh-khắc sự xét đoán. Nhưng trò ảo-thuật đó trở nên vô-hiệu đối với người biết điều-ngự thân tâm vững-vàng. Người suy-tưởng thấy rõ đó là đất, chớ không phải vàng hay bạc. Nhưng khi người bị trò ảo-thuật áp-đảo tinh-thần (nói về người nhẹ bóng vía) thì thấy đất đó trở thành vàng hay bạc chói ra sáng ánh. Như vậy, sự nhận-định và tư-tưởng của người là sai-lầm, không đúng sự thật.

Cũng như thế đó, ý nghĩ và tư-tưởng của chúng ta sanh thói quen nhận-định sai-lầm, lấy giả làm thật và phải hoang-mang điên-đảo.

Ví-dụ lúc trời sẩm tối, thường khi chúng ta nhận lầm cái thân cây là người ta. Hoặc giả thấy một lùm cây lại tưởng là con voi hay thấy voi tưởng lùm cây.

Trên thế-gian, phần nhiều những ý nghĩ sai-lầm trong khi quan-sát các sự-vật đều do ảo-tưởng về sự suy-tưởng có tính-cách mạnh-mẽ hơn ảo-tưởng về nhận-thức. Nó lừa-đảo, khiến các sự-vật vô-lý trở thành chí-lý. Ảo-tưởng này có thể bị loại-trừ khi chúng ta biết chú-ý tìm tòi về nhân-duyên của các sự-vật.

Chuyện người đi lạc đường (để giải-thích ảo-tưởng về kiến-thức)

Có một khu rừng lớn bị nhiều ma-quỉ yêu-tinh ám-ảnh. Chúng thường biến-hóa ra thành-thị, xóm làng.

Chợt có những du-khách không thông-thạo đường lối trong rừng đi đến. Bọn yêu-tinh biến tạo ra những đô-thị, thôn-xóm đẹp-đẽ, hấp-dẫn, như cảnh thiên-đàng. Chúng lại hóa ra làm chư-thiên, nam có, nữ có. Chúng sáng-tạo ra nhiều đường xá đẹp đẽ xuyên qua những phong-cảnh huy-hoàng, chẳng kém gì thiên-giới.

Các hành-khách đến đó thấy đường của yêu-tinh, ngờ rằng nó sẽ đưa mình tới những đô-thị phồn-ba, tráng-lệ, nên bỏ đường tốt đang đi, rồi phải lang-thang vất-vả trên lộ-trình quái-gỗ, phỉnh-phờ, và rốt cuộc bị sa vào các thành-thị yêu-tinh, chịu khổ-não trăm bề.

Trong câu chuyện, rừng lớn ám-chỉ Tam-Giới, là: Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Những lữ-khách là hàng nhân-loại. Đường tốt tượng-trung cho chánh kiến. Đường sai-lạc của ma-quỉ nguy-tạo là tà kiến.

Ở nơi đây, chánh kiến có hai: chánh kiến thế-gian và chánh kiến siêu-thế-gian.

Chánh kiến thế-gian là nói về các chúng-sinh hiểu biết nghiệp quả lành dữ, tốt xấu, biết rằng nó là tài-sản của mình và luôn theo sát bên mình trong đời sống.

Chánh kiến siêu-thế-gian có nghĩa là suốt-thông giáo pháp nguồn-gốc của ngũ-uẩn về tư-cách vô-ngã, thấu rõ các yếu-tố chủ-quan và khách-quan của lục-căn (āyatanas).

Trong hai loại chánh kiến đó, cái thứ nhất ám-chỉ con đường tốt đẹp của thế-gian còn ở trong vòng sanh tử luân-hồi. Con đường đưa tới cảnh an vui tương-đối của nhân-loại, Chư Thiên, Phạm Thiên, cũng như những lâu-đài, cung-điện tại trần-gian và trên thiên-giới. Cái thứ nhì mang tính-cách siêu-

phạm với những yếu-tố giác-ngộ. Đó là con đường tốt đẹp đưa người ra khỏi bánh xe sanh tử luân-hồi, đưa đến Niết-Bàn.

Tà kiến có nghĩa là không thông-thấu nghiệp quả lành dữ, tốt xấu, đưa đến thống-khổ, bằng ước mơ vô-vọng, thiếu trí-tuệ (Natthikadiddhi), hay hoài-nghi (Ahetukadiddhi) và chấp trạng-thái hư-vô (Akiriya diddhi). Đó là những con đường dẫn người đi lạc lối. Những cảnh-giới khổ đau được dành riêng cho: súc-sinh, A Tu La, ngã-qui, tội-nhân trong các địa-ngục, ví cũng như các thành-thị của loài yêu-quái.

2. Tư-cách nông-cuồng thiếu-trí (Mannanā)

Mannanā có nghĩa là nông-cuồng, khờ-dại, kém thông-minh, si-mê, hay suy-nghĩ viễn-vong, tin-tưởng sai-lầm, là tư-cách vô-ý-thức làm phát-sinh những ảo-tưởng. Ảo-tưởng khiến cho tối-tăm khờ-dại và phát-sinh điên-đảo.

Có ba loại nông-cuồng thiếu-trí:

Ngông-cuồng do ái-dục (Tanhā mannanā),

Ngông-cuồng do ngã mạn (Māna mannanā).

Ngông-cuồng do suy-nghĩ lầm-lạc (Diddhi mannanā).

a) Ngông-cuồng do ái-dục nghĩa là có tư-tưởng kỳ-dị bao-la: "Đây là Ta ... Đây là bản ngã!", luyện-ái ôm-ấp cái không phải là ta, không phải là của ta, trong khi chẳng có gì có thể gọi là ta hay của ta. Tuy-nhiên, thói thường con người hay nhận-định về những sự-vật chủ-quan (của mình) và khách quan (ở bên ngoài) như vậy: "Cái này là của ta. Cái kia không phải của ta", hay là: "Cái này là bản ngã, còn cái kia không phải". Sự suy-tưởng phân-biệt mơ-hồ như vậy gọi là: nông-cuồng do ái-dục.

Những vật chủ-quan ám-chỉ thân-thể và các bộ-phận trong con người. Còn những vật khách-quan là nói về cái chi ở bên ngoài, cũng như bà con, cha mẹ, vân-vân ..., và tài-sản của mình.

b) Ngông-cuồng do ngã mạn có nghĩa là đánh-giá quan-trọng những gì thuộc về mình, như: " Ta đây - Ta là thế này". Khi bị khuyến-khích un-đức bởi những ý nghĩ đó, con người trở thành cống cao, ngã mạn, hieu-hieu tự-đắc. Ở đây, những yếu-tố chủ-quan là tự-đắc, ỷ-lại vào hiệu-lực hay-ho của: mắt, tai, chân tay ... của trí khôn-ngoan hiểu biết, của sức-khỏe mình, vân-vân ...

Còn những yếu-tố khách-quan là ám-chỉ sự cống cao, hống-hách về gia-đình sung-túc, quyền-thế, về sự giao-thiệp rộng-rãi, về nếp sống, nhà cửa, của tiền, vân-vân ...

c) Ngông-cuồng do suy-nghĩ lầm-lạc có nghĩa là đánh-giá quan-trọng những vật trong bản-thân, như: thân ta, lập-trường của ta, sức-khỏe, bản-chất, tâm-

hòn, nghị-lực của ta. Trong ngôn-ngữ dùng để ám-chỉ cái "bình đất" hoặc cái "chén đất", người ta hiểu rằng do chất đất để làm ra "bình" và "chén", rồi khi đất thành-hình thì được gọi là "bình", là "chén".

Cũng như người ta lấy sắt làm ra bình, chén, rồi gọi là "bình sắt", "chén sắt". Như thế, đất và sắt đều là yếu chất của hai món đồ dùng đó.

Thì cũng như thế ấy, đất là bản-chất của hình-hài các chúng-sinh và của cái "Ngã", khiến con người nhận-định ngộng-cuồng, cho rằng chất đất là "Bản ngã" (Ta).

(Những nguyên-tố khác cấu-hợp thành xác thân như: nước, lửa, gió, vân-vân ..., cũng được giải-thích như thế-thức trên đây).

Đó là sự ngộng-cuồng do suy-nghĩ, nhận-định sai-lầm.

Cả ba loại ngộng-cuồng do: ái-dục, ngã mạn làm-lạc cũng được gọi là ba "Thế-lực" (Gāhas) dững-mãnh trói chặt con người. Chẳng những thế, chúng còn liên-tục gây ra nhiều sự ngộng-cuồng làm-lẫn khác xấu-xa, tội-lỗi, vô bờ bến, chẳng biết lúc nào mới chấm dứt, nên cũng được gọi là "Papancas".

3. Thành-kiến bất-di bất-dịch (Abhinivesa)

Abhinivesa có nghĩa là thành-kiến, là đức tin được ghi sâu trong trí óc một cách vững chắc, không gì lay-chuyển nổi, như những trụ lạng bằng đá trong các đền tháp, hoặc những cột cái của ngôi nhà to lớn.

Có hai loại thành-kiến bất-di bất-dịch:

Thành-kiến rắn chắc do ái-dục (Tanhābhinivesa),

Thành-kiến do si-mê làm-lạc (Diddhābhinivesa).

a) Thành-kiến do ái-dục là sự tin chắc rằng: Thân này là của ta ... đầu, chân, tay, mắt, mũi, vân-vân ... đều là của ta. Nhưng trên thực-tế, chúng đâu nào phải của ta, và luôn-luôn tin như vậy trong vô-lượng kiếp.

b) Thành-kiến vì si-mê làm-lạc là tin-tưởng chắc rằng có một cái Ngã (hay linh-hồn) trong con người hay sinh-vật, cho đó là một quyền năng tối-thượng, bất-di bất-dịch, có uy-lực điều-khiển xác thân.

Hai thứ thành-kiến nói trên cũng có thể gọi là: Tanhānissaya và Diddhinissaya. Chúng được xem như hai cây trụ vững chắc, to lớn, nâng đỡ năm uẩn, xác thân và tâm thức, hoặc như hai cái trạm lớn để cho hạng phàm-phu (Puthujjanas) ngồi nghỉ.

4. Giai-đoạn căn-bản (Bhūmi)

Bhūmi có nghĩa là giai-đoạn, hay tình-trạng, căn-bản của các sinh-vật, từ đó chúng nảy-nở, tiến triển thêm.

Tình-trạng căn-bản có hai:

Tình-trạng căn-bản của hạng phàm-nhân (Puthujjana bhūmi),

Tình-trạng căn-bản của bậc siêu-nhân (Ariya bhūmi).

a) Nếu nhận-định đúng theo chân-lý, thì tình-trạng căn-bản của người thế chỉ là một ảo-tưởng về kiến-thức mà thôi (tà kiến). Vì tất cả chúng-sinh có sự sống trên thế-gian đều mang theo ảo-tưởng về kiến-thức, nên có ý nghĩ sai-lầm, cho rằng: "Trong bản thân ta, chắc có vật gì rất cao đẹp, thiết-yếu, trường-tồn, bền-bỉ".

- Tư-cách ngông-cường do si-mê lầm-lạc (Diddhi mannanā),
- Kiến-thức sai-lầm (Diddhi gāha),
- Tư-cách gia-tăng sự lầm-lạc (Diddhi papanca), và
- Thành-kiến bất-di bất-dịch do si-mê lầm-lạc (Diddhi abhinivesa)

đều là những giai-đoạn, những trạm dừng chân, những vật nâng đỡ, những bển dò dành riêng cho hạng phàm-nhân ngồi nghỉ. Và khi nào bị dính mắc, được sự nâng đỡ trong một địa-thế sai-lầm vững chắc như thế, con người không sao thoát-ly ra khỏi vòng sanh tử.

b) Trái lại, tình-trạng căn-bản của bậc có giới-đức hay thánh-nhân (Ariya bhūmi) là tình-thế của hạng siêu-nhân cao-quý không còn sự lầm-lẫn nào cả. Nói theo ý-nghĩa tuyệt-đối, đó là sự hiểu biết chân-chánh (chánh kiến), sự nhận-thức chân-chánh, sự suy-nghĩ chân-chánh (Chánh Tư Duy) đưa tới nhận-định: "Ở trong ta, trong xác thân ta, chẳng có cái chi là tốt đẹp, là thiết yếu, là trường-tồn vĩnh-cửu".

Vì lẽ bậc phạm-hạnh hay thánh-nhân luôn-luôn sống trong chánh kiến, nên chánh kiến có thể gọi là giai-đoạn hoặc tình-trạng căn-bản của bậc siêu-nhân. Khi thành-đạt được chánh kiến đó, con người đã vượt qua khỏi tình-trạng căn-bản của phàm-nhân để bước qua giai-đoạn căn-bản của bậc siêu-nhân và được gọi là "Ariyan".

5. Tư-cách chuyển kiếp (Gati)

Gati có nghĩa là thay đổi, diễn biến, làm lại kiếp sống mới hoặc làm cho tiến hóa, phát-triển nhiều kiếp sống, nhiều giai-đoạn khác.

Có hai loại chuyển kiếp:

Chuyển kiếp của hạng phàm-nhân (Puthujjana gati),

Chuyển kiếp của bậc siêu-nhân (Ariya gati).

a) Chuyển kiếp của hạng phàm-nhân là tư-cách thay đổi rời rạc, không nhất-định được kiếp sống tương-lai của mình là thế nào, mà thường bị bắt buộc

phải sa vào một trong 31 cảnh giới tái-sinh tùy theo sự đưa đẩy của những nghiệp (Kammas) tạo ra trong quá-khứ.

Mỗi chúng-sinh, khi xuất-hiện, nhất-quyết phải mang lấy thảm-họa của cái chết đang chờ sẵn, và lúc chết cũng chắc-chắn phải bị phân-tán (Vinipātana), bị lọt vào bất cứ kiếp sống nào (không biết vui hay khổ, sang hay hèn). Lẽ đó, sự chết và sự phân-tán vô-định là hai nỗi thống-khổ đi đôi với nhau của mỗi chúng-sinh. Trong hai cái khổ đó, tư-cách phân-tán qua kiếp sống mới, sau khi chết, còn tệ-hại hơn cái chết. Vì lẽ bốn cảnh-giới khổ đau, mà to lớn nhất là A Tỳ địa-ngục, đang mở rộng cửa đợi chờ kẻ phàm-phu (Puthujjana) khi vừa từ-giã trần-gian, vừa bỏ lại kiếp người.

Tại sao người đời lại sợ chết? Vì sau khi chết, chúng-sinh phải bị phân-tán, chẳng biết sẽ được sanh về cõi nào. Nếu không có sự phân-tán, thì hẳn người đời có thể lựa chọn kiếp sống mới của mình tùy theo sở-thích và chẳng ai còn sợ chết nữa. Tuy-nhiên, cũng có hạng chúng-sinh muốn tìm cái chết để đổi lấy kiếp sống mới (vì đã sống quá lâu trong một kiếp, như chư-thiên cõi Vô Sắc).

Theo kinh "Kānakaochapa Sutta", lý-do khiến những chúng-sinh bị sa vào cảnh giới khốn-cùng, khó bề được tái-sinh làm người, vì lẽ các chúng-sinh đó bị chuyển vào địa-thế thấp-hèn khốn-quần, luôn-luôn nhìn xuống thấp và chẳng hề ngó lên cao.

Nhìn xuống thấp có nghĩa gì? Vì sự si-mê được gia-tăng, củng-cố vững chắc thêm từ kiếp này qua kiếp khác, như nước sông rạch chảy xuống đồng bằng đất thấp, nên những chúng-sinh thuộc bốn đường ác đạo càng bị sa-đọa thêm. Đối với chúng, các con đường đưa về cõi an vui cao-thượng đều bế-tắt và chỉ còn lại mấy đường bần-cùng, khốn-khổ, mà thôi. Đó là ý-nghĩa của câu nói "Nhìn xuống thấp". Cũng như câu chuyện con rùa đui, các bậc hiền-triết cho rằng không gì khốn-đốn, nguy-hiêm bằng tư-cách phân-tán kiếp sống mới của người mê-tục sau khi chết.

b) Còn thế nào là tư-cách chuyển kiếp của bậc siêu-nhân (Ariya gati)?

Đó là trạng-thái tương-phản của sự phân-tán (Vinipātana), là thoát-ly ra khỏi sự phân-tán vô-định về kiếp sống sau khi chết, hoặc giả hủy-diệt sự phân-tán đi đôi với cái chết của mỗi chúng-sinh. Đó là tư-cách chuyển kiếp về cõi an vui theo sự lựa chọn. Nghĩa là giải-thoát ra khỏi lãnh-vực chuyển kiếp của hạng phàm-nhân (Puthujjana gati) để bước sang lãnh-vực chuyển kiếp siêu-nhân (Ariya gati).

6. Chân-lý (Sacca)

Sacca là chân-lý, là thực-tại của mỗi sự-vật được nhận-định đúng theo bản-chất của nó.

Có hai loại chân-lý:

Chân-lý ước-định hay tương-đối (Sammuti sacca), hay là "tục đế".

Chân-lý cùng tốt hay tuyệt-đối (Paramattha sacca), hay là "chân đế".

a) Trong hai thứ chân-lý đó, chân-lý tương-đối là khoa ngôn-ngữ mà phân-đồng người đời hay dùng để mô-tả: "Có một cái Ngã", "Có một linh-hồn trường-cửu", "Có một sinh-vật", "Có một con người", "Có chư-thiên", "Có Trời Đấng-Thích", "Có con voi", "Có cái đầu, cái tay", vân-vân ...

Chân-lý ước-định này (tục đế) là thực-tế đối với các sự hiện-hữu mà người đời dễ thực-hành và nó tương-phản với sự đối-trá thông-thường.

Cũng có một lẽ-lối ngôn-ngữ khác dùng để tránh né sự không chân-thật và chẳng làm phiền hay đụng chạm tới người khác. Ví-dụ nói: "Có thể có một cái Ngã bất-di bất-dịch, trường-tồn vĩnh-cửu", hay nói: "Cũng có thể có một linh-hồn không xuất-hiện hoặc biến mất từng lúc trong kiếp sống". Nhưng nếu nói theo chân-lý tuyệt-đối, thì đây chỉ là một ảo-tưởng (Vipallāsa), một sự nhận-định sai-lầm, cho cái vô ngã, cho cái không có thực-thể là cái Ngã (Ta). Khi nào kiến-thức lầm-lạc đó còn nguyên vẹn, thì con người khó bề thoát-ly ra khỏi bánh xe sanh tử.

b) Trái lại, chân-lý cùng tốt, hay tuyệt-đối (chân đế) là tư-cách phủ-định cái thực-tại về các hiện-tượng (vật-chất và tâm-lý do giác-quan nhận xét). Xin nói về chân-lý với tính-cách quyết-định: "Nguyên-tố rắn chắc (như đất) có thật", "Nguyên-tố lưu-động (như nước) có thật", "Nguyên-tố nóng (như lửa) có thật", "Nguyên-tố rung chuyển (như gió) có thật" ... Tư-tưởng, tình-cảm, tâm thức, sự tiếp xúc ... đều có thật" hay là "sắc uẩn có thật" ...

Nhưng nói về chân-lý với tính-cách phủ-định, thì là: "Không có cái Ngã", "Không có linh-hồn trường-cửu", "Không có con người, chư-thiên, Đấng-Thích ..., không có con voi, vân-vân ...".

Khi nói như vậy, chúng ta quan-niệm rằng hiện giờ chẳng có một thực-thể nào đáng gọi là cái Ngã, hay linh-hồn trường-cửu, bất-biến. Với cách nói: "Không có chúng-sinh", không có ... v.v. ..., có nghĩa là hiện nay chỉ có những nguyên-tố tinh-thần và vật-chất mà thôi. Những nguyên-tố đó không phải con người, không phải sinh-vật, chư-thiên, v.v. ... Như thế, chẳng có một cá-nhân nào ngoài những nguyên-tố đó.

Chân-Lý sau này là cùng tốt, là tuyệt-đối. Nó có tính-cách tương-phản với ảo-tưởng sai-lầm và cũng có thể lẫn-lộn với ảo-tưởng mà chúng ta gọi là

"chân-lý ước-định hay tương-đối". Kẻ nào thấu rõ sự lẫn-lộn của hai loại chân-lý đó và biết tìm cách sa-thải, hủy-diệt ảo-tưởng, kẻ ấy mới có thể tránh khỏi những đau khổ của vòng sanh tử luân-hồi, làm cho đời sống đạo-đức tiến-hóa một cách cao-thượng.

Theo chân-lý tương-đối, thì con người có thật, sinh-vật có thật. Nhân-loại và các chúng-sinh khác đều di-chuyển, diễn biến liên-tục trong biển cả về nguồn sống.

Nhưng theo chân-lý tuyệt-đối thì chẳng có người hay sinh-vật nào cả. Người và sinh-vật cũng không di chuyển, diễn biến liên-tục từ kiếp này qua kiếp khác.

Vậy hai chân-lý đó tương-phản với nhau như thế nào? Cũng có thể chúng ta chấp-nhận cả hai. Vì mỗi chân-lý đều là đúng, tùy theo sự nhận-định tương-quan về các sự-vật.

Ta chớ nên chống lại khi nghe một người nọ nói: "Có con người, có sinh-vật ...". Theo chân-lý tương-đối, vì thật ra con người hay sinh-vật đang ở trước mắt ta.

Và nếu có người thứ hai nữa nói theo chân-lý tuyệt-đối rằng: "Không có người, không có sinh-vật, mà chỉ toàn là những hiện-tượng (pháp) Danh và Sắc" thì người thứ nhất cũng không nên phủ-nhận. Mà thật đúng như vậy, người có trí huệ siêu-nhân chỉ thấy toàn là những Danh Pháp và Sắc Pháp mà thôi.

Như thế, danh-từ "đất" không thể mô-tả cái bình hay cái chén, mà nó ám-chỉ chất đất. Bình và chén cũng không thể mô-tả chất đất mà đó chỉ là sự tương-tượng (Santhāna pannatti) do tâm-trí nhận-định theo bề ngoài xuyên qua: hình-sắc, kiểu mẫu, công-phụ, để chế-biến đất thành ra bình và chén. Như vậy, phải chấp-nhận đúng theo chân-lý tuyệt-đối là: "Bình đất hay chén đất đều không có".

Sau đây, là sự phân-tách, đúng theo chân-lý tuyệt-đối, 28 Sắc pháp căn-bản:

A) 18 Đặc-tính vật-chất có khả-năng nảy-nở và phát-triển (Jāta rūpani):

1) Nguyên-tố rắn chắc hay duỗi ra (như đất) 2) Nguyên-tố lưu-động hay kết-hợp (như nước) 3) Nguyên-tố nóng hay rọi sáng (như lửa) 4) Nguyên-tố xúc-động hay rung-chuyển (như gió)	Tứ Đại
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------

5) Mắt 6) Tai 7) Mũi 8) Lưỡi 9) Thân 10) Tâm	Lục Căn
11) Giống cái (hay nữ) 12) Giống đực (hay nam)	Hai giống
13) Sinh-lực	Đặc-tính vật-chất của sự sống
14) Vật thực	Đặc-tính vật chất để nuôi mạng
15) Hình-sắc (Sắc) 16) Âm-thanh (Thinh) 17) Mùi (Hương) 18) Vị	Bốn Trần

B) 10 Đặc-tính không có khả-năng vật-chất để nảy-nở và phát-triển (Ajāta rūpani):

19) Không-gian (có tính-cách giới hạn)	
20) Tiếp-xúc bằng thân 21) Tiếp-xúc bằng lời nói	Hai sự đụng
22) Tư-cách nhẹ-nhàng 23) Tư-cách dịu-dàng 24) Tư-cách thích-hợp	Ba tính chất
25) Tư-cách kết-hợp 26) Tư-cách tiếp-nối 27) Tư-cách suy-nhược 28) Tư-cách vô-thường (làm cho hư hoại hay hết)	Bốn đặc điểm

7. Tuệ-giác nội-tâm cao-thượng (Parinnā)

Minh sát cho thấy rõ ba tướng: "Vô-thường - Khổ-não - Vô-ngã" làm phát-sinh ba tuệ-giác nội-tâm như sau:

- Tuệ-giác nội-tâm thấy rõ trạng-thái Vô-thường (Anicca vipassanānāna)
- Tuệ-giác nội-tâm thấy rõ trạng-thái Khổ-não (Dukkha vipassanānāna)
- Tuệ-giác nội-tâm thấy rõ trạng-thái Vô-ngã (Anattā vipassanānāna).

Trong ba tuệ-giác đó, cái thứ ba là thiết-yếu nhất để phá-tan si-mê lầm-lạc về lý-thuyết "Linh-hồn" (hay cái Ngã). Nhưng muốn đắc tuệ-giác về vô-ngã, hành-giả cần phải hiểu rõ điểm thứ nhất (tư-cách vô-thường). Vì nhận-định được trạng-thái vô-thường, người mới biết thế nào là vô-ngã. Nhưng hiểu biết cái thứ nhất (vô-thường) chưa đủ để thấu-đáo triệt-để cái thứ nhì (khổ-não). Do cái tuệ thứ hai chưa được đạt đáo hoàn-toàn, nên mới có sự phân chia ra bốn quả thánh, vì ái-dục và ngã mạn (vi-tế) vẫn còn tồn-tại, đến hai quả sau là: "A Na Hàm và A La Hán" mới dứt tuyệt.

Như thế, trong kiếp này, may-mắn được gặp giáo pháp của Đức Phật, chúng ta nên cố công trì-chí tham-thiền, quán tưởng về trạng-thái vô-thường của vạn-vật, để thông-thấu triệt-để trạng-thái vô-ngã (tuệ-giác thứ ba). Sau đây là câu Phật-Ngôn để chứng-minh điều đó:

"Hỡi này Meghiya! Kẻ nào thông-suốt trạng-thái vô-thường, tất-nhiên tư-cách vô-ngã phát-sinh rõ-rệt. Kẻ nào thấu-đáo tư-cách vô-ngã, thì sự ngông-cuồng, cố-chấp sai-lầm về cái Ngã cũng tiêu-tan".

Muốn tham-thiền về Minh Sát Tuệ, ngoài những nơi thanh-vắng rất cần-thiết cho pháp-môn Tịnh-Tâm (Samatha), hành-giả, về Vipassanā, có thể thực-hành tu tập bất cứ tại chỗ nào. Khi công-phu tạo-luyện được chín mùi, tuệ-giác nội-tâm làm thấy rõ tư-cách vô-thường có thể phát-sinh trong lúc ta đang nghe một bài diễn-văn, hoặc còn sống giữa gia-đình. Đối với những hành-giả hiểu biết thâm sâu, các hiện-tượng ở trong bản-thân hay ngoài bản-thân, ở trong nhà hay ngoài nhà, ở trong làng hay ngoài làng, đâu-đâu cũng là những đề-mục quán-tưởng để thành-đạt tuệ-giác về sự vô-thường.

Muốn hành pháp Minh Sát cho có kết-quả, cần nhất phải quán xét, phân-tách luôn-luôn những trạng-thái thay đổi, hay diễn biến cấp-bách toàn-diện (Santativiparināma), hoặc thay đổi nhỏ-nhen từ-từ nhưng liên-tục (Santatianathā-bhāva) của các sự-vật mà chúng ta có thể thấy và trác-nghiệm. Tóm lại, tuệ-giác nội-tâm chỉ phát-sinh tùy theo sự nhận-định sáng-suốt, đúng theo chân-lý, ba trạng-thái: Vô-thường - Khổ-não - Vô-ngã, của các pháp.

Sau đây là những điểm cốt-yếu dành riêng cho các hành-giả tu "Minh Sát Tuệ":

Trong ba tuệ-giác nội-tâm, trước nhất phải cố-gắng thành-đạt cái Tuệ về "Vô-thường". Vì hạng phàm-nhân hằng ngày luôn-luôn tiếp-xúc với cảnh-vật bên ngoài, nên dễ có cơ-hội để trắc-nghiệm. Những cử-động của một tài-tử trên màn ảnh, thực-hiện bằng vô-số hình nhỏ trong cuộn phim cho thấy nhiều sự thay-đổi liên-tiếp và đó là một trạng-thái "Vô-thường". Trên sân-khấu, những anh kép hát tới lui, nhảy nhót, ca hát, bày trò với nhiều điệu-bộ luôn-luôn thay đổi cũng là một trạng-thái vô-thường. Sự hoạt-động, thay đổi của những cơ-quan hay tế-bào trong thân-thể chúng ta cũng là những trạng-thái vô-thường. Đứa trẻ nằm khi mới sanh, vài tháng sau biết lật, biết ngồi. Rồi ít lâu sau biết đi, biết nói và tiếp-tục lớn thêm, cũng là những trạng-thái vô-thường. Nhưng đây là vô-thường có tính-cách chậm-chạp, từ-từ, liên-tục, gọi là "Santatianathābhāva".

Những biến-chuyển xảy ra thành-linh, bất cập, chớp nhoáng, đem lại sự thay đổi toàn diện, như: chết chóc, nạn hỏa, nạn lụt, sát sanh, chiến tranh tàn sát khủng-khiếp, tai-nạn lưu-thông, bệnh nặng cấp-kỳ, giàu trở thành nghèo hay nghèo trở nên giàu một cách mau chóng bất ngờ, đều là những trạng-thái vô-thường, nhưng với tính-cách mau chóng và quan-trọng, nên gọi là "Santativiparināma".

Trạng-thái vô-thường là đặc-tính sau cùng (thứ 28) trong bản liệt kê trên đây, cho biết rằng nó đồng nghĩa với tư-cách "hủy-diệt hay chết". Thấy được vô-thường, tất-nhiên thấy rõ tư-cách sanh diệt của các Danh và Sắc pháp.

Trước hết, hành-giả nên tham-thiền, quán tưởng các hiện-tượng vật-chất, nhất là "tứ đại", và sáu cái tâm ái-dục về sắc trần thuộc phần tâm-lý.

Nếu trong một ngày, hành-giả thấy rõ một cách liên-tục vô-số lần tư-cách sanh diệt của tứ đại (đất-nước-lửa-gió), thì tư-cách sanh diệt của các Sắc pháp tùy-thuộc vào tứ đại cũng phát-hiện. Về những Danh pháp cũng thế, khi thấy được tư-cách sanh diệt của những loại tâm ái-dục, thì các Danh pháp khác tùy-thuộc cũng xuất-hiện cùng lúc, nhất là các pháp liên-quan tới mây uẩn: Thọ-Tướng-Hành-Thức.

Vô-số sự thay đổi trong một bước đi, một cử-động hoặc oai-nghi, đều là những trạng-thái vô-thường. Chúng ta có thể nhận-định rõ-rệt tư-cách vô-thường và hủy-diệt các Danh và Sắc pháp bằng cách quán xét các sự thay đổi thường-xuyên trong bản-thân mình, để thành-đạt tuệ-giác nội-tâm về tư-cách "hủy-diệt các pháp". Như thế có nghĩa là chúng ta đã thuận-thục trong việc Minh Sát tất cả những diễn biến, thay đổi, từ lớn đến nhỏ, trong mỗi

giây, mỗi chập, về các bộ-phận trong cơ-thể. Chùng đó, sự rèn-luyện pháp Minh Sát của hành-giả được xem như đã hoàn-tất đầy đủ.

Hoàn-tất đầy đủ ở đây có nghĩa là được thực-hành đúng-đắn và tuệ-giác này (thấy rõ vô-thường) mang lại sự sáng-suốt thường-xuyên trong đời sống, chớ chưa hẳn là hoàn-toàn giác-ngộ. Tư-cách giác-ngộ để đắc quả thánh-nhân đến mau hay chậm, còn tùy-thuộc vào duyên nghiệp và cơ-hội viên-mãn do các pháp hành cao-thượng hơn. Cũng không biết chắc-chắn lúc nào đạo quả phát-sinh. Dù là bậc thánh Tu Đà Huòn cũng không biết chắc lúc mình được nhập lưu, vì thời-gian tồn-trữ của những ô-nhiễm tiềm-tàng không thể nào biết nổi. Có nhiều hành-giả chưa thấu-đáo chu-kỳ của các ô-nhiễm tiềm-tàng, tưởng rằng mình đã nhập lưu, nhưng vẫn còn tà kiến và hoài-nghi.

Dù sao, các hành-giả về Minh Sát Tuệ cũng nên tiếp-tục cố-công quán tưởng về tư-cách vô-thường cho tới khi kết-thúc. Đến bậc thánh A La Hán cũng không hề xao-lãng trong pháp hành Minh Sát, để giữ cho nội tâm yên-tĩnh. Nếu bền tâm trì-chí tu tập suốt đời. Đến khi vượt qua khỏi tình-tạng phàm-nhân (Puthujjana bhūmi) thì hành-giả sẽ bước sang giai-đoạn siêu-nhân (Ariya bhūmi) hoặc trước khi chết hay trong lúc chết, và được tái-sinh về thiên-giới.

Ledi Sayadaw, 1915

Lời của soạn-giả:

Ảo-tưởng (Vipallāsa), Tư-cách ngông-cuồng, si mê, làm lẫn (Mannanā), và Thành-kiến không gì lay-chuyển nổi (Abhivivesa) được đề-cập trong Thiên Khái-Luận là ba yếu-tố rất tai-hại, làm cho người đời thêm tối-mê ngã chấp, mà cũng là những vật chướng-ngại lớn-lao chặn đứng bước tiến của người hành đạo. Khi bị các chướng-ngại đó chế-ngự rồi, thì con người trở nên tà kiến, làm-lẫn và kéo dài vô-tận cảnh-tượng sanh tử khổ đau.

1. Ảo-Tưởng

Có một số hành-giả tu thiên-định thuộc các đạo-giáo bị các ảo-tưởng lôi cuốn, đặc-biệt là ảo-tưởng về kiến-thức (Diddhivipallāsa), lấy giả làm thiệt, thấy trật tưởng trúng, cho Tà là Chánh. Nhiều khi thấy đi dạo cảnh tiên, nói chuyện với trời Phật thánh thần, hoặc nhiều chuyện quái-gở khác, rồi say mê ôm-ấp các cảnh giới giả-tạo đó khiến cho tinh-thần hoang-mang điên-đảo.

Ảo-tưởng này được giải-thích bằng câu chuyện "Người đi lạc trong rừng" thấy đường xá phong-cảnh giả-tạo đẹp đẽ liền bỏ lộ-trình cũ, xông vào nẻo

mới, đi đến đô-thị của loài yêu-quái, rồi bị lạc trong rừng lớn là Tam Giới: Dục Giới - Sắc Giới - Vô Sắc Giới, không sao thoát ra khỏi đặng.

2. Tư-cách nông-cuồng suy-nghĩ viển-vong làm-lẫn (Mannanā)

Ba Sự nông-cuồng làm-lẫn do ái-dục, ngã mạn và suy-nghĩ tà tây, khi khởi đầu không mấy tai-hại, nhưng lâu năm chầy tháng sẽ trở-thành những thế-lực "Gāha" hay "Thành-kiến" tạo thêm nhiều sự làm-lẫn khác. Bị dính mắc vào đó, con người càng gia-tăng ái-dục cống cao và không sao đi đến giải-thoát đặng, như chuyện vị Đại Phạm Thiên Baka và Uruvela Kassapa, giáo-chủ nhóm thờ thần lửa rất ngã mạn, tự cho mình là trong sạch cao-thượng hơn Đức Phật.

3. Thành-kiến không gì lay-chuyển nổi (Abhinivesa)

Thành-kiến sai-lầm do ái-dục (Tanhābhinivesa) khiến con người khư-khư tin chắc rằng thân-xác này là của mình. Nhưng nguy hại nhất là thành-kiến do si-mê làm-lẫn (Dittha bhinivesa), cho rằng có một linh-hồn bất-di bất-dịch chế-ngự con người. Đây là nguồn cội của đức tin về thần-quyền tha lực, về một quyền năng tối-thượng, về đáng tạo-hóa điều-khiển muôn loài vạn vật, không đúng với tôn-chỉ của đạo Phật.

4. Tư-cách chuyển kiếp (Gati)

Danh-từ chuyển kiếp ở đây không đồng nghĩa với "luân-hồi", mà ám-chỉ sự di-chuyển của chúng-sinh từ cảnh-giới này qua cảnh-giới khác.

Phân-tán kiếp sống sau khi chết (Vinipātana) có nghĩa là con người, khi lìa trần, sẽ bị phân chia tán lạc vào các cảnh-giới mới.

Người đời ghê sợ bị phân-tán sau khi chết hơn là sợ chết, vì lẽ không biết chắc mình sẽ tái-sinh về đâu trong 31 cảnh giới. Không biết mình sẽ được sanh làm người nữa chăng? Hay là bị sa vào bốn đường ác đạo? Nói tóm lại, con người vô đạo đức, chẳng thông nghiệp quả, thì không thể lựa chọn kiếp sau của mình là thế nào.

Trái lại, những bậc phạm-hạnh tại-gia hay xuất-gia quyết-tâm hành đạo, dù hiện nay chưa giác-ngộ, thế nào đạo quả cũng sẽ đến trong những kiếp tương-lai, như hột giống gieo xuống đất mọc lên cây và thế nào cũng đơm bông trở trái trong thời-gian nào đó. Chỉ có những bậc thánh mới biết chắc về kiếp tới của mình: Tu Đà Hoàn biết còn tái sanh 7 kiếp. Tư Đà Hàm, một kiếp. A Na Hàm không trở lại thế-gian nữa và A La Hán đã chấm-dứt nguồn sanh tử.

5. Chân-lý tương-đối "tục-đế" và tuyệt-đối "chân-đế" (Sammuti Sacca và Paramattha Sacca)

Mỗi chân-lý đều có ý-nghĩa riêng của nó:

- Chân-lý tương-đối, hay ước-định, là thực-tiến đối với hạng phàm-nhân, chỉ biết nhận xét các sự-vật xuyên qua hoạt-động của các giác-quan. Rất khó bề phủ-nhận cái hiện tượng của cây xoài hay con chó khi chúng nó ở trước mắt chúng ta. Cũng như niềm vui hay khổ thật sự được biểu-lộ bằng nụ cười hay tiếng khóc.

- Trái lại, chân-lý tuyệt-đối là sự xét đoán đúng theo thực-tế của "tuệ-giác nội tại" dựa theo ba trạng-thái: Vô-thường, Khổ-não, Vô-ngã, của những sự-vật phát-sinh tùy-thuộc Danh và Sắc pháp.

Đối với hạng thế-nhân, hai chân-lý đó có thể lẫn-lộn, mơ-hồ, khó phân-biệt rõ-rệt.

Nhưng các bậc hiền-triết, nhờ cố gắng trì-chí tìm-tòi học-hành và, khi đi đến trình-độ cao cả, thành-đạt tuệ-giác nội tại, thì các ngài biết phân chia ranh-giới giữa hai chân-lý tương-đối và tuyệt-đối, rồi sa-thải cái chân-lý ước-định của người thế-tục, để chấp-nhận chân-lý tuyệt-đối siêu-thoát và bước qua lãnh-vực siêu-nhân.

6. Tuệ-giác nội tại (Parinna)

Tuệ-giác nội tại thấy rõ trạng-thái vô-thường (Aniccavipassanānāna) có hai thứ:

- Trạng-thái thay đổi cấp-bách toàn-diện (Santatīvi-parinnāma),
- Trạng-thái thay đổi nhỏ-nhen, nhưng từ-từ liên-tục (Santatiānathābhāva).

Phần đông, người thế chỉ quan-niệm tư-cách vô-thường về trạng-thái thứ nhất, như chết chóc, tai-nạn, ốm đau, giàu nghèo, vãn-vân ..., và ít để ý tới cái thứ hai.

Trái lại, các bậc phạm-hạnh tại-gia hoặc xuất-gia, ngoài việc nhận-thức những diễn biến lớn lao bất cập, các ngài luôn-luôn để tâm đến các sự thay đổi của đũa bé mới sanh rồi từ-từ trưởng-thành, đến những trạng-thái diễn biến ở ngoài và trong bản-thân, từ hơi thở, từ các cử-động, ăn nói, từ hoạt-động của cơ-thể đến các tư-tưởng, để quan-niệm đúng theo chân-lý về các Danh và Sắc pháp hữu-vi giả tạm, hầu lướt qua khỏi giai-đoạn phàm-nhân (Puthujjana bhūmi) để bước sang giai-đoạn siêu-nhân (Ariya bhūmi).

Lược giải trên đây nhằm mục-đích làm sáng tỏ thêm cho những độc-giả chưa quen với lối diễn tả thâm sâu của Đại-Đức Thiên-Sư Ledi Sayadaw.

Và những hành-giả nhiệt-thành với Minh Sát Tuệ nên phán-khởi đặt hy-vọng vào câu Phật-Ngôn:

"Viriyavato bhikkhave kim nāma na sijjhati".

"Hỡi này các tỳ-khưu! Thật ra thế nào thành quả cũng đến với những ai luôn-luôn tinh-tấn thực-hành".

---o0o---

HẾT

¹ Người ngoại-đạo thường xưng-hô vô-lẽ như vậy

² Đại Đức Ananda.

⁴ Chàng Pukkusati chưa nhận ra Đức Phật nên xưng hô như vậy.

⁵ Người ngoại-đạo xưng hô như vậy.